

LỜI MỞ ĐẦU Đoàn thị minh hưởng

LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Bước sang thời kỳ đổi mới đất nước, thời kỳ nền kinh tế thị trường, với chính sách đường lối của Đảng và Nhà nước đưa ra nhằm duy trì cơ chế mới, thúc đẩy tận dụng tối đa các nguồn lực kinh tế trong và ngoài nước, để đảm bảo nhu cầu tiêu dùng, đời sống nhân dân tích lũy, tăng thu nhập quốc dân, kích thích phát triển kinh tế xã hội. Đặc biệt từ khi luật Doanh nghiệp chính thức có hiệu lực (tháng 01/2000) đã khẳng định một bước đổi mới trong hệ thống pháp lý, tạo ra môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động, nhằm phát huy sức mạnh nền kinh tế.

Từ thực tế cho thấy số lượng doanh nghiệp đăng ký kinh doanh ngày càng tăng. Bên cạnh đó, việc sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội ngày càng phát triển, việc tiêu thụ sản phẩm hàng hoá là vấn đề quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Vì vậy để tồn tại và phát triển, doanh nghiệp không những có nhiệm vụ thu mua gia công chế biến hàng hoá, sản xuất sản phẩm mà phải tổ chức tốt khâu tiêu thụ hàng hoá. Tiêu thụ là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh. Thông qua tiêu thụ, giá trị và giá trị sử dụng của sản phẩm được thực hiện, đơn vị thu hồi được vốn bỏ ra. Cũng chính trong giai đoạn tiêu thụ này, bộ phận giá trị mới sáng tạo ra trong khâu sản xuất được thực hiện và biểu hiện dưới hình thức lợi nhuận.

Mục tiêu của kinh doanh là lợi nhuận, bên cạnh đó cũng không ít rủi ro. Muốn có được thành công đòi hỏi doanh nghiệp phải tìm tòi nghiên cứu thị trường, trên cơ sở đó đưa ra quyết định các sản phẩm tiêu thụ. Để phản ánh và cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho người quản lý kinh doanh nhằm đưa ra quyết định đúng đắn phù hợp với tình hình thực tế đòi hỏi phải tổ chức công tác kế toán một cách khoa học hợp lý. Công tác kế toán còn thực hiện chức năng phản ánh và giám đốc một cách liên tục, toàn diện và có hệ thống tất cả mọi hoạt động kinh doanh, kiểm tra sử dụng vật tư, tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động của doanh nghiệp.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường với sự cạnh tranh gay gắt, công ty TNHH GN&TM Viko đã tồn tại và phát triển, chủ động trong việc cung cấp dịch vụ. Song song với quá trình đó thì bộ phận kế toán của công ty cũng từng bước hoàn thiện và phát triển.

Quá trình tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH GN&TM Viko, em đã lựa chọn đề tài nghiên cứu khoa học: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại công ty TNHH GN&TM Viko”. Trong đề tài này tập trung đánh giá tình hình chung của đơn vị về quản lý và kế toán, phân tích quy trình kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở đơn vị, phương hướng, biện pháp giải quyết các vấn đề thực tế còn tồn tại.

MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

- Tìm hiểu những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và XKQKD tại các doanh nghiệp, tổng quan về quản lý tài chính tại các doanh nghiệp.
- Nắm bắt được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty.
- Đánh giá, phân tích tình hình tài chính của công ty TNHH GN&TM Viko, những ưu điểm, hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại công ty TNHH GN&TM Viko

Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

Đề tài nghiên cứu thành công sẽ là tài liệu để ứng dụng trong cả thực tiễn và về mặt khoa học

Về mặt thực tiễn:

Đề tài có khả năng ứng dụng :

- Tại công ty TNHH GN&TM Viko để tăng cường quản lý tài chính
- Tại một số doanh nghiệp có cùng quy mô và lĩnh vực kinh doanh với công ty làm tài liệu tham khảo

Về mặt khoa học:

- Đề tài trình bày chi tiết về các khoản mục doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho các sinh viên và giảng viên và một số đối tượng quan tâm đến khía cạnh này.
- Là công cụ giúp doanh nghiệp biết cách quản lý tốt hoạt động của công ty mình, giúp ổn định phát triển kinh tế tại doanh nghiệp

ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là: Công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh

ĐỊA ĐIỂM NGHIÊN CỨU

Đề tài được nghiên cứu tại công ty TNHH GN&TM Viko -Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP, để tăng cường quản lý tài chính tại công ty

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Ngoài phần mở đầu và kết luận đề tài gồm có 3 chương.

Chương I: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, tổng quan về quản lý tài chính trong các doanh nghiệp

Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH GN&TM Viko

Chương III: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại công ty TNHH GN&TM Viko

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đề tài sử dụng các phương pháp kế toán, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp quan sát, phương pháp thu thập thông tin, tìm hiểu tài liệu.

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH, TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1 SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu chi phí). Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận của một doanh nghiệp chính là doanh thu, chi phí và thu nhập. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng. Với việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp các nhà quản trị doanh nghiệp sẽ nắm bắt được thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đề ra những quyết định, phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cần thiết đối với các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

- Đối với nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.
- Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên đề để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay và vay trong bao nhiêu lâu.
- Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước.

1.2 NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

Trong nền kinh tế thị trường tổ chức tốt công tác hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại có vai trò đặc biệt quan trọng: Từng bước hạn chế được sự thất thoát vốn, phát hiện được những chỗ vốn bị ứ đọng, chậm luân chuyển để có biện pháp xử lý thích hợp nhằm thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn. Số liệu mà kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp cho ban lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nắm bắt, đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ đó đưa ra biện pháp khắc phục kịp thời sự mất cân đối giữa các khâu ...

Để phát huy tốt vai trò và thực sự là quản lý đặc lực kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình biến động của từng loại hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị.

Thứ hai, phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác các khoản doanh thu, giảm trừ doanh thu, chi phí của doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng.

Thứ ba, phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác để làm cơ sở xác định kết quả kinh doanh.

Ngoài ra kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính.

Thực hiện tốt các nhiệm vụ trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc quản lý và hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại. Song để thực hiện tốt các nhiệm vụ đó đòi hỏi phải tổ chức công tác kế toán thật khoa học hợp lý đồng thời cán bộ kế toán phải nắm vững nội dung của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.3 NỘI DUNG CỦA TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP

1.3.1 Khái niệm chi phí.

Trong quá trình hoạt động doanh nghiệp phải sử dụng các nguồn lực tài lực (tiền vốn, lao động, vật tư.....) để thực hiện việc sản xuất, chế tạo sản phẩm, thực hiện các công việc lao vụ, thu mua, dự trữ hàng hóa, luân chuyển, lưu thông sản phẩm, hàng hóa, thực hiện các hoạt động đầu tư...kể cả chi cho công tác quản lý chung toàn doanh nghiệp. Điều đó có nghĩa là doanh nghiệp phải bỏ ra các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa cho quá trình hoạt động của mình. Có thể nói, chi phí hoạt động của doanh nghiệp (chi phí kinh doanh của doanh nghiệp hay chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp) là toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã chi ra trong một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng tiền. Ngoài ra, còn bao gồm một số khoản chi phí khác cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực kế toán, chi phí là tổng các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu.

Do đó, chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh được ghi nhận là chi phí khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm giảm tài sản này câu đơn vị không làm tăng tài sản khác hoặc không làm giảm các khoản nợ khác của đơn vị.

Hay nói ngắn gọn, chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác.....mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

1.3.2 Các loại chi phí trong doanh nghiệp.

1.3.2.1 Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là trị giá thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

1.3.2.2 Chi phí bán hàng

Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp

dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

Chi phí nhân viên bán hàng: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa.....bao gồm tiền lương, tiền ăn ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn.....

[σ]Chi phí vật liệu bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa bảo quản tài sản cố định.....dùng cho bộ phận bán hàng.

Chi phí dụng cụ, đồ dùng: phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc.....

Chi phí khấu hao tài sản cố định: phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bán hàng, bảo quản như: nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng....

Chi phí bảo hành sản phẩm: phản ánh các khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí sửa chữa, bảo hành công trình xây lắp được phản ánh vào chi phí sản xuất chung, không phản ánh vào chi phí bán hàng.

Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu.....

Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng.....

1.3.2.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ công nhân viên

quản lý doanh nghiệp như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn....

Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ.....(giá có thuế hoặc không có thuế GTGT)

Chi phí khấu hao tài sản cố định: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng trong doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng cho văn phòng....

Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng cho công tác quản lý (giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT).

Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, thuế đất, tiền thuê đất và các khoản phí, lệ phí khác.

Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế...(không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp, tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí hội nghị tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ.....

1.3.2.4 Chi phí hoạt động tài chính.

Là những chi phí liên quan đến hoạt động về vốn, các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp. Chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí liên quan đến đầu tư chứng khoán
- Chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh kể cả các khoản lỗ liên quan
- Chi phí liên quan đến hoạt động cho vay vốn
- Chi phí liên quan đến hoạt động mua bán ngoại tệ
- Chi phí liên quan đến hoạt động cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng
- Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán khi bán sản phẩm, hàng hóa

- Chênh lệch lỗ mua bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch của tỷ giá hối đoái
- Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn
- Chi phí khác liên quan đến hoạt động tài chính

1.3.2.5 Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm: chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác.....

1.3.2.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế TNDN là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.3.3 Tổ chức công tác kế toán chi phí

1.3.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán

✓ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

✓ Tài khoản sử dụng:

TK 632: Giá vốn hàng bán

Doanh nghiệp áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên có kết cấu và nội dung phản ánh như sau:

TK 632 dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư

TK 632

- Giá vốn hàng đã bán - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)	- Kết chuyển giá vốn hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên nợ TK911 “xác định kết quả kinh doanh”
---	--

TK 632 không có số dư cuối kỳ

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản khác liên quan như: TK 156, TK 611, TK 632 (đối với các doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Về hạch toán hàng tồn kho được áp dụng theo một trong những phương pháp sau:

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về (bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ, bình quân liên hoàn) phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Phương pháp nhập trước xuất trước:

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Phương pháp nhập sau xuất trước:

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước. Hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho

được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

Phương pháp thực tế đích danh:

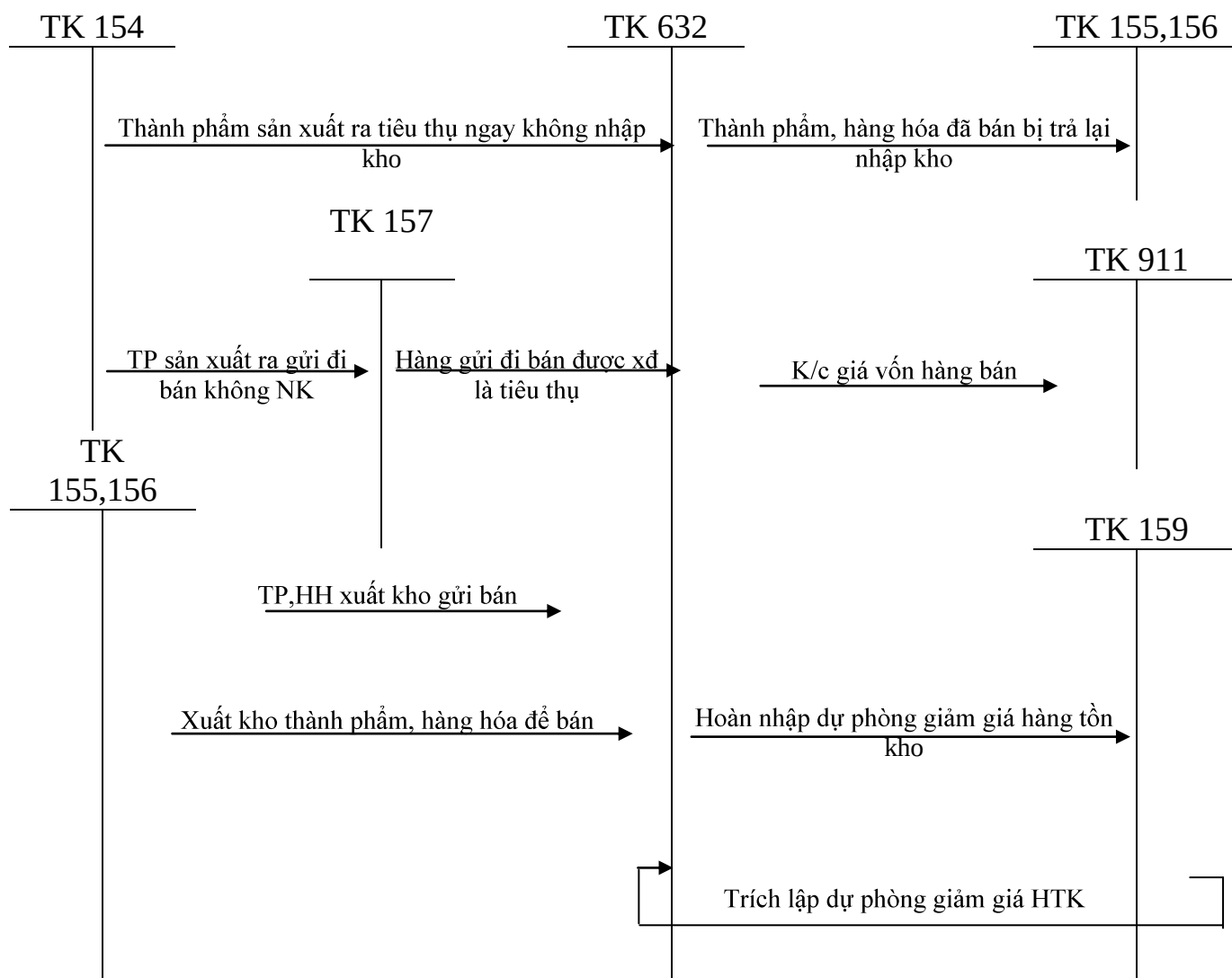
Phương pháp này được áp dụng với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

✓ **Phương pháp hạch toán**

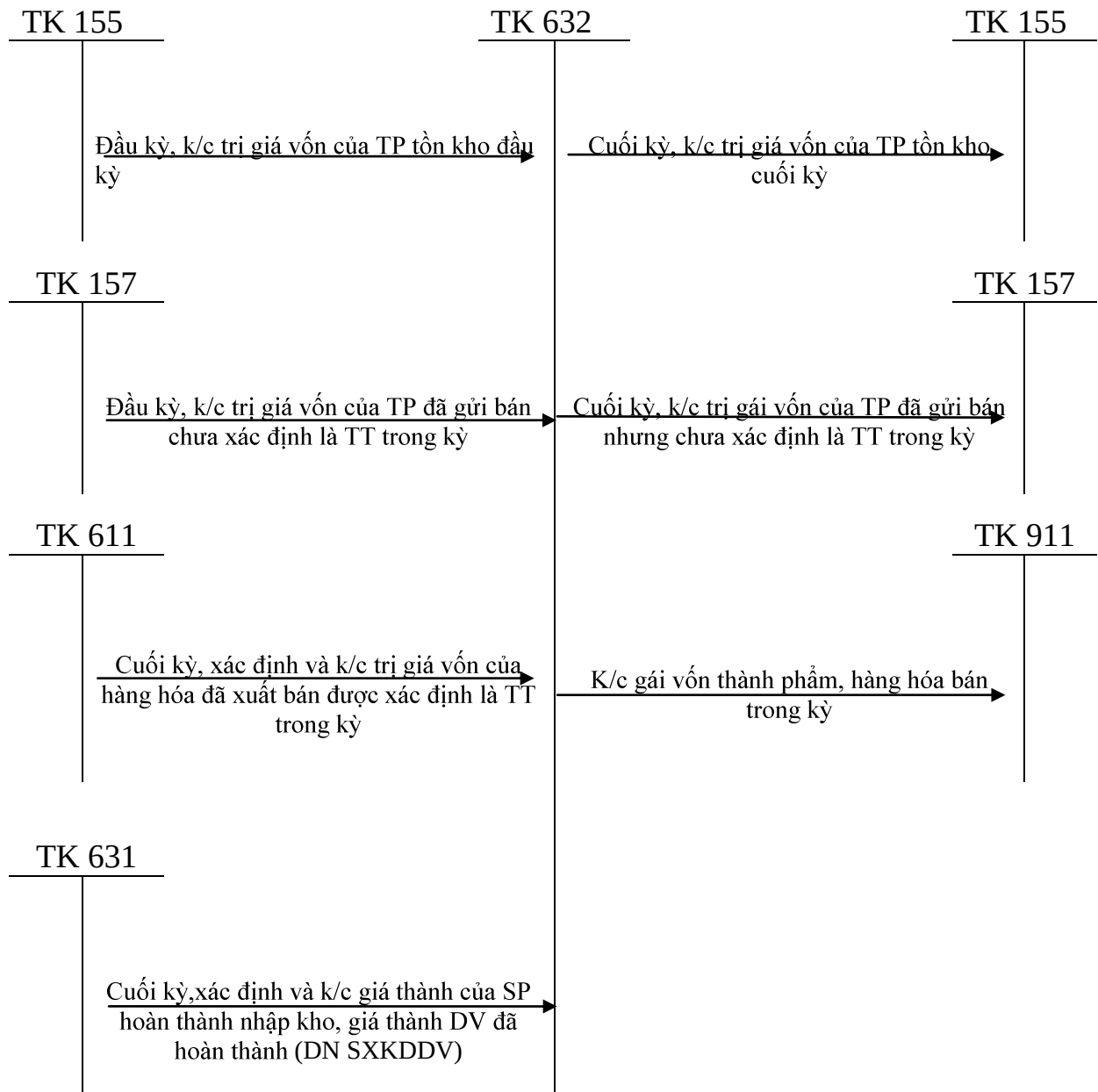
Trình tự hạch toán giá vốn (Theo phương pháp kê khai thường xuyên) được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán (Theo phương pháp kê khai thường xuyên) khái quát theo sơ đồ sau:



Sô đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3.3.2 Kế toán chi phí bán hàng

✓ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

✓ **Tài khoản sử dụng:**

Để phản ánh chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ kế toán sử dụng TK 641 – Chi phí bán hàng.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 641

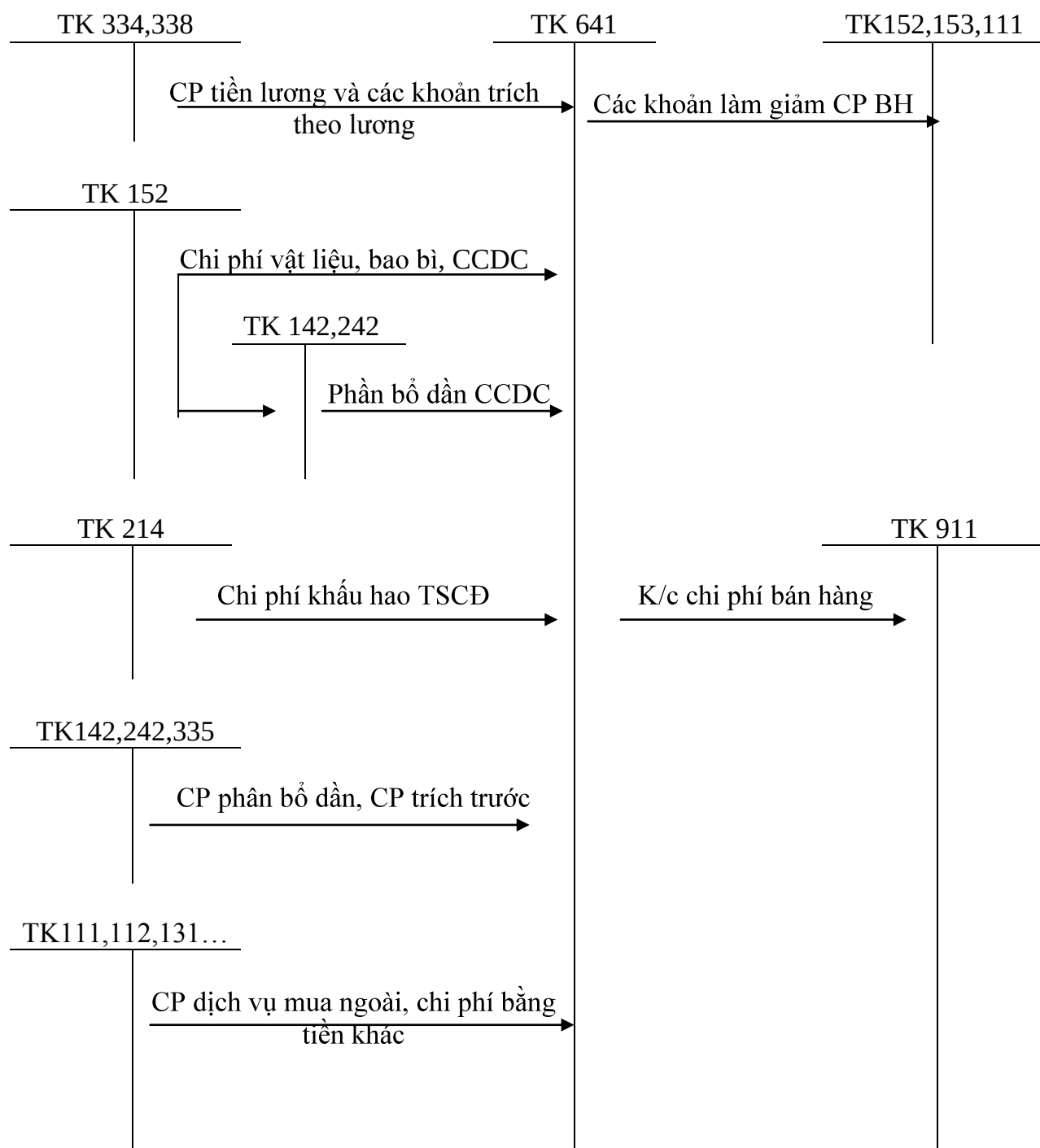
TK 641

- Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ	- Các khoản giảm chi phí bán hàng (nếu có) - Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” hoặc bên Nợ TK 1422 “Chi phí chờ kết chuyển”
---	---

TK 641 không có số dư cuối kỳ

- TK 641 có 7 tài khoản cấp 2 như sau:
- TK 6411 – Chi phí nhân viên
- TK 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415 – Chi phí bảo hành sản phẩm
- TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác

✓ **Trình tự hạch toán kế toán chi phí bán hàng**



Sơ đồ 1.3 Kế toán chi phí bán hàng

1.3.3.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

✓ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

✓ **Tài khoản sử dụng:**

Để phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ, kế toán sử dụng TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

TK 642

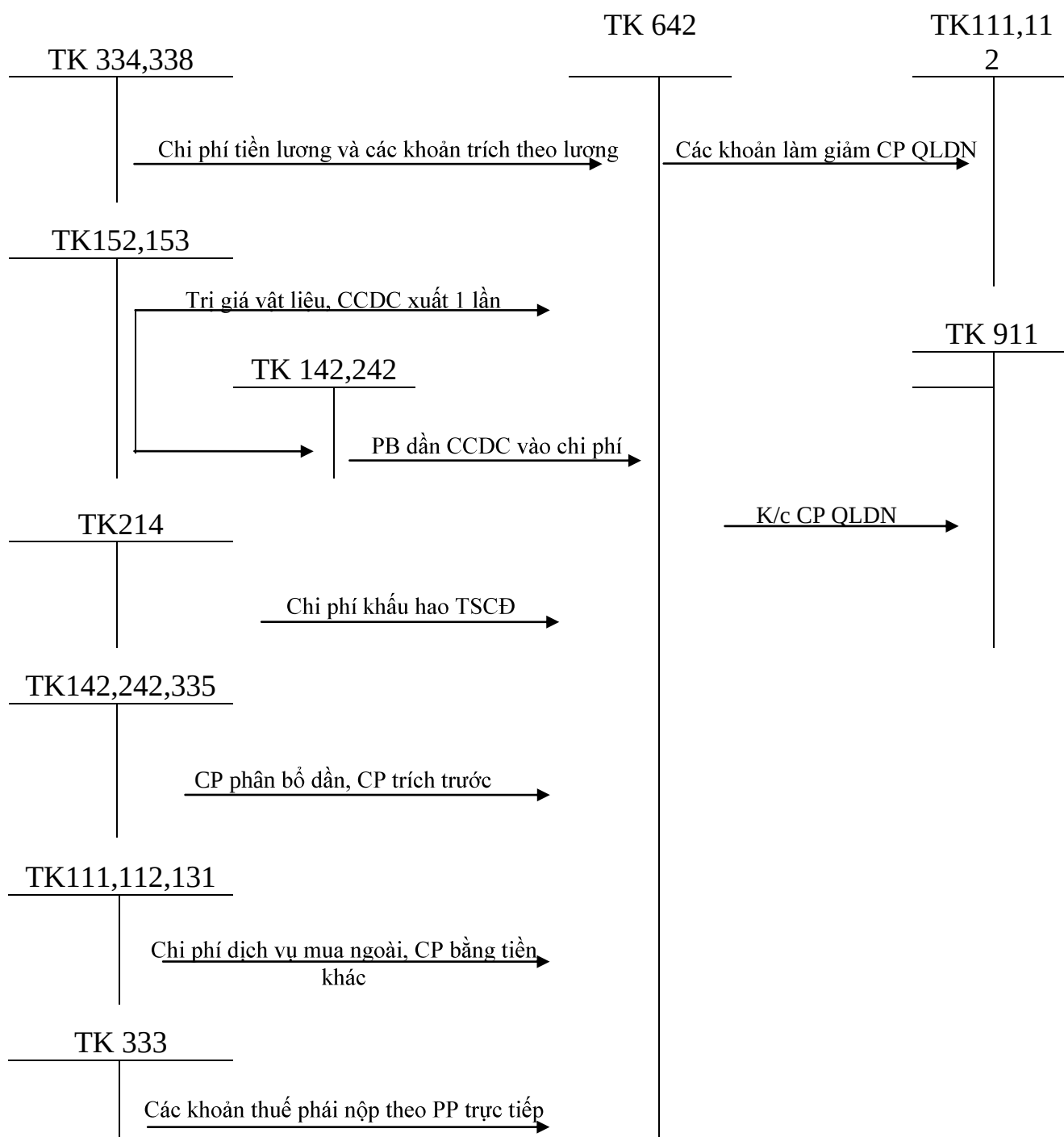
Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	- Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp - K/c chi phí quản lý doanh nghiệp sang bên Nợ TK911 “Xác định kết quả kinh doanh” hoặc bên Nợ TK 1422 “Chi phí chờ kết chuyển”
---	--

TK 642 không có số dư cuối kỳ

TK 642 có 8 tài khoản cấp hai như sau:

- TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 – Thuế, phí, lệ phí
- TK 6426 – Chi phí dự phòng
- TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

✓ **Phương pháp hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.3.4 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

✓ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi

- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

✓ **Tài khoản sử dụng**

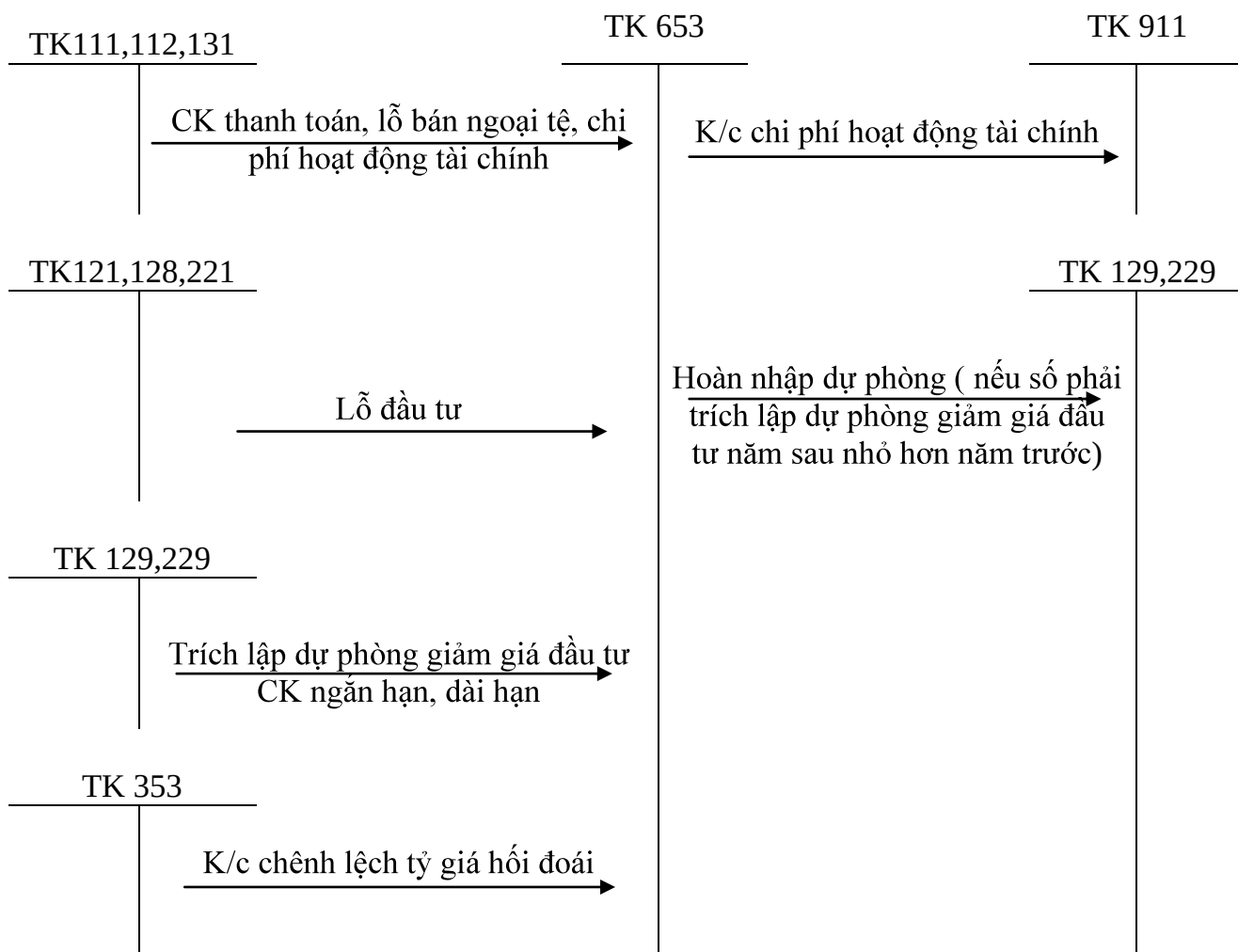
Đề tập hợp chi phí hoạt động tài chính, kế toán sử dụng TK 635 – chi phí hoạt động tài chính

TK 635

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính - Lỗ bán ngoại tệ - Chiết khấu thanh toán cho người mua - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh - Lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết) - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh
--	--

TK 635 không có số dư cuối kỳ

✓ **Phương pháp hạch toán chi phí hoạt động tài chính**



Sơ đồ 1.5 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

1.3.3.5 Kế toán chi phí khác

✓ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

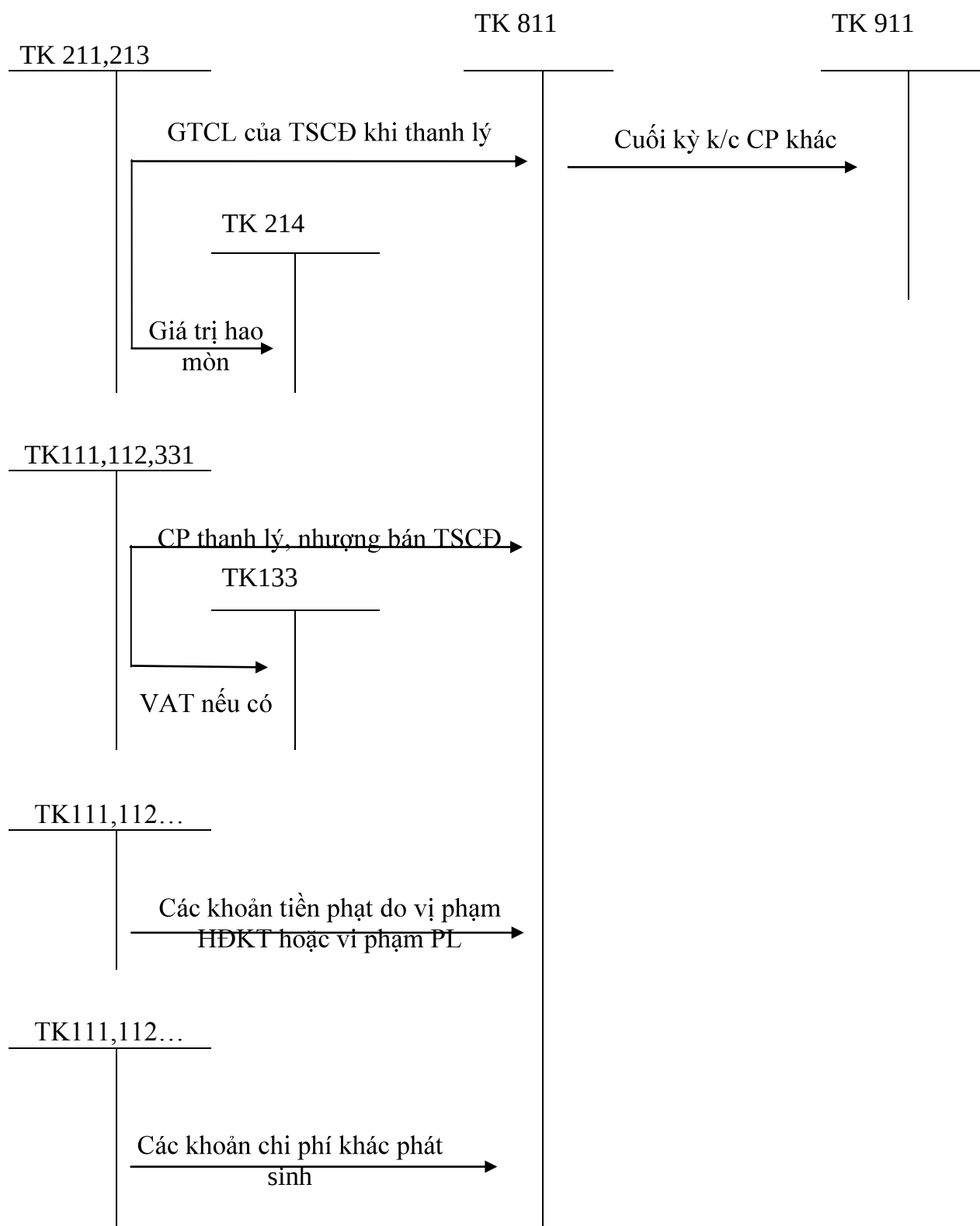
✓ **Tài khoản sử dụng**

Để phản ánh chi phí khác phát sinh trong doanh nghiệp, kế toán sử dụng TK 811 – Chi phí khác

Kết cấu và nội dung TK 811

TK 811	
- Các khoản chi phí khác phát sinh	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tk 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

TK 811 không có số dư cuối kỳ



Sơ đồ 1.6 Kế toán chi phí khác

1.4 NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU TRONG DOANH NGHIỆP

1.4.1 Khái niệm doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu phát sinh từ giao dịch, sự kiện được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua và bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không coi là doanh thu. Như vậy, doanh thu đóng vai trò quan trọng là nguồn bù đắp các chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra, đồng thời làm tăng vốn chủ sở hữu. Việc hạch toán đúng doanh thu sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, để từ đó có các quyết định kinh doanh hợp lý. Vấn đề đặt ra đối với các nhà quản lý là phải tổ chức kế toán doanh thu chi tiết như thế nào để cung cấp những thông tin nhằm xử lý và có các quyết định đúng đắn đến nhiều vấn đề sống còn của doanh nghiệp.

1.4.2 Các loại doanh thu trong doanh nghiệp

1.4.2.1 Doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ

Là toàn bộ tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung ứng dịch vụ trên thị trường sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu hàng bán, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại được khách hàng chấp nhận thanh toán (không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền) bao gồm:

Doanh thu bán hàng: là toàn bộ số tiền có được do bán sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng mua vào và bán bất động sản đầu tư. Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn nhưng điều kiện đã quy định.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được do thực hiện các thỏa thuận trong một hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch... Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều

kiện đã quy định.

1.4.2.2 Doanh thu tiêu thụ nội bộ

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là những khoản thu do bán hàng và cung cấp dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới.

1.4.2.3 Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại:

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

Giảm giá hàng bán:

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một loại hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu bị thiếu. Giá trị hàng bán bị trả lại:

Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng đã bán xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp:

Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong những khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất hoặc các loại dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng.

Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

Doanh thu thuần được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ

thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu.

1.4.2.4 Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, bao gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do thanh toán tiền hàng trước thời hạn....

- Cổ tức lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư khác.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Đồng thời xác định trên cơ sở:

- Tiền lãi được xác định trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ
- Tiền lãi bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng
- Cổ tức và lợi nhuận được chia, được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.4.2.5 Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã qua xử lý, xóa sổ nay thu được tiền, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại, thu nhập từ các khoản phải trả không xác định được chủ và các khoản thu nhập khác.

1.4.3 Tổ chức công tác kế toán doanh thu

1.4.3.1 Nguyên tắc kế toán doanh thu

Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được chia theo quy định tại chuẩn mực “Doanh thu và thu nhập khác”, nếu không thỏa mãn các điều kiện đó thì không hạch toán vào doanh thu.

Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

Trường hợp hàng hóa hoặc dịch vụ trao đổi lấy hàng hóa, dịch vụ tương tự về bản chất thì không được ghi nhận doanh thu.

Nếu trong kỳ kế toán phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được hạch toán riêng biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại: doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia. Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng khoản doanh thu, như doanh thu bán hàng có thể được chi tiết thành doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa....nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý sản xuất hoạt động kinh doanh, cung cấp thông tin kế toán quản trị doanh nghiệp và lập báo cáo tài chính.

Cuối kỳ, kế toán doanh nghiệp phải được xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ doanh thu thuần thực hiện trong kỳ kế toán được kết chuyển sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh. Các khoản thuộc loại tài khoản doanh thu không có số dư cuối kỳ.

1.4.3.2 Chứng từ, tài khoản sử dụng và phương pháp kế toán doanh thu.

1.4.3.2.1 Chứng từ, tài khoản sử dụng và phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

➤ Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Phiếu thu, phiếu chi
- Hóa đơn GTGT

- Các chứng từ kế toán liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Đối với doanh nghiệp hạch toán doanh thu bán hàng, kê toán sử dụng các tài khoản sau:

TK 511 – Doanh thu bán hàng: phản ánh doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp được thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511	
- Thuế TTĐB, XK hoặc GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là tiêu thụ trong kỳ kế toán: ✓ Kế toán chiết khấu thương mại ✓ Trị giá hàng bán bị trả lại ✓ Khoản giảm giá hàng bán - Kết chuyển doanh thu sang TK 911 <i>TK 511 không có số dư cuối kỳ</i>	- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 có 4 tài khoản cấp 2:

- TK 5111: doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112: doanh thu bán thành phẩm
- TK 5113: doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: doanh thu trợ cấp, trợ giá.

TK 512 – doanh thu nội bộ: phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp

TK 512	
Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ k/c cuối kỳ kế toán. Số thuế TTĐB phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ nội bộ K/c DT tiêu thụ nội bộ thuần sang TK 911	Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán

TK 512 không có số dư cuối kỳ

TK 512 có 3 tài khoản cấp hai:

- TK 5121 – Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5122 – Doanh thu bán sản phẩm
- TK 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 531 – Hàng bán bị trả lại: phản ánh trị giá của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ bị khách hàng trả lại.

Hàng bán trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

TK 531

Trị giá hàng bán bị trả lại	K/c toàn bộ doanh thu của số hàng bán bị trả lại vào bên nợ TK 511 hoặc TK 512
-----------------------------	--

TK 531 không có số dư cuối kỳ

TK 532 – Giảm giá hàng bán: phản ánh khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách đã ghi trong hợp đồng khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh trong kỳ kế toán.

Chỉ phản ánh vào TK 532 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hóa đơn, tức là sau khi đã có hóa đơn bán hàng, Không phản ánh vào tài khoản này số giảm giá đã được ghi trên hóa đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng giá trị bán trên hóa đơn.

TK 532

Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng	Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán sang bên Nợ Tk 511 hoặc Tk 512
---	--

TK 532 không có số dư cuối kỳ

TK 521: là khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hóa với khối lượng hàng hóa, dịch vụ lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng

kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng.

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

TK 521

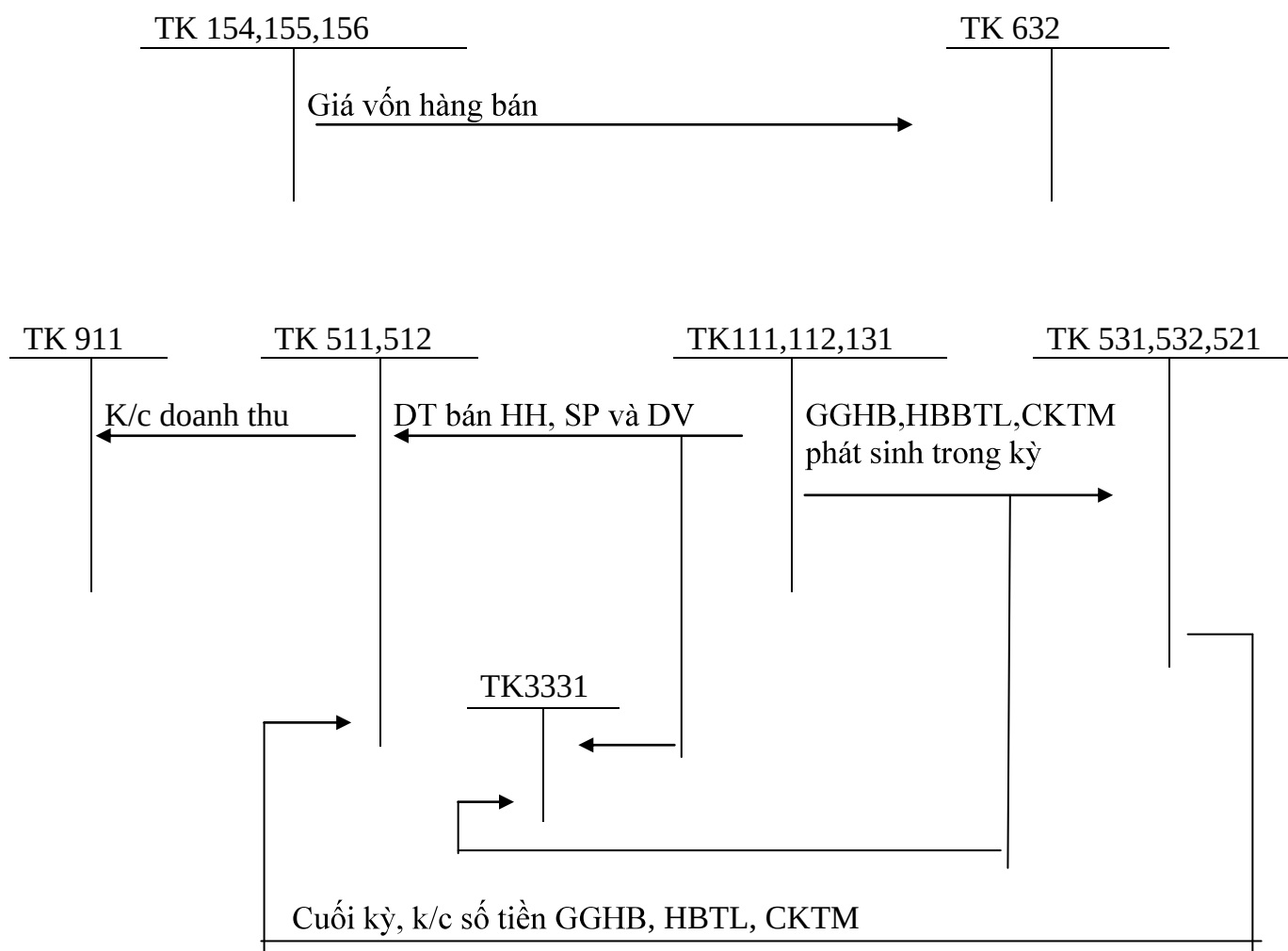
Khoản chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng	K/c toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán
--	---

TK 521 không có số dư cuối kỳ

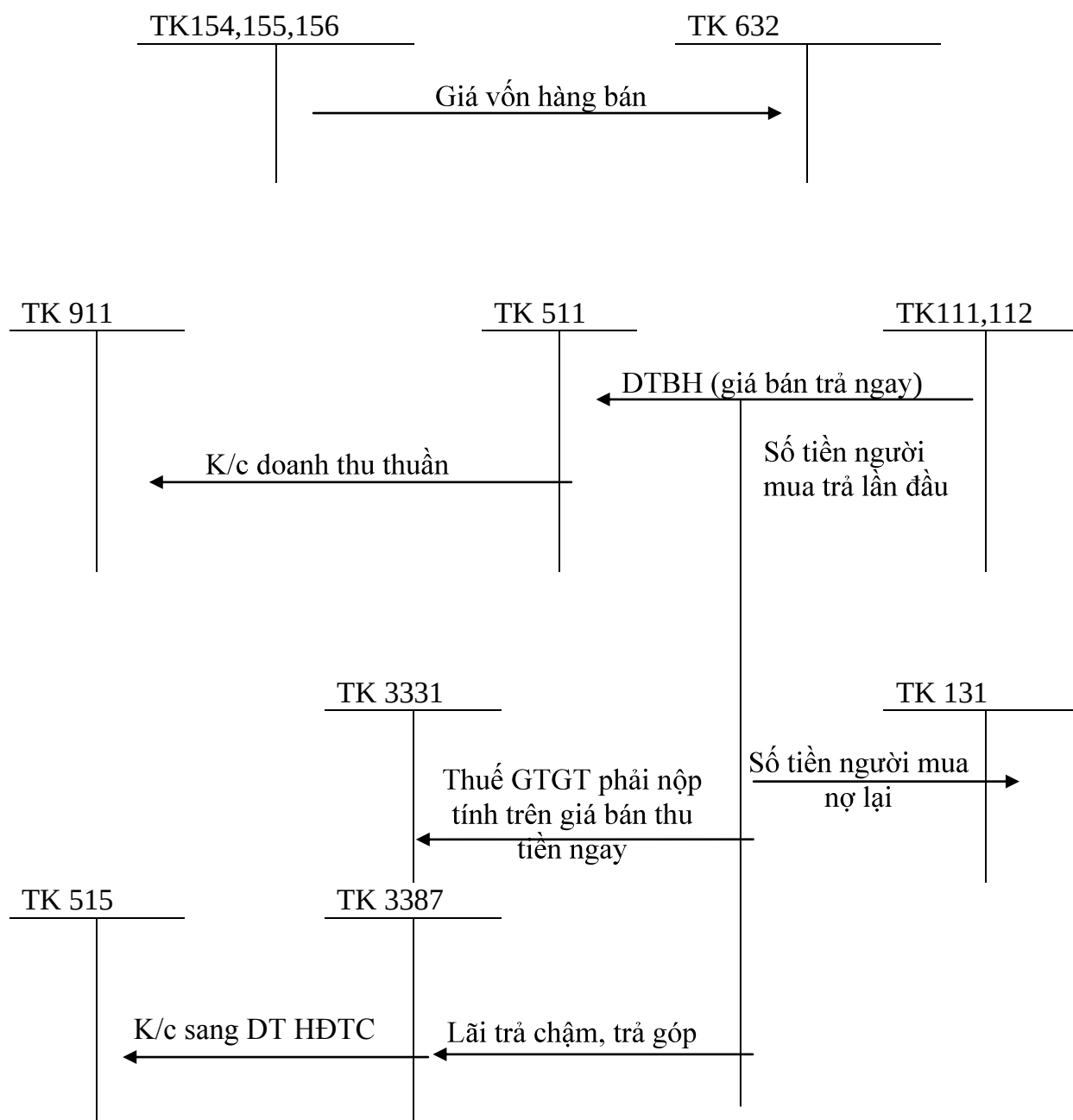
TK 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5211- Chiết khấu hàng hóa
- TK 5212 – Chiết khấu thành phẩm
- TK 5213 – Chiết khấu dịch vụ

➤ **Phương pháp, trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong các doanh nghiệp**



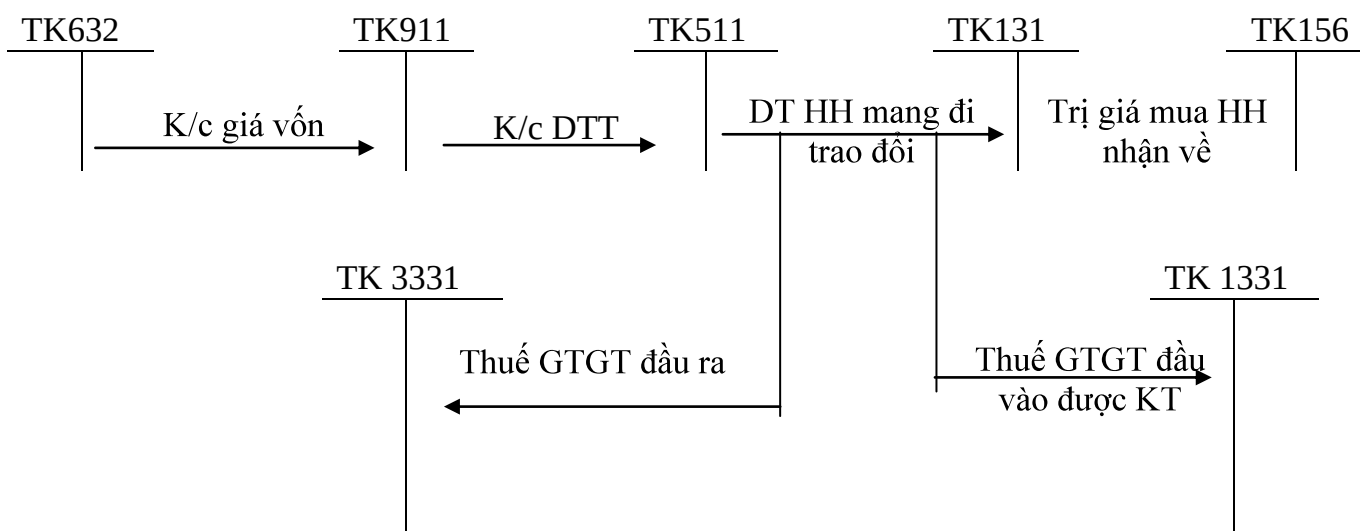
Sơ đồ 1.7 Kế toán doanh thu theo phương pháp trực tiếp



Sơ đồ 1.8 Kế toán doanh thu theo phương pháp trả chậm, trả góp



Sơ đồ 1.9 Kế toán doanh thu theo phương thức bán hàng gửi đại lý



Sơ đồ 1.10 Kế toán doanh thu theo phương thức hàng đổi hàng

1.4.3.2.2 Chứng từ, tài khoản sử dụng và phương pháp kế toán doanh thu hoạt động tài chính

➤ **Chứng từ sử dụng:**

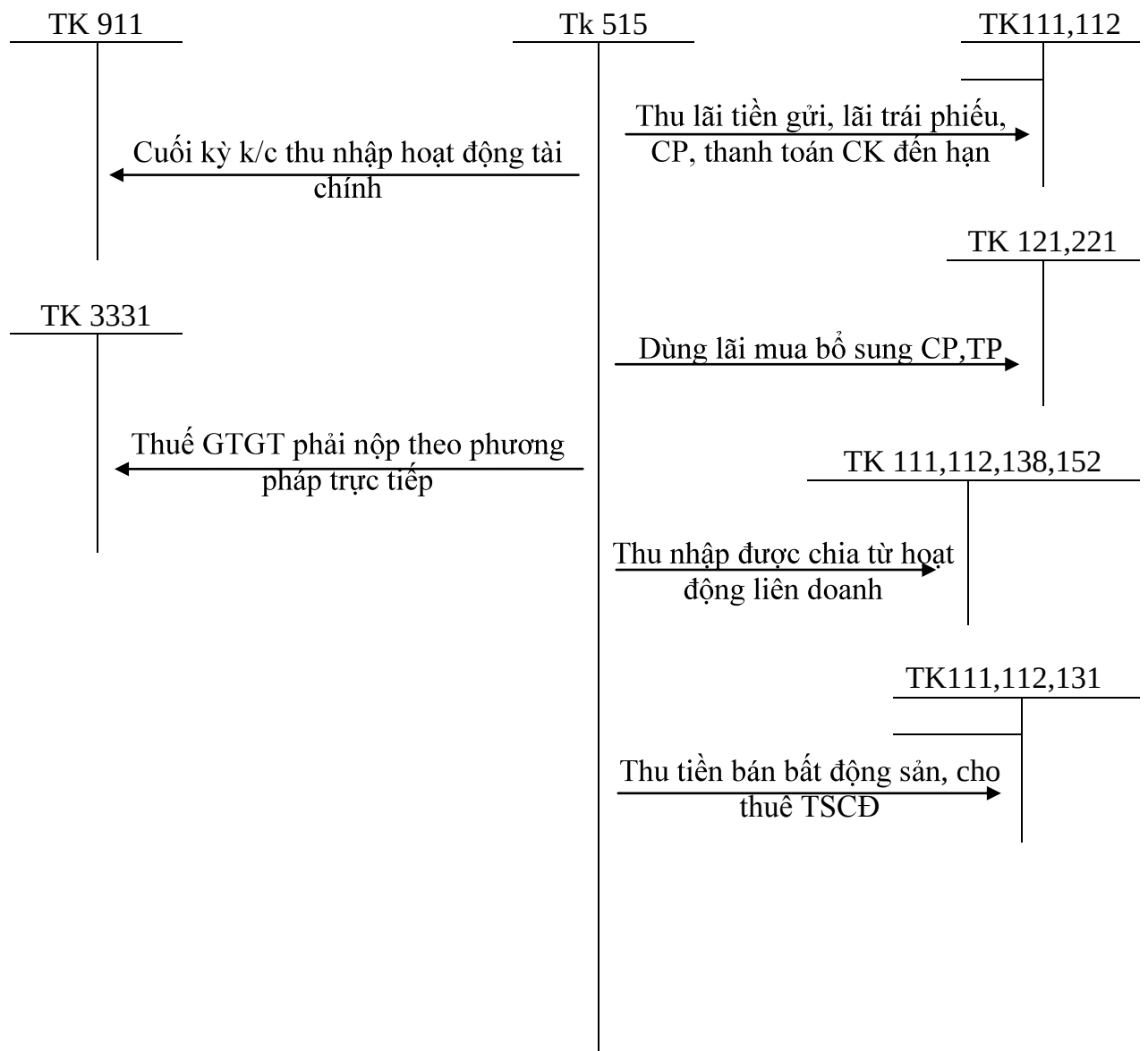
Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc hoạt động kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán.

Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính kế toán sử dụng tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

TK 515	
K/c doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh	Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

TK 515 không có số dư cuối kỳ

➤ **Trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**



Sơ đồ 1.11 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.4.3.2.3 Chứng từ, tài khoản sử dụng và phương pháp kế toán thu nhập khác.

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Biên bản bàn giao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

Để phản ánh các tài khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp kế toán sử dụng TK 711 – Thu nhập khác.

Kết cấu và nội dung của TK 711

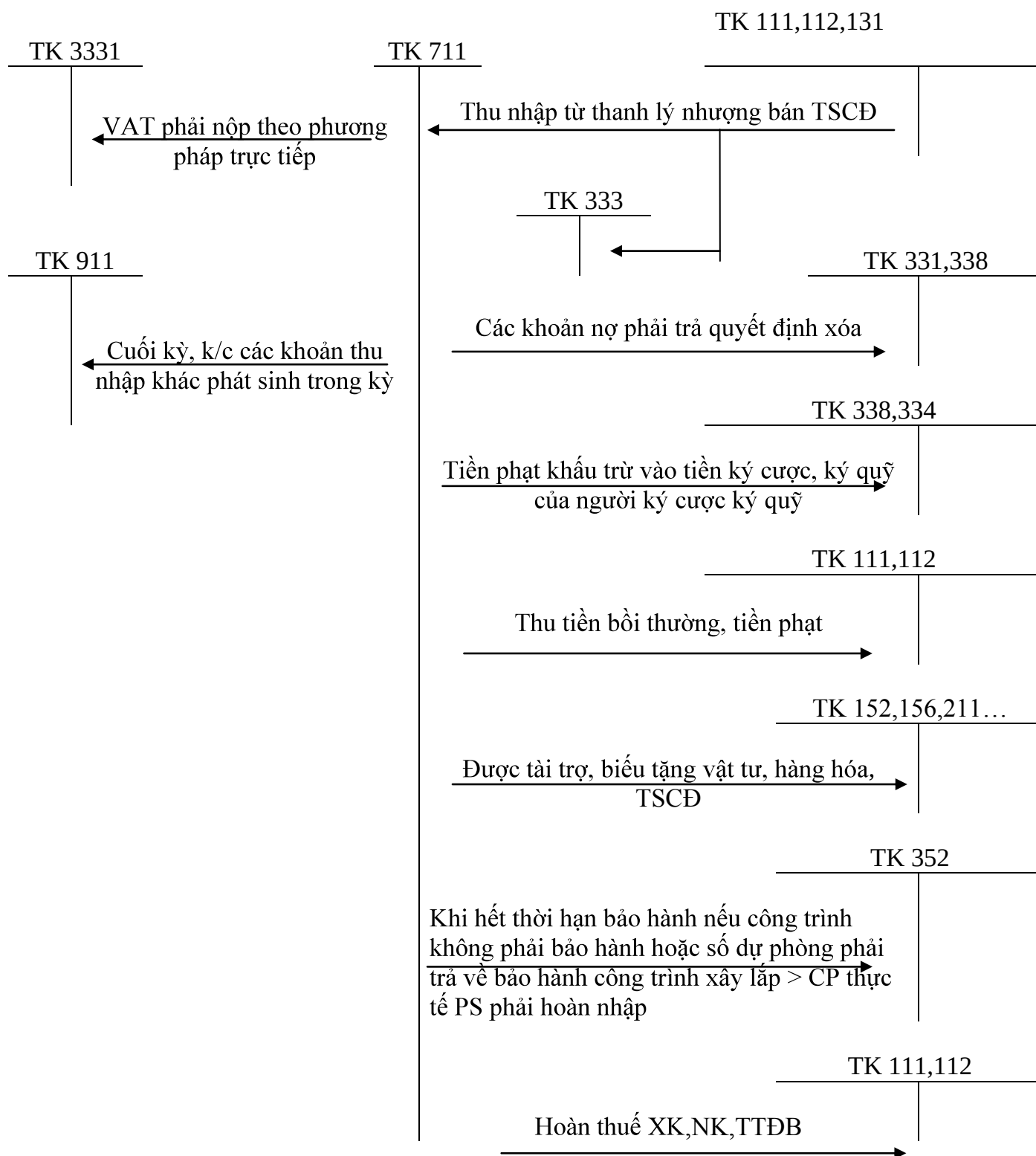
TK 711

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo pp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ chuyển sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.	

TK 711 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp kế toán thu nhập khác:

Trình tự hạch toán thu nhập khác được khái quát như sau:



Sơ đồ 1.12: Kế toán thu nhập khác

1.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

1.5.1 Khái niệm

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ là phần lợi ích mà doanh nghiệp nhận được hoặc tổn thất mà doanh nghiệp phải gánh chịu trong quá trình hoạt động kinh doanh được xác định bằng chênh lệch giữa doanh thu và chi phí tương ứng của doanh nghiệp trong kỳ đó.

Kết quả kinh doanh được tạo ra từ việc so sánh giữa doanh thu của doanh nghiệp với chi phí tương ứng mà doanh nghiệp đó phải chi cho hoạt động kinh doanh. Kết quả kinh doanh đảm bảo cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển. Nếu doanh nghiệp tổ chức quản lý kinh doanh tốt tạo ra doanh thu cao hơn chi phí ($KQKD > 0$) doanh nghiệp có lãi. Ngược lại, nếu doanh nghiệp quản lý kinh doanh yếu kém hoặc gặp rủi ro trong quá trình kinh doanh thì doanh thu sẽ thấp hơn chi phí ($KQKD < 0$), doanh nghiệp bị lỗ.

Căn cứ vào cách phân loại chi phí, doanh thu thì kết quả kinh doanh được xác định một cách tương ứng. Thông thường có 3 cách phân loại sau:

Căn cứ vào phạm vi tính toán: KQKD của doanh nghiệp gồm 3 loại – lãi (lỗ) gộp, lãi (lỗ) thuần, lãi (lỗ) ròng.

Căn cứ vào lĩnh vực hoạt động kinh doanh: KQKD của doanh nghiệp được phân thành: lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh, Lãi (lỗ) từ hoạt động khác.

Căn cứ vào mối quan hệ giữa kế toán và thuế: KQKD của doanh nghiệp được phân ra làm 2 loại: lãi (lỗ) kế toán, lãi (lỗ) tính thuế.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đây là hoạt động bán hàng cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính. KQKD thông thường được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Lãi (lỗ) DTT về} \\ \text{HĐKD} = \text{bàn hàng - Giá vốn} + \text{Doanh thu} - \text{Chi phí tài} - \text{Chi phí} \\ \text{thông} = \text{và cung - hàng bán} + \text{hoạt động} - \text{chính} - \text{quản lý} \\ \text{thường} \quad \text{cấp DV} \quad \text{tài chính} \quad \text{DN} \end{array}$$

Kết quả hoạt động khác: là kết quả từ các hoạt động bất thường khác, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập và chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

1.5.2 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

➤ Tài khoản sử dụng

TK 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

TK 911

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư và dịch vụ đã bán	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ
- Chi phí HĐTC, chi phí thuế TNDN và chi phí khác	- Doanh thu HĐTC, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN
- Chi phí bán hàng và chi phí QLDN	- Kết chuyển lỗ
- Kết chuyển lãi	

TK 911 không có số dư đầu kỳ

TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

TK 421

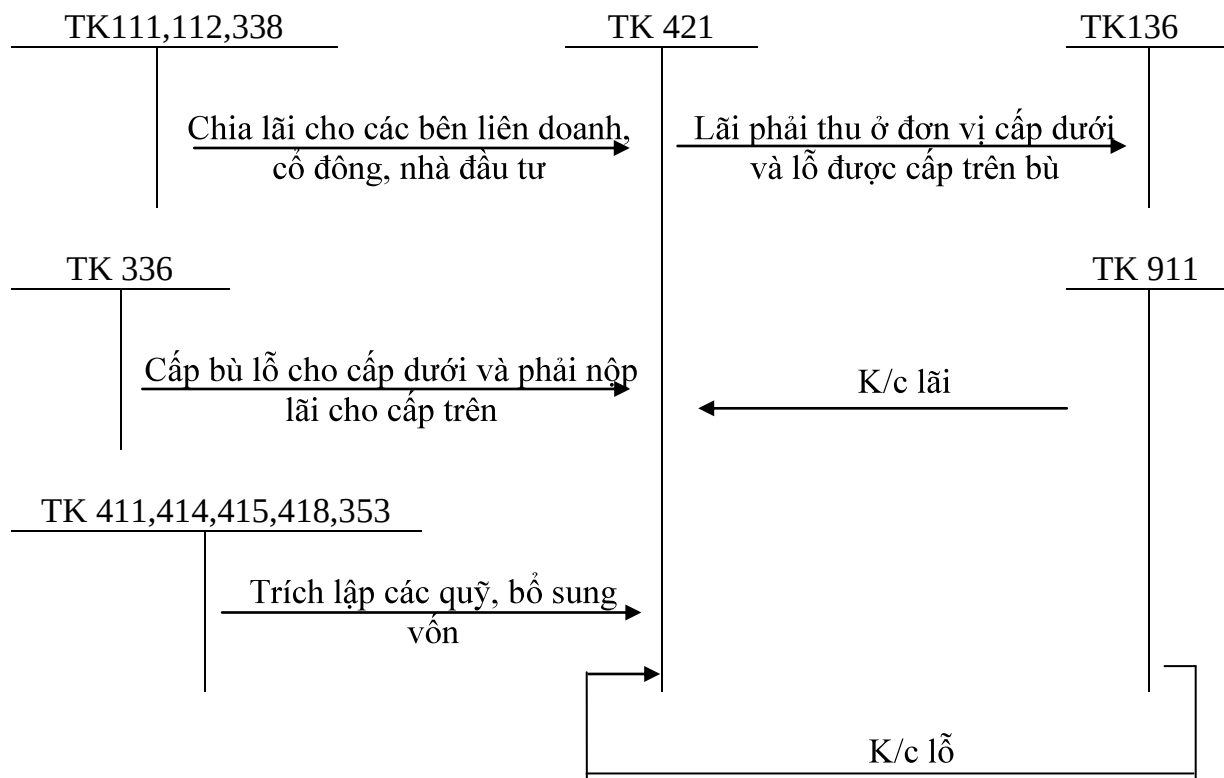
- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của DN trong kỳ.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp	- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.	- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh
- Bỏ sung nguồn vốn kinh doanh	
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên	

TK 421 có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- TK 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

TK 421 có thể có số dư bên Nợ hoặc có số dư bên Có:

- Số dư bên Nợ là số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
- Số dư bên Có là số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.



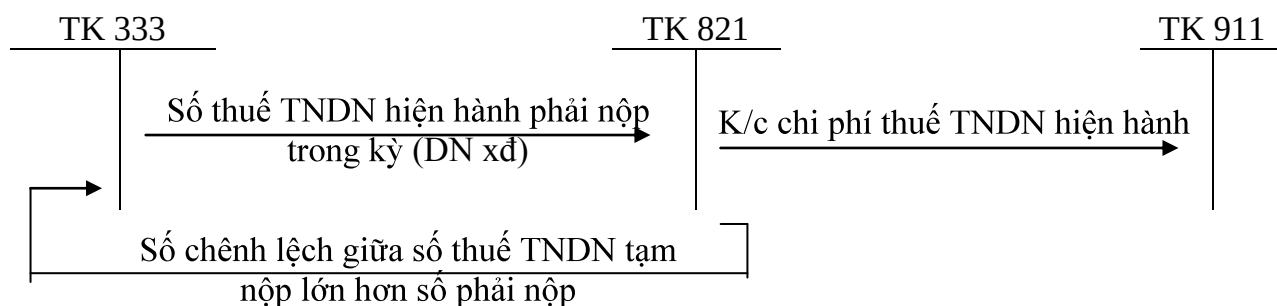
Sơ đồ 1.13 Kế toán lợi nhuận chưa phân phối

TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

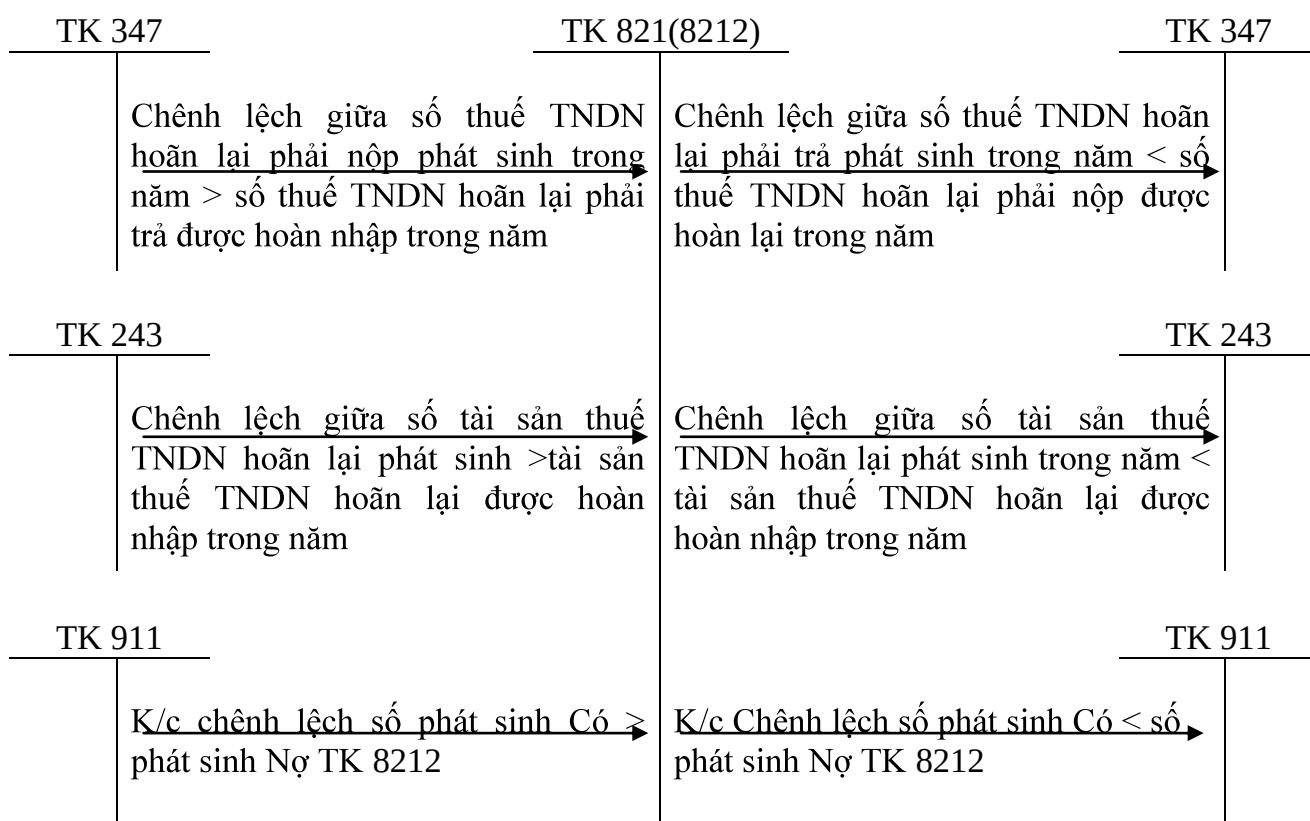
TK 821 có 2 tài khoản cấp 2:

- TK8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại

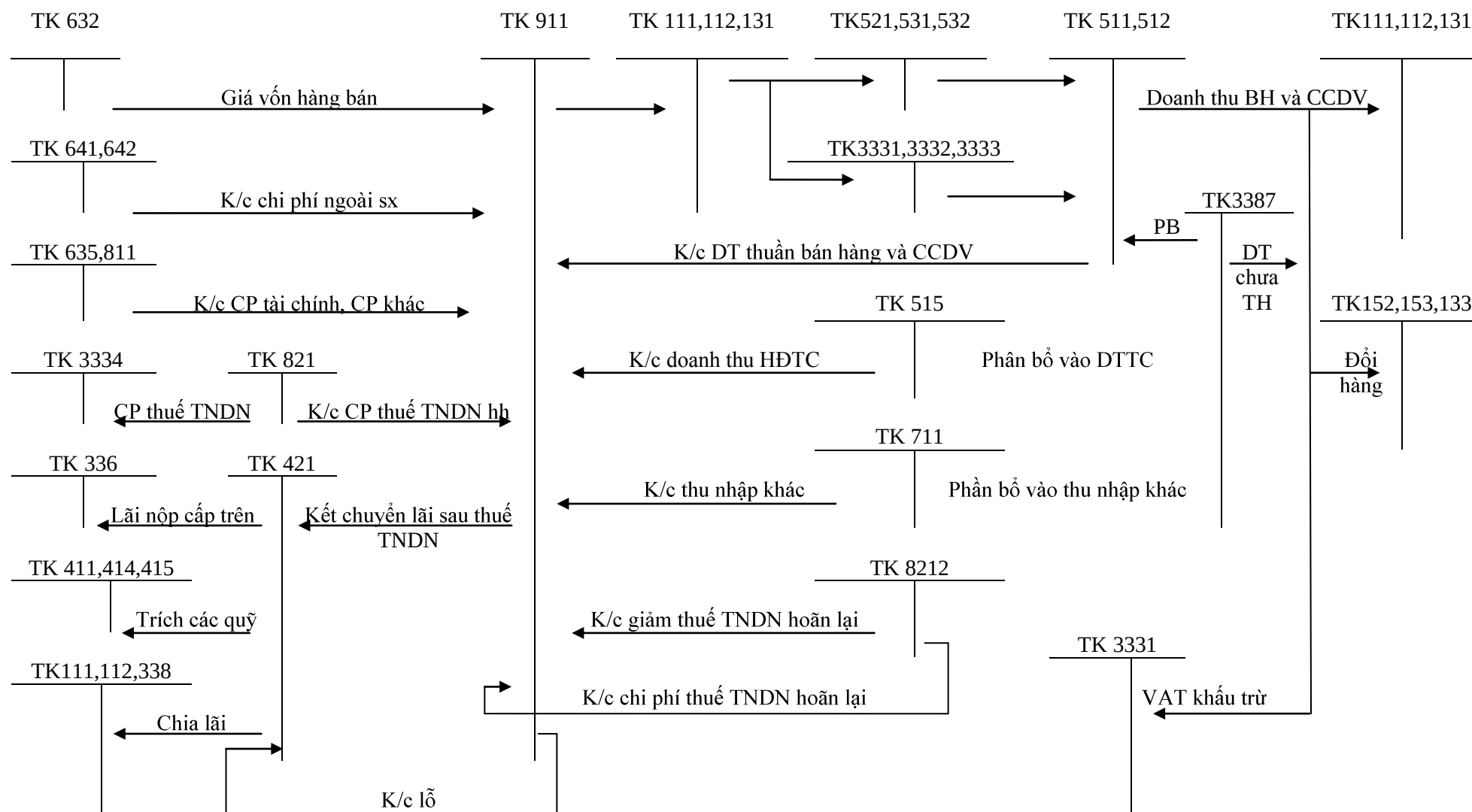
Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.14a: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



Sơ đồ 1.14b: Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



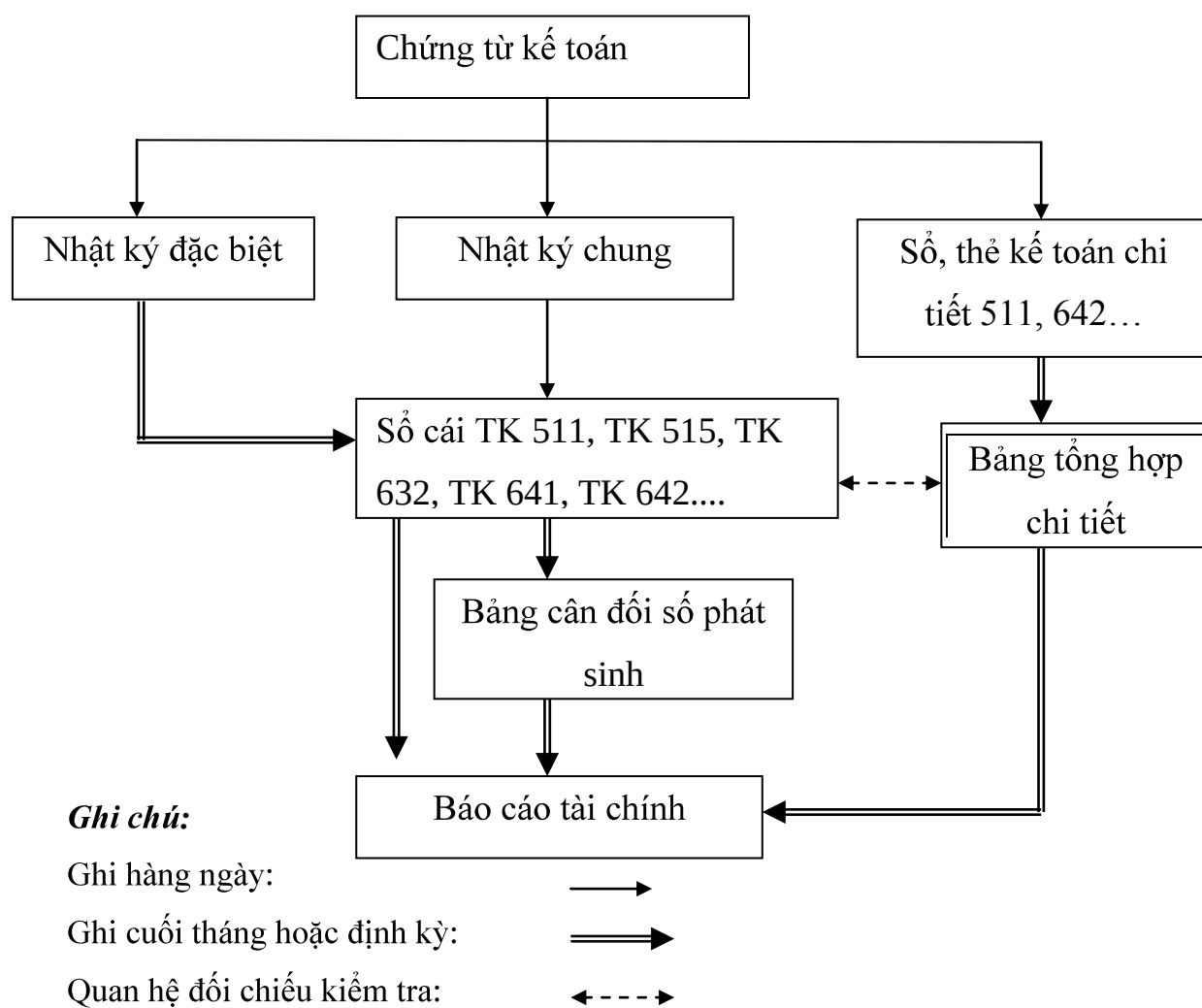
SƠ ĐỒ1.15: KẾ TOÁN TỔNG HỢP CHI PHÍ – DOANH THU – XÁC ĐỊNH VÀ PHÂN PHỐI KẾT QUẢ KINH DOANH

1.6 Tổ chức sổ sách kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.6.1 Hình thức kế toán nhật ký chung

Đặc điểm: tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh

Các loại sổ: Sổ nhật ký chung, sổ cái, các sổ, thẻ kế toán tổng hợp, chi tiết.



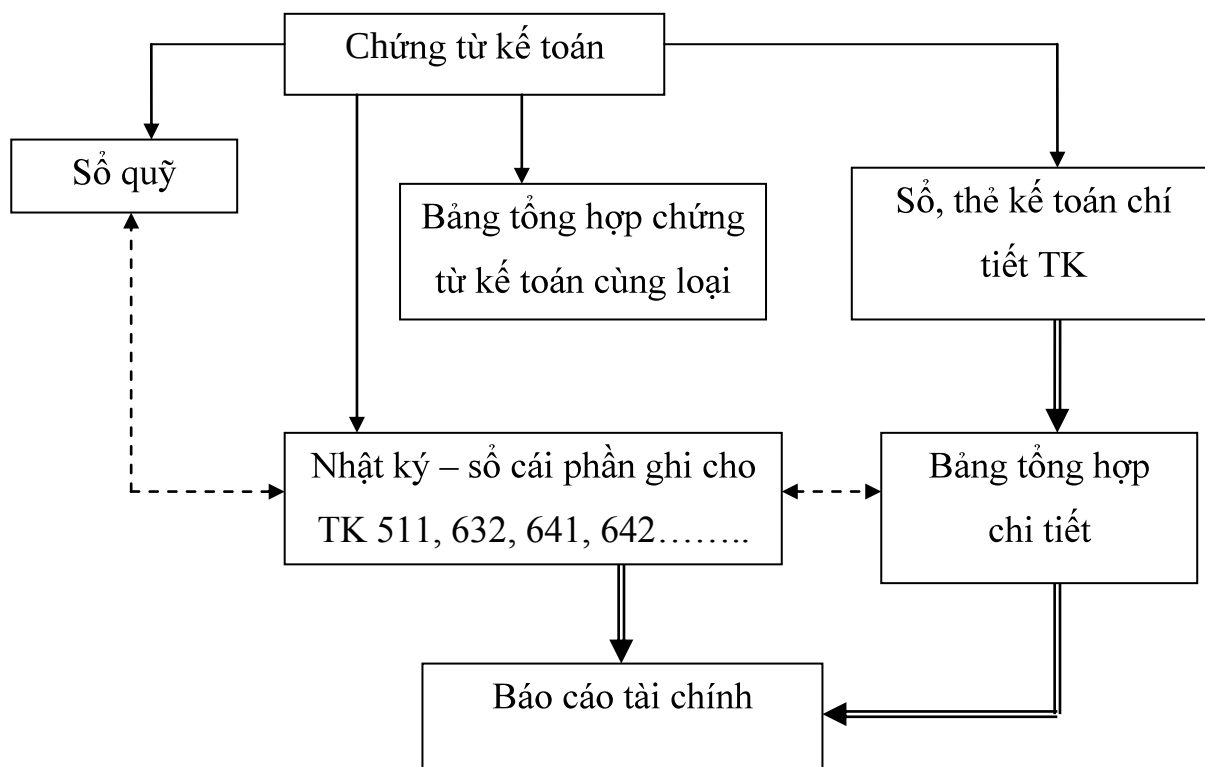
Sơ đồ 1.16 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

1.6.2 Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái

Đặc điểm: các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo định khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký – sổ cái. Căn cứ để ghi vào Nhật ký – sổ cái là

các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Các loại sổ: Sổ nhật ký – sổ cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết, tổng hợp



Ghi chú:

Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:



Quan hệ đối chiếu kiểm tra:



Sơ đồ 1.17 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – sổ cái

1.6.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Đặc điểm: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm: ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

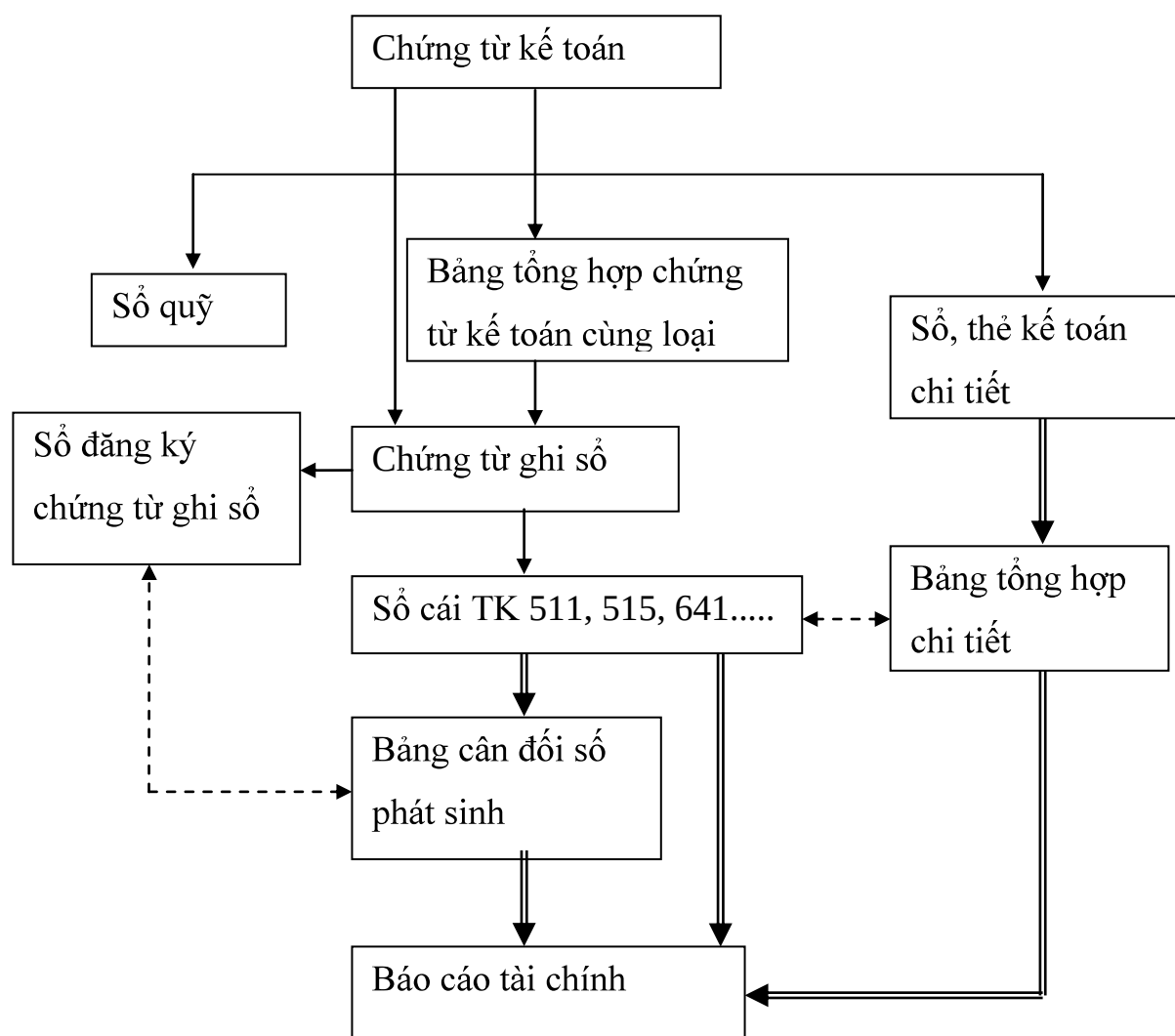
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Các loại sổ: chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái, các sổ, thẻ kế

toán chi tiết, tổng hợp.

Trình tự ghi sổ kế toán

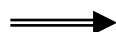


Ghi chú:

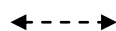
Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:



Quan hệ đối chiếu kiểm tra:



Sơ đồ 1.18 Trình tự kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

1.6.4 Hình thức kế toán nhật ký – chứng từ

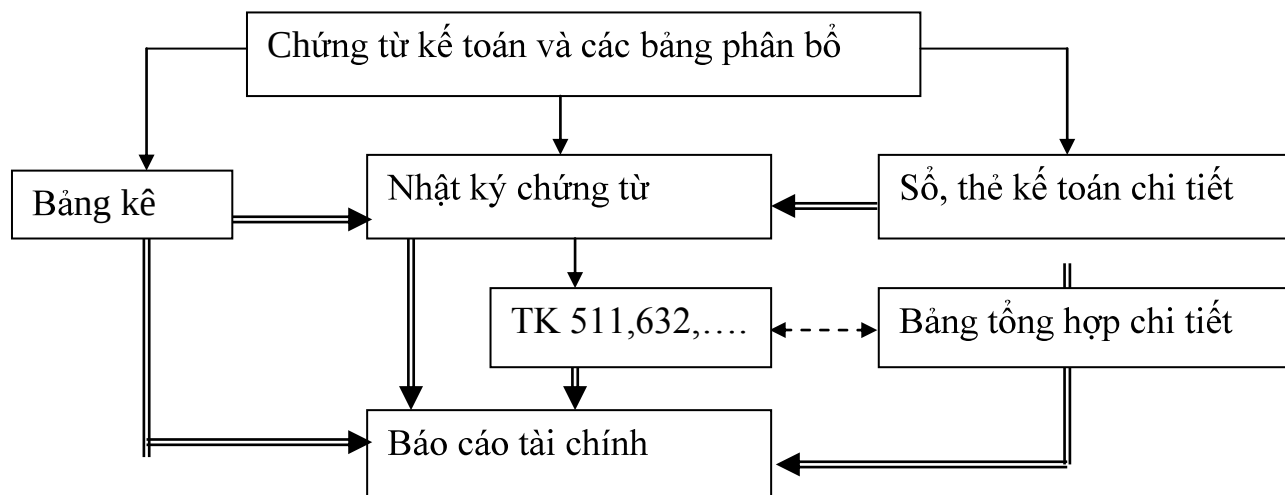
Đặc điểm: tổng hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

Kết hợp chặt chẽ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

Kết hợp rỗng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng mẫu sổ in sẵn, các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Các loại sổ: Nhật ký chứng từ, bảng kê, sổ cái, sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:

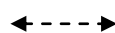
Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:



Quan hệ đối chiếu kiểm tra:

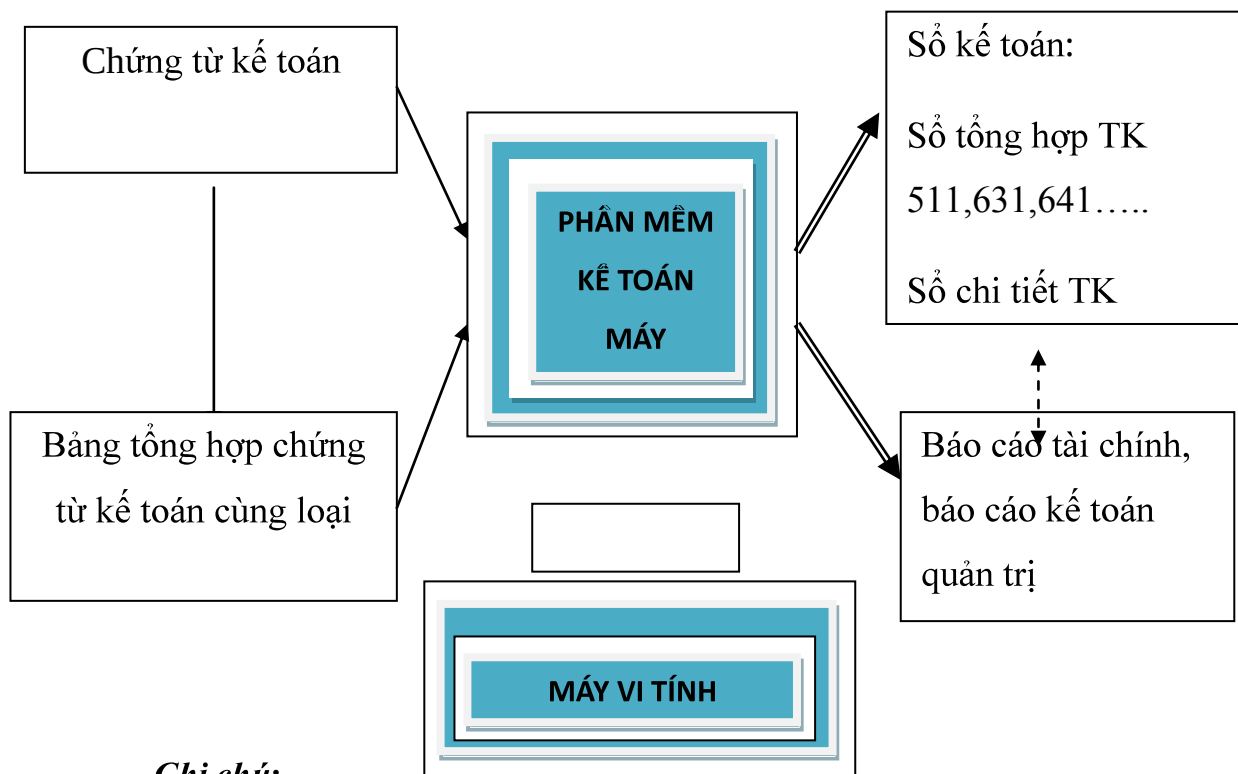


Sô đồ 1.19 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – chứng từ

1.6.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc điểm: công việc kế toán được thực hiện trên phần mềm máy tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ số liệu kế toán và báo cáo tài chính quy định.

Các loại sổ: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có những loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Ghi chú:

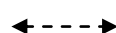
Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:



Quan hệ đối chiếu kiểm tra:



Sơ đồ 1.20 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

1.7 Tổng quan về quản lý tài chính doanh nghiệp

1.7.1 Bản chất tài chính doanh nghiệp

Tài chính doanh nghiệp là những quan hệ kinh tế biểu hiện dưới hình thức giá trị gắn trực tiếp với việc tổ chức, huy động, phân phối, sử dụng và quản lý vốn trong quá trình kinh doanh. Là một khâu của hệ thống tài chính tài chính trong nền kinh tế, là một phạm trù kinh tế khách quan gắn liền với sự ra đời của nền kinh tế hàng hoá tiền tệ.

Để tiến hành hoạt động kinh doanh, bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng cần phải có một lượng vốn tiền tệ tối thiểu nhất định. Quá trình hoạt động kinh doanh từ góc độ tài chính, cũng chính là quá trình phân phối để tạo lập sử dụng các vốn tiền tệ của doanh nghiệp nhằm thực hiện các mục tiêu của nguồn tài chính, và tạo ra các luồng chuyển dịch giá trị mà biểu hiện của nó là luồng tiền tệ đi vào hoặc đi ra khỏi chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp

Nội dung của những quan hệ kinh tế thuộc phạm vi tài chính doanh nghiệp bao gồm:

***Quan hệ kinh tế giữa doanh nghiệp với ngân sách nhà nước:**

Quan hệ này biểu hiện trong quá trình phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân giữa ngân sách nhà nước với các doanh nghiệp

***Quan hệ kinh tế giữa doanh nghiệp và thị trường:**

Trên thị trường tiền tệ đề cập việc doanh nghiệp quan hệ với ngân hàng, vay các khoản ngắn hạn và trả lãi và gốc khi đến hạn.

Trên thị trường tài chính, doanh nghiệp huy động các nguồn vốn dài hạn bằng cách phát hành các loại chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) cũng như việc trả các khoản lãi, hoặc doanh nghiệp gửi các khoản vốn nhàn rỗi vào ngân hàng, hay mua chứng khoán của các doanh nghiệp khác.

***Quan hệ kinh tế trong nội bộ doanh nghiệp:**

Quan hệ kinh tế giữa doanh nghiệp với các phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất trong việc tạm ứng, thanh toán.

Quan hệ kinh tế giữa doanh nghiệp và cán bộ công nhân trong quá trình phân phối thu nhập cho người lao động dưới hình thức tiền lương, tiền thưởng, tiền phạt, lãi cổ phần...

Quan hệ thanh toán, cấp phát và điều hoà vốn giữa các đơn vị trực thuộc trong nội bộ doanh nghiệp với tổng công ty.

***Quan hệ giữa tài chính doanh nghiệp với các thị trường khác:**

Thể hiện quan hệ của doanh nghiệp với việc huy động các yếu tố đầu vào (như thị trường hàng hoá, dịch vụ, lao động...) và các quan hệ để thực hiện tiêu thụ sản phẩm ở thị trường đầu ra (với các nhà đại lý, các cơ quan nhập khẩu, thương mại...)

1.7.2 Vai trò của tài chính doanh nghiệp

Tài chính của doanh nghiệp có vai trò sau:

- Vai trò huy động, khai thác nguồn tài chính nhằm đảm bảo yêu cầu kinh doanh của doanh nghiệp và tổ chức sử dụng vốn có của hiệu quả cao nhất.
- Vai trò đòn bẩy kích thích và điều tiết hoạt động kinh doanh
- Vai trò là công cụ kiểm tra các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

1.7.3 Khái niệm quản lý tài chính

Quản lý tài chính là việc sử dụng các thông tin phản ánh chính xác tình trạng tài chính của một doanh nghiệp để phân tích điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp đó.

Việc quản lý tài chính bao gồm việc lập các kế hoạch tài chính dài hạn và ngắn hạn, đồng thời quản lý có hiệu quả nguồn vốn hoạt động thực của công ty. Đây là công việc rất quan trọng đối với tất cả các doanh nghiệp vì nó ảnh hưởng đến cách thức và phương thức mà nhà quản lý thu hút vốn đầu tư để thành lập, duy trì và mở rộng việc kinh doanh. Lập kế hoạch tài chính sẽ giúp doanh nghiệp dự toán được lượng nguyên liệu thô doanh nghiệp có thể mua sắm, sản phẩm công ty có thể sản xuất, khả năng công ty có thể tiếp thị, quảng cáo để bán sản phẩm ra thị trường, xác định nguồn nhân lực doanh nghiệp cần.

Lập kế hoạch tài chính ngắn hạn:

Các công cụ dùng trong việc lập kế hoạch ngắn hạn thường dùng là: báo cáo thu nhập chiểu lệ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, phân tích tình hình ngân quỹ và chiến lược giá cả. Kế hoạch tài chính ngắn hạn nên được lập theo từng tháng để có được cái nhìn sát hơn và đưa ra được biện pháp nâng cao tình hình tài chính.

Lập kế hoạch tài chính dài hạn hay kế hoạch tài chính chiến lược.

Các doanh nghiệp thường sử dụng báo cáo thu nhập chiểu lệ cho khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm. Để có thể dự đoán được những biến động xảy ra với doanh nghiệp trong các năm tới các nhà quản lý thường làm theo quy trình sau:

Xác lập tốc độ tăng trưởng mong muốn mà công ty có thể đạt được. Tính toán mức vốn cần thiết để trang trải các khoản tồn kho, trang thiết bị, nhà xưởng và nhu cầu nhân sự cần thiết để đạt được tốc độ tăng doanh thu. Nhà quản trị phải dự tính được chính xác và kịp thời nhu cầu vốn để có kế hoạch thu hút vốn bên ngoài trong trường hợp ngân quỹ từ lợi nhuận không chia không đủ đáp ứng. Có 2 nguồn vốn trang trải cho nhu cầu vốn để tăng trưởng là: lợi nhuận và vay nợ.

Trong trường hợp lợi nhuận làm ra không đủ để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng dự báo của công ty, người quản trị phải bố trí vay nợ bên ngoài hoặc giảm tốc độ tăng trưởng để mức lợi nhuận làm ra có thể theo kịp nhu cầu tăng trưởng và mở rộng. Do việc thu hút vốn đầu tư và vay nợ mất rất nhiều thời gian nên đòi hỏi nhà quản trị phải dự báo chính xác và kịp thời để tránh tình trạng gián đoạn công việc kinh doanh.

Quản lý vốn sử dụng thực của công ty.

Vốn sử dụng thực của công ty là chênh lệch giữa tài sản hiện có của công ty và các khoản nợ phải trả, thường được gọi là vốn lưu chuyển trong công ty. Các nhà quản trị phải luôn chú ý đến những thay đổi trong vốn lưu chuyển, nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi và ảnh hưởng của sự thay đổi đó đối với tình hình hoạt động của công ty. Khi quản lý nguồn vốn lưu chuyển trong công ty, hãy xem xét các bộ phận cấu thành sau đây:

- Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt (các loại chứng khoán và tiền gửi ngắn hạn).
- Các khoản phải thu
- Tồn kho
- Các khoản phải trả
- Các khoản vay phải trả bao gồm các khoản vay từ ngân hàng và các nhà cho vay khác.
- Chi phí và thuế đến hạn trả

1.7.4 Phân tích tài chính doanh nghiệp

1.7.4.1 Khái niệm

Phân tích tài chính là quá trình tìm hiểu các kết quả của sự quản lý và điều hành tài chính ở doanh nghiệp được phản ánh trên các báo cáo tài chính đồng thời đánh giá những gì đã làm được, dự kiến những gì sẽ xảy ra trên cơ sở đó kiến nghị những biện pháp để tận dụng triệt để những điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu.

Hay nói cách khác, phân tích tài chính doanh nghiệp là làm sao cho các con số trên “biết nói” để người sử dụng chúng có thể biết rõ tình hình tài chính của doanh nghiệp các mục tiêu và các phương pháp hành động của những người quản lý doanh nghiệp đó.

1.7.4.2 Ý nghĩa của việc phân tích tài chính

- Hoạt động tài chính có mối quan hệ trực tiếp với hoạt động SXKD của một doanh nghiệp và có quyết định trong việc hình thành, tồn tại, phát triển của doanh nghiệp.
- Qua phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp mà đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình phân phối và sử dụng vốn, vạch rõ khả năng tiềm tàng về vốn của doanh nghiệp.

- Phân tích tình hình tài chính là công cụ không thể thiếu phục vụ cho công tác quản lý của cơ quan cấp trên, của ngân hàng để đánh giá tình hình thực hiện các chế độ chính sách về tài chính của nhà nước, xem xét việc cho vay vốn

1.7.4.3 Nhiệm vụ của phân tích tài chính doanh nghiệp

Với ý nghĩa trên nhiệm vụ của phân tích tài chính bao gồm:

➤ Đánh giá tình hình sử dụng vốn như: xem xét việc phân bổ vốn, nguồn vốn có hợp lý không, xem xét mức độ đảm bảo vốn cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, phát hiện những nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu vốn.

➤ Đánh giá tình hình thanh toán, khả năng thanh toán của doanh nghiệp, tình hình chấp hành các chế độ, chính sách tài chính, tín dụng của nhà nước

➤ Đánh giá hiệu quả việc sử dụng vốn

➤ Phát hiện khả năng tiềm tàng, đề ra các biện pháp động viên, khai thác khả năng tiềm tàng nhằm nâng cao hiệu quả việc sử dụng vốn

1.7.4.5 Mục tiêu và nội dung phân tích

a. Mục tiêu:

Phân tích tài chính có thể được hiểu như quá trình kiểm tra, xem xét các số liệu tài chính hiện hành và quá khứ nhằm mục đích đánh giá, dự tính các rủi ro tiềm ẩn trong tương lai phục vụ cho các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Mặt khác, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp là để đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin của nhiều đối tượng quan tâm đến những khía cạnh khác nhau về tài chính của doanh nghiệp để phục vụ cho những mục đích của mình.

- Đối với nhà quản trị: phân tích tài chính nhằm mục tiêu:

Tạo thành các chu kì đánh giá đều đặn về các hoạt động kinh doanh trong quá khứ, tiến hành cân đối tài chính, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán trả nợ, rủi ro tài chính của doanh nghiệp

Định hướng các quyết định của ban giám đốc như quyết định đầu tư, tài trợ, phân chia lợi nhuận cổ tức ... Là cơ sở cho các dự báo tài chính kế hoạch đầu tư phân ngân sách tiền mặt... Là công cụ để kiểm soát các hoạt động quản lý

- Đối với các đơn vị chủ sở hữu:

Họ cũng quan tâm đến lợi nhuận và khả năng trả nợ, sự an toàn của tiền vốn bỏ ra, thông qua phân tích tình hình tài chính giúp họ đánh giá hiệu quả của quá trình SXKD, khả năng điều hành hoạt động của nhà quản trị để quyết định sử dụng hoặc bãi miễn

nhà quản lý, cũng như việc phân phối kết quả kinh doanh.

- Đối với các chủ nợ (ngân hàng, các nhà cho vay, nhà cung cấp)

Mối quan tâm của họ hướng vào khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Do đó họ cần phải chú ý đến tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng như quan tâm đến lượng vốn của chủ sở hữu, khả năng sinh lời để đánh giá đơn vị có khả năng trả nợ được hay không khi quyết định cho vay, bán chịu sản phẩm cho đơn vị.

- Đối với các nhà đầu tư trong tương lai:

Điều mà họ quan tâm đến đầu tiên là sự an toàn của lượng vốn đầu tư, kế đó là mức độ sinh lời, thời gian hoàn vốn. Vì vậy họ cần những thông tin tài chính, tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, tiềm năng tăng trưởng của doanh nghiệp

b. Nội dung phân tích:

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có một lượng vốn nhất định bao gồm vốn kinh doanh, các quỹ, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn vay và các loại vốn khác. Doanh nghiệp có nhiệm vụ tổ chức và huy động các loại vốn cần thiết cho nhu cầu kinh doanh. Đồng thời, tiến hành phân phối, quản lý và sử dụng số vốn hiện có một cách hợp lý, có hiệu quả nhất trên cơ sở chấp hành các chế độ, chính sách quản lý kinh tế- tài chính và kỷ luật thanh toán của nhà nước.

Việc thường tiến hành phân tích tình hình tài chính sẽ giúp cho người sử dụng thông tin nắm được thực trạng hoạt động tài chính, xác định rõ nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến tình hình hoạt động sản xuất và kinh doanh. Trên cơ sở đó, đề xuất ra các biện pháp hữu hiệu và ra các quyết định cần thiết để nâng cao chất lượng công tác quản lý kinh doanh và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nội dung chủ yếu của phân tích báo cáo tài chính đi từ khái quát đến cụ thể bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp
- Phân tích cơ cấu nguồn vốn và tài sản, tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất và kinh doanh
- Phân tích tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp
- Phân tích hiệu quả sử dụng vốn
- Dự đoán nhu cầu tài chính

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Giao Nhận và Thương Mại Viko

2.1.1 *Quá trình hình thành và phát triển*

Công ty TNHH Giao Nhận Và Thương Mại Viko, tên giao dịch quốc tế là VIKO LOGISTICS CO.LTD. Được thành lập vào ngày 10 tháng 09 năm 2002 theo giấy đăng ký kinh doanh số:0202002151 do phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 2/345 Trần Nguyên Hãn – Phường Nghĩa Xá - Quận Lê Chân – Thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại : 031.350229
- Mã số thuế: 0200599197
- Tài khoản ngân hàng: 10015399 tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Hải Phòng

Được thành lập từ tháng 9 năm 2002 với chức năng chủ yếu là cung cấp các dịch vụ vận tải bộ, giao nhận các loại hàng đóng trong container, hàng rời, hàng bao được nhập, xuất qua cảng Hải phòng.... Đến nay, công ty TNHH GN&TM Viko đã có hơn 9 năm hoạt động kinh doanh và dần thay đổi từ quy mô hoạt động nhỏ cho đến quy mô hoạt động lớn hơn và có cơ cấu tổ chức theo hướng gọn nhẹ và có hiệu quả.

Khi mới thành lập, công ty có mức vốn điều lệ là 1,1 tỷ đồng. Đến nay, công ty đã có số vốn kinh doanh là trên 5 tỷ đồng. Là công ty hoạt động trong lĩnh vực vận tải, một dịch vụ mang tính cạnh tranh cao khi mà hoạt động xuất nhập khẩu ở nước ta đang diễn ra mạnh mẽ, vì vậy công ty cũng gặp không ít khó khăn trong thời gian vừa qua. Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường, công ty không ngừng đa dạng hóa các hình thức cung cấp dịch vụ, các chính sách hậu mãi, chăm sóc tư vấn miễn phí cho khách hàng. Cùng với tình hình chính sách của Nhà nước, sự biến đổi của tỷ giá ngoại tệ và yêu cầu mới của cơ chế thị trường, công ty đã có một số thay đổi về cách quản lý và các chế độ ưu đãi đối với khách hàng, làm tăng hiệu quả kinh doanh, giải quyết công ăn việc làm và tăng thu nhập cho nhân viên công ty và có thể đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng trong lĩnh vực vận tải trong khả năng kinh doanh của công ty

Với hơn 9 năm hoạt động, công ty đã tạo dựng được uy tín trên thị trường và có nhiều khách hàng truyền thống. Đồng thời công ty có đội ngũ nhân viên, lái xe lành nghề. Nhân viên giao nhận thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ xuất nhập khẩu, cập nhật các chế độ, chính sách quy chế mới của nhà nước về xuất nhập khẩu hàng hóa nên có thể làm thủ tục giao nhận nhanh chóng và tư vấn, giải đáp những thắc mắc cho khách hàng. Đây là nhân tố quan trọng giúp đưa công ty ngày càng phát triển hơn nữa.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh.

Công ty chủ yếu kinh doanh trong lĩnh dịch vụ giao nhận - vận chuyển đường bộ hàng hoá, dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải. Mỗi một dịch vụ mang một đặc thù riêng và tạo ra một lĩnh vực kinh doanh riêng biệt nhau và đều có một quy trình hay các bước làm việc khác nhau. Cho nên công ty đó chia dịch vụ trong lĩnh vực kinh doanh của mình thành hai dịch vụ chính và được miêu tả chi tiết như sau:

*** Quy trình để thực hiện dịch vụ giao nhận-vận chuyển hàng hoá:**

Bước 1: Khi nhận được lệnh (yêu cầu) cung cấp dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng thì trưởng phòng sẽ thay mặt giám đốc ký hợp đồng giao nhận vận chuyển hàng hoá với khách hàng.

Bước 2: Khi nhận được các chứng từ liên quan đến lô hàng từ khách hàng chuyển đến thì trưởng phòng sẽ bàn giao công việc cho nhân viên giao nhận.

Bước 3: Nhân viên giao nhận kiểm tra chứng từ của lô hàng sau đó sẽ tiến hành làm thủ tục Hải Quan và thủ tục giao nhận hàng tại Cảng.

Bước 4: Sau khi nhận được thông tin hàng hoá đó được thông quan từ nhân viên giao nhận thì trưởng phòng giao nhận vận tải sẽ tiến hành điều xe vào cảng hoặc kho bãi lấy hàng.

Bước 5: Sau khi hàng hoá đó được chuyển lên xe thì lái xe có nhiệm vụ chuyển trả hàng theo đúng địa chỉ mà khách hàng yêu cầu theo hợp đồng (và sẽ chuyển cho đại diện bên khách hàng ký vào biên bản bàn giao hàng hoá).

Bước 6: Sau khi nhân viên giao nhận nhận được biên bản bàn giao hàng hoá từ lái xe thì sẽ tiến hành các thủ tục làm đề nghị thanh toán các chi phí phát sinh đến lô hàng lên phòng kế toán.

*** Quy trình để thực hiện dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải :**

Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải theo ngôn ngữ nghề nghiệp thì được

gọi là dịch vụ FORWARDING hoặc LOGISTICS. Dịch vụ này công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ đối với hàng hoá nhập khẩu theo đường biển được thực hiện như sau:

Bước 1: Đại diện của công ty là giám đốc sẽ ký một hợp đồng đại lý với các hãng ở nước ngoài (cụ thể ở đây là các công ty kinh doanh cung cấp dịch vụ LOGISTICS của Hàn Quốc như HB LOGISTICS Co.,Ltd hay Power Trans hay Value Express).

Bước 2: Khi nhận được các chứng từ ban đầu được cung cấp từ phía đại lý nước ngoài (hoặc từ hãng tàu) qua fax hoặc Email (như vận tải đơn, Invoice, packing list, ..) thì nhân viên đại lý sẽ kiểm tra với hãng tàu về lô hàng của mình.

Bước 3: Khi nhận được các chứng từ liên quan như giấy báo hàng đến từ hãng tàu gửi qua fax hoặc Email về lô hàng của mình thì nhân viên đại lý sẽ làm giấy báo hàng đến cho khách hàng (người được nhận lô hàng trên vận tải đơn) rồi fax cho họ.

Bước 4: Nhân viên đại lý sẽ đi lấy lệnh giao hàng từ hãng tàu về.

Bước 5: Sau khi lấy được lệnh giao hàng từ hãng tàu về thì nhân viên đại lý sẽ kẹp vào hồ sơ rồi làm thủ tục cấp lệnh giao hàng cho khách hàng (người được nhận lô hàng trên vận tải đơn hoặc người được uỷ quyền nhận hàng).

Bước 6: Khi khách hàng (người được nhận lô hàng trên vận tải đơn hoặc người được uỷ quyền nhận hàng) đến liên hệ xin lấy lệnh giao hàng thì nhân viên đại lý căn cứ và kiểm tra các chứng từ cần thiết liên quan đến lô hàng theo vận tải đơn đó rồi cấp lệnh giao hàng cho họ.

Bước 7: Khách hàng sẽ thanh toán các chi phí phát sinh của lô hàng tại phòng kế toán.

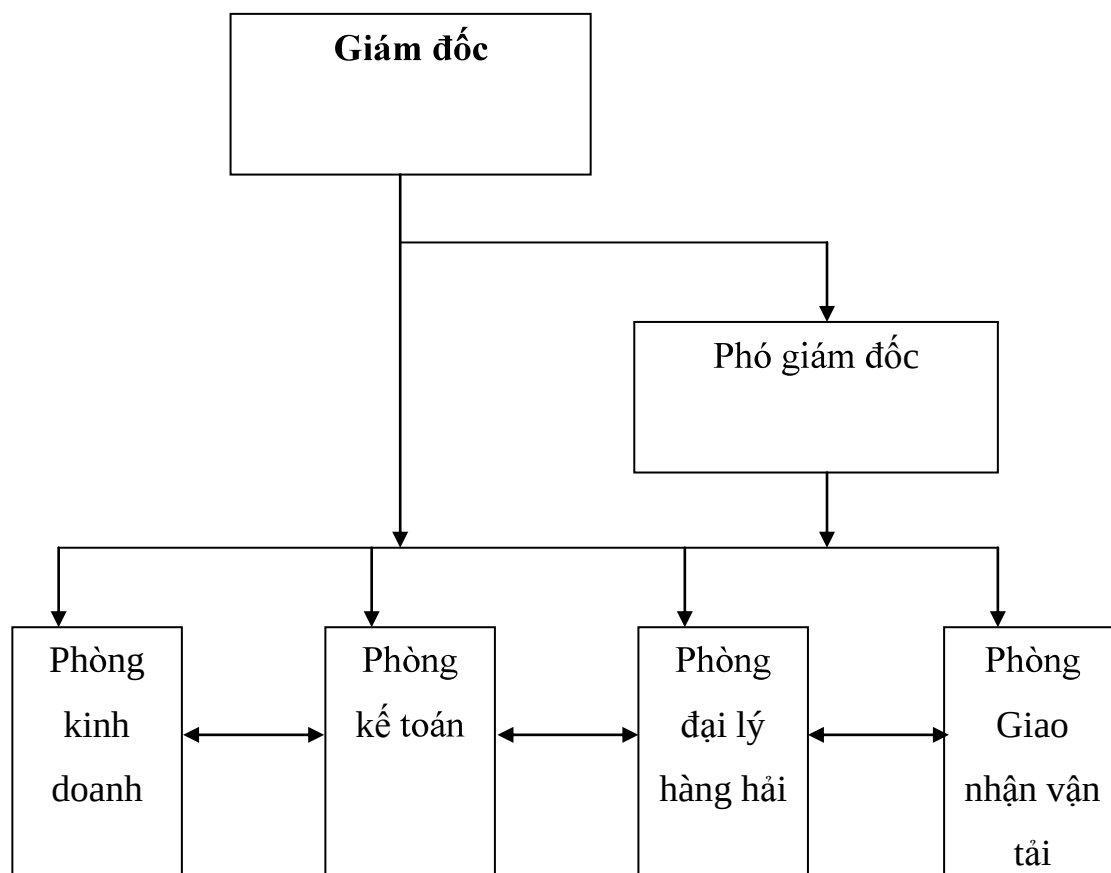
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Công ty TNHH giao nhận và thương mại Viko hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Công ty hưởng lợi nhuận và chịu lỗ theo kết quả kinh doanh của mình.

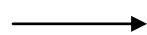
Việc tổ chức bộ máy quản lý của bất kỳ doanh nghiệp nào cũng là một yêu cầu tất yếu. Nếu tổ chức quản lý tốt sẽ đảm bảo tình hình kinh doanh đạt hiệu quả cao mang lại nguồn lợi nhuận lớn cho công ty và ngược lại.

Nhận thức được tầm quan trọng đó công ty tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình quản lý tập trung. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của từng lĩnh vực gắn với hoạt động kinh doanh của công ty và được ghi trong điều lệ quản lý của doanh nghiệp theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ Bộ máy quản lý của công ty TNHH giao nhận và thương mại Viko



Ghi chú:



: Quan hệ quản lý chỉ đạo



: Quan hệ phối hợp công tác và hỗ trợ

Các phòng ban có mối liên hệ mật thiết với nhau và đều chịu sự quản lý của Ban giám đốc. Tuy vậy mỗi phòng ban có chức năng, nhiệm vụ riêng phù hợp với tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

*** Chức năng, nhiệm vụ các bộ phận:**

Ban giám đốc:

Gồm Giám đốc và 2 phó giám đốc, trực tiếp quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty, trực tiếp chỉ đạo các phòng ban nghiệp vụ, chi nhánh. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty. Giám đốc công ty tổ chức kiểm tra mọi hoạt động của tất cả các bộ phận trong công ty và đơn vị thành viên công ty.

Phòng kế toán:

Tham mưu cho giám đốc trong việc sử dụng và huy động, quản lý vốn một cách có hiệu quả, đúng mục đích, vòng quay của vốn ngắn ngày.

Tổ chức công tác kế toán và nghiệp vụ kế toán trong công ty

Thực hiện nhiệm vụ thanh toán, quyết toán, trả lương cho CBCNV kịp thời

Phản ánh kịp thời tình hình sử dụng và biến động của tài sản, vốn, thường xuyên kiểm tra đối chiếu công nợ, xác định và phân loại các khoản nợ tồn đọng, phân tích khả năng thu hồi để có biện pháp xử lý thích hợp.

Phòng giao nhận vận tải

Dưới sự chỉ đạo của trưởng phòng giao nhận: Phòng có nhiệm vụ đảm bảo cung cấp các dịch vụ và thực hiện các hợp đồng về giao nhận vận tải. Chịu trách nhiệm về việc bảo vệ tài sản và nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ của các tài sản đó. Sau đó tổng hợp và báo cáo cho giám đốc về tình hình kinh doanh trong lĩnh vực của mình.

Phòng đại lý hàng hải

Dưới sự chỉ đạo của trưởng phòng đại lý: Phòng có nhiệm vụ đảm bảo cung cấp các dịch vụ và thực hiện các hợp đồng về đại lý. Sau đó tổng hợp và báo cáo cho giám đốc về tình hình kinh doanh trong lĩnh vực của mình.

Phòng kinh doanh:

Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tiến hành xây dựng triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tổng hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, phòng kinh doanh cũng phụ trách giao dịch thương thảo, ký kết các hợp đồng với khách hàng. Tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng các hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.

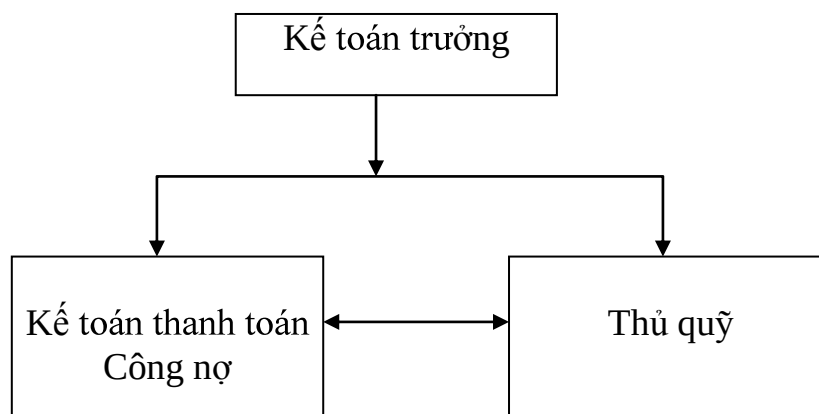
2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Việc tổ chức, thực hiện chức năng nhiệm vụ nội dung công tác kế toán trong công ty do bộ máy kế toán đảm nhiệm. Vì vậy việc tổ chức cơ cấu bộ máy kế toán sao cho gọn nhẹ, hợp lý và hoạt động có hiệu quả là điều kiện quan trọng để cung cấp thông tin kế toán một cách kịp thời, chính xác, trung thực và đầy đủ hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin. Đồng thời phát huy và nâng cao trình độ nghiệp vụ và năng suất lao động của nhân viên kế toán.

Tại công ty TNHH giao nhận và thương mại Viko có một phòng kế toán gồm ba người. Việc tổ chức công tác kế toán được tiến hành theo mô hình tập trung. Theo mô hình này toàn bộ công tác kế toán được thực hiện ở phòng kế toán của công ty, từ khâu ghi chép ban đầu đến khâu tổng hợp lập báo cáo và kiểm tra kế toán, hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp. Còn lại các phòng ban khác chỉ lập các chứng từ phát sinh tại đơn vị rồi gửi về phòng kế toán. Quy mô tổ chức của bộ máy kế toán gọn nhẹ phù hợp với đặc điểm của công ty mà vẫn đảm bảo công tác kế toán có hiệu quả. Bộ máy kế toán của công ty được bố trí theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ Bộ máy kế toán của công ty TNHH giao nhận và thương mại Viko



Ghi chú:

—————> : Quan hệ quản lý chỉ đạo

————>< : Quan hệ phối hợp công tác và hỗ trợ

*** Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng là người hướng dẫn điều hành kiểm tra toàn bộ công tác kế toán - tài chính của công ty, là người giúp giám đốc về mặt tài chính trong việc thu, chi, lập kế hoạch kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, lập các báo cáo tài chính theo mẫu biểu

quy định, kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty về công việc thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Cuối kỳ, kế toán trưởng tập hợp số liệu từ các bộ phận, phòng ban, lập báo cáo tài chính, xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.

*** Kế toán thanh toán công nợ**

Có trách nhiệm liên hệ với khách hàng, đối tác về việc mua bán, cung cấp dịch vụ, lập các hợp đồng hay hóa đơn mua, bán sản phẩm hàng hóa, tiến hành theo dõi các khoản công nợ của Xí nghiệp, để đảm bảo sao cho có thể thu hồi vốn một cách nhanh nhất và thanh toán cho chủ nợ một cách tốt nhất, tạo điều kiện cho việc quay vòng vốn nhanh, tiến hành việc tổng hợp và lập bảng phân bổ tiền lương hàng tháng,

*** Thủ quỹ**

Thủ quỹ khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thủ quỹ căn cứ vào tính hợp lệ của các chứng từ tiến hành viết phiếu thu và phiếu chi, cuối ngày đối chiếu, với sổ quỹ tiền mặt để đảm bảo tính chính xác. Thủ quỹ là người quản lý toàn bộ tiền mặt và các chứng từ tương đương tiền của công ty. Thủ quỹ cũng là người theo dõi các nghiệp vụ phát sinh trên tài khoản tiền gửi ngân hàng của công ty.

2.1.4.2 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

Công ty TNHH giao nhận và thương mại Viko là doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ do vậy công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006.

- Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng
- Chế độ kế toán áp dụng : Theo chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: theo phương pháp nhập trước – xuất trước
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định đang áp dụng: Khấu hao đều theo thời gian.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến biến động ngoại tệ đều được quy đổi ghi sổ bằng tiền Việt Nam đồng theo tỷ giá thực tế bán ra của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam tại thời điểm nghiệp vụ phát sinh.

2.1.4.3 Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán

Danh mục hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán áp dụng tại công ty:

Là một công ty t- nhân có quy mô nhỏ nên công ty vận dụng hệ thống tài khoản kế toán theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính.

2.1.4.4 Tổ chức vận dụng chế độ sổ kế toán

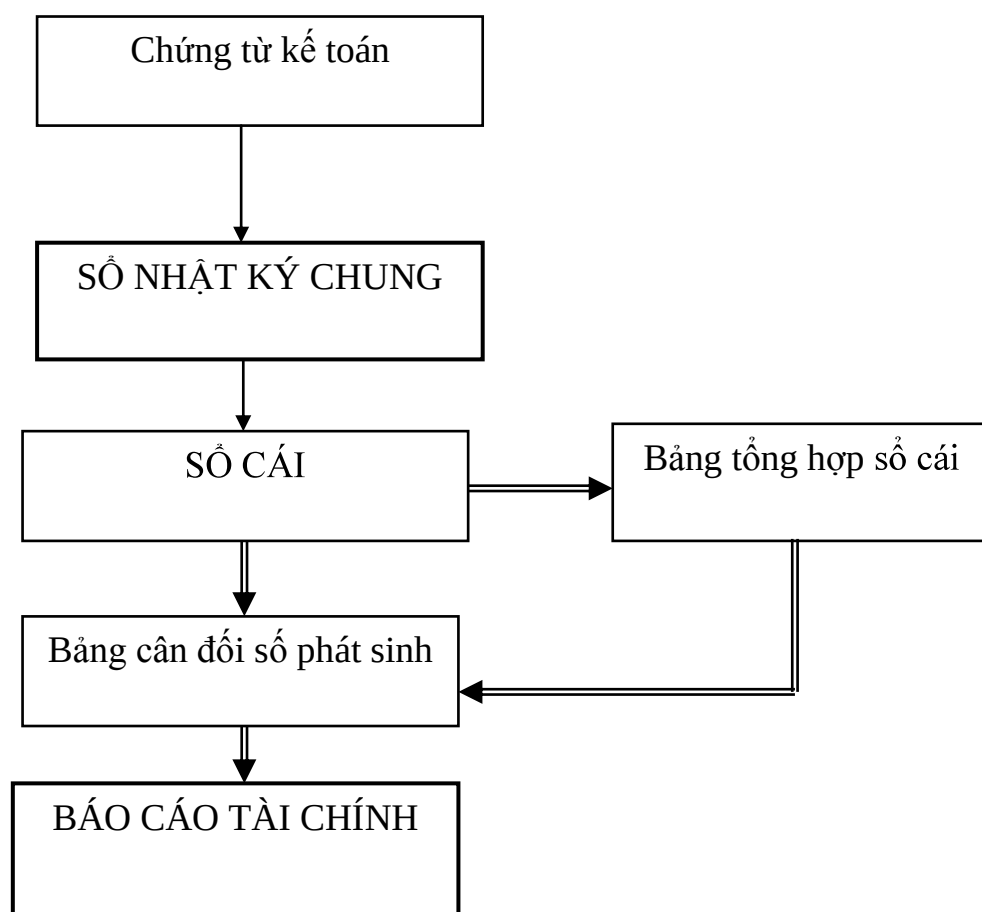
Sổ kế toán dựng để ghi chép, hệ thống và lưu giữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế do phát sinh theo nội dung kinh tế và theo trình tự thời gian có liên quan đến doanh nghiệp. Doanh nghiệp thực hiện các quy định về sổ kế toán trong Luật Kế toán, Nghị định số 129/2004/NĐ- CP ngày 31/5/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán trong lĩnh vực kinh doanh.

Doanh nghiệp sử dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức kế toán **Nhật ký chung**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Hình thức kế toán Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung,
- Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật kí chung của công ty được khái quát theo sơ đồ sau



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ $\Longrightarrow$

\

Sơ đồ số 2.3: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký

chung cùng kỳ.

2.1.4.5 Tổ chức vận dụng hệ thống báo cáo kế toán

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

- | | |
|--|--------------------|
| - Bảng Cân đối kế toán | : Mẫu số B01 - DNN |
| - Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh | : Mẫu số B02 - DNN |
| - Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ | : Mẫu số B03 - DNN |
| - Bản Thuyết minh báo cáo tài chính | : Mẫu số B09 - DNN |
| - Bảng Cân đối tài khoản | : Mẫu số F01 - DNN |

Ngoài ra, kế toán còn lập thêm các báo cáo khác như: bảng cân đối số phát sinh, báo cáo thuế,

2.2 Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH GN&TM Viko.

2.2.1 Đặc điểm các loại dịch vụ và phương thức cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH GN&TM Viko

Các dịch vụ công ty cung cấp bao gồm:

- Dịch vụ vận tải;
- Dịch vụ giao nhận;
- Dịch vụ đại lý hàng hải.

2.2.1.1 Đặc điểm dịch vụ vận tải

Công ty chuyên kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa. Tức là công ty chuyên nhận chuyên chở nội địa hàng hóa với số lượng lớn. Đây là lĩnh vực đem lại doanh thu lớn cho công ty cũng là dịch vụ chủ lực và thế mạnh của công ty.

Kinh doanh vận chuyển phụ thuộc lớn vào chất lượng xe và tay nghề lái xe. Hiện nay, công ty có 7 đầu kéo với trọng tải lớn, luôn sẵn sàng chờ hàng khi có yêu cầu, có đội ngũ lái xe, phụ xe có kinh nghiệm.

Tuy nhiên, kinh doanh vận chuyển cũng gặp nhiều rủi ro như bị chậm hàng, xe hỏng dọc đường, tai nạn giao thông... Vì thế, công ty thường xuyên mua mới, sửa chữa, nâng cấp đầu kéo, cầu cũng như thường xuyên tuyển mới, đào tạo đội ngũ lái xe lành nghề, mua bảo hiểm đầy đủ cho xe, hàng hóa, đội ngũ lái xe,...

Khi hạch toán về vận tải hàng hóa nội địa bao gồm: Hạch toán về lương đội ngũ lái xe, phụ xe; Khấu hao xe; Bảo hiểm xe; Chi phí xăng dầu; lệ phí cầu đường,...

Chi phí về dầu vận chuyển được công ty hạch toán vào TK 154 – Chi phí sản xuất

kinh doanh dở dang

Các khoản chi phí khác phát sinh liên quan đến kinh doanh vận chuyển được hạch toán vào tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

2.2.1.2 Đặc điểm dịch vụ giao nhận

Đây là dịch vụ thường phát sinh song song với dịch vụ vận tải cho một lô hàng của khách hàng. Khi lô hàng của khách hàng về đến cảng, công ty sẽ làm dịch vụ trọn gói từ giao nhận đến vận tải. Tức là, công ty sẽ thay mặt cho khách hàng làm các thủ tục với cảng và hãng tàu để lấy hàng ra khỏi cảng. Sau khi hoàn thành thủ tục lấy hàng ra khỏi cảng, công ty sẽ ghi nhận doanh thu dịch vụ giao nhận đối với khách hàng

Các khoản chi phí liên quan đến giao nhận hàng bao gồm: cước nâng hạ, phí lưu container, phí vệ sinh công nghiệp container, phí sửa chữa container.....

Các khoản chi về giao nhận hàng hóa được hạch toán vào TK 632 – giá vốn hàng bán.

2.2.1.3 Đặc điểm dịch vụ đại lý hàng hải

Đối với đại lý hàng hải, công việc chủ yếu của công ty là thay mặt cho hãng vận chuyển ở nước ngoài cấp các lệnh giao hàng (bill house) đi kèm với lệnh giao hàng của hãng tàu (bill master). Đây là 2 lệnh giao hàng phải có để khách hàng xuất trình với cảng khi làm thủ tục lấy hàng.

Công ty sẽ thu phí dịch vụ từ việc cấp lệnh cho khách hàng

Các khoản chi phí liên quan đến dịch vụ đại lý hàng hải thường bao gồm : Phí D/O (phí chứng từ khi mình đến hãng tàu lấy lệnh), các phụ phí của hãng tàu.....

Khi đến hãng tàu lấy lệnh, công ty sẽ phải trả cho hãng tàu các khoản chi phí trên, và thu lại chênh lệch từ khách hàng. Phần thu lại của khách hàng được ghi nhận là doanh thu của công ty.

Các khoản chi phí về đại lý hàng hải được hạch toán vào TK 632 – giá vốn hàng bán.

Đối với dịch vụ giao nhận và đại lý hàng hải, công ty có đội ngũ nhân viên giao nhận và đại lý hàng hải năng động, nhanh nhạy, có kinh nghiệm, am hiểu về các nghiệp vụ xuất nhập khẩu. Vì vậy, các thủ tục giao nhận hàng và cấp lệnh được thực hiện một cách nhanh chóng.

2.2.2 Phương thức cung cấp dịch vụ tại công ty

Hiện nay, công ty chủ yếu áp dụng 2 phương thức cung cấp dịch vụ là cung cấp

theo giá bán buôn và cung cấp theo giá bán lẻ.

Bán buôn: Với hình thức này, việc cung cấp dịch vụ được thông qua các hợp đồng kinh tế ký kết giữa khách hàng và công ty. Đối tượng của hình thức này chủ yếu là các khách hàng có nhu cầu giao nhận vận tải, đây cũng là dịch vụ mang lại nguồn thu chủ yếu cho công ty.

Ở phương thức này, khách hàng chủ yếu là thanh toán bằng chuyển khoản vì lượng tiền trong một hợp đồng là lớn. Sau khi vận chuyển hàng đến kho, bên khách hàng chấp nhận thanh toán hoặc thanh toán tiền ngay thì dịch vụ được xác định là đã hoàn thành.

Bán lẻ: Theo hình thức này thường được áp dụng cho dịch vụ đại lý hàng hải. Đây là dịch vụ chiếm tỷ trọng doanh thu thấp tại công ty. Khi khách hàng đến lấy lệnh giao hàng, họ sẽ phải thanh toán tiền phí dịch vụ luôn cho công ty.

2.2.3 Kế toán tập hợp doanh thu

2.2.3.1 Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ

Trong năm 2011, công ty TNHH GN&TM Viko chỉ phát sinh doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính không phát sinh khoản giảm trừ doanh thu và thu nhập khác.

***Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm**

- Kế toán doanh thu vận tải;
- Kế toán doanh thu giao nhận;
- Kế toán doanh thu đại lý hàng hải.

*** Tài khoản sử dụng**

- TK 5113 CUOCVC – doanh thu cước vận chuyển
- TK 5113 GIAONHAN – doanh thu dịch vụ giao nhận
- TK 5113 ĐLHH – doanh thu dịch vụ đại lý hàng hải

*** Chứng từ sử dụng**

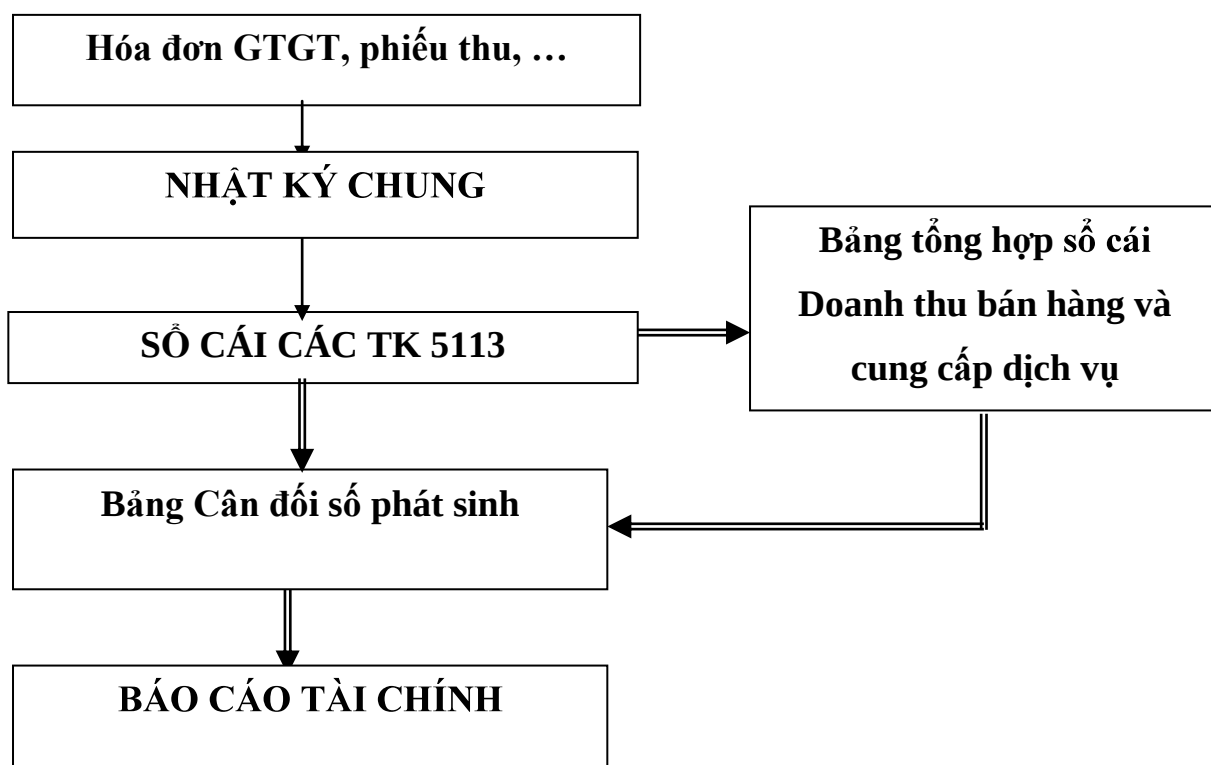
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu
- Phiếu kế toán (biểu do công ty lập)
- Phiếu thu ngân hàng (biểu do công ty lập)
- Và các chứng từ khác có liên quan.....

*** Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái tài khoản 5113 GIAONHAN, 5113 CUOCVC, 5113 ĐLHH
- Sổ Cái tài khoản 333, 111, 112, 131, ...
- Bảng tổng hợp sổ cái doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Và các sổ kế toán khác có liên quan
- Hàng ngày, hàng tháng diễn ra rất nhiều các nghiệp vụ kinh tế, vì vậy thay vì ghi Sổ Cái cho tài khoản 511 và ghi Sổ cái chi tiết các tài khoản 5113 CUOCVC, 5113 GIAONHAN, 5113 ĐLHH, đến cuối mỗi quý, công ty ghi Bảng tổng hợp sổ cái tài khoản 5113.

***Quy trình luân chuyển chứng từ**

Sơ đồ 2.4 Quy trình luân chuyển chứng từ doanh thu cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối năm
-> Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, khi phát sinh các nghiệp vụ về cung cấp dịch vụ:

- Kế toán viết HĐGTGT nếu:

- Khách hàng trả tiền ngay, kế toán lập Phiếu thu
- Khách hàng thanh toán qua ngân hàng, kế toán lập phiếu thu ngân hàng
- Khách hàng chậm thanh toán, kế toán lập phiếu kế toán (kí hiệu:TKH) để ghi nợ.
- Sau khi tập hợp chứng từ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung.
- Căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 5113, 111, 112, 131,....., Cuối quý ghi sổ tổng hợp cho TK 511

➤ **Thực tế doanh thu vận tải tại công ty.**

Ví dụ: Ngày 5/12/2011, Công ty cổ phần hàng hải MACS thuê vận chuyển 6 cont 40 feet từ Cảng Hải Phòng về Hà Nội. Cước vận chuyển 1 cont 40 feet: 4,000,000 đồng. Thuế GTGT 10%. Công ty chưa thanh toán.

Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán thực hiện như sau:

- Lập hóa đơn GTGT (số 0000252)
- Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000252, kế toán lập phiếu kế toán (TKH/012/12), tổng phải thanh toán : 26,400,000 đồng.
- Kế toán định khoản:

Nợ TK 131 MACS: 26,400,000

Có TK 5113CUOCVC: 24,000,000

Có TK 33311: 2,400,000

- Kế toán ghi sổ Nhật ký chung
- Kế toán ghi sổ cái TK 131 MACS, TK 511 CUOCVC, TK 33311
- Cuối quý, kế toán tổng hợp số liệu trên sổ cái TK 131 MACS vào bảng tổng hợp phải thu khách hàng; số liệu trên sổ cái TK 5113 CUOCVC vào bảng tổng hợp doanh thu cung cấp dịch vụ.

➤ **Thực tế doanh thu dịch vụ giao nhận hàng hóa.**

Ngày 7/12/2011, Công ty cổ phần Mai Thành 2 cont hàng cập cảng Hải Phòng. Mai Thành thuê làm dịch vụ giao nhận cho 2 cont hàng này. Sau khi hàng được giải phóng ra khỏi cảng công ty đã thu lại của Mai Thành tiền làm dịch vụ 37,305,824 đồng, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán (bao gồm cước dịch vụ giao nhận; phí lưu cont; phí nâng hàng, hạ vỏ; phí lưu vỏ cont; phí vệ sinh cont; phí DO).

Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán thực hiện như sau:

- Viết hóa đơn GTGT (số 0000265)
- Căn cứ vào HĐ GTGT số 000265, kế toán lập phiếu kế toán (KH: TKH/018/12),

tổng số tiền phải thanh toán: 41,036,406 đồng

- Từ phiếu kế toán, kế toán ghi sổ Nhật ký chung
- Từ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK 131 MAITHANH, TK 511 GIAONHAN, TK 3331.
- Cuối quý, kế toán tổng hợp số liệu trên sổ cái TK 131 MAITHANH vào bảng tổng hợp phải thu khách hàng; số liệu trên sổ cái TK 5113 GIAONHAN vào bảng tổng hợp doanh thu cung cấp dịch vụ.
- Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 131 MAITHANH: 41,036,406

Có TK 5113 GIAONHAN: 37,305,824

Có TK 3331: 3,730,852

➤ **Thực tế doanh thu dịch vụ đại lý hàng hải**

Ngày 17/12/2012, công ty TNHH Hanshin đến công ty lấy lệnh giao hàng. Khi cấp lệnh cho Hanshin công ty thu tiền dịch vụ đại lý hàng hải với số tiền là 4,273,500 đồng, thuế GTGT 10%, (bao gồm phí handling, phí DO, phí khai thác hàng lẻ, phí xếp dỡ hàng tại cảng, phí phụ trội CFS). Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt

Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán thực hiện như sau:

- Viết hóa đơn GTGT (số: 0000311)
- Căn cứ hóa đơn GTGT số 000311, viết phiếu thu số TTM/015/12
- Từ phiếu thu số TTM/015/12, kế toán ghi sổ Nhật ký chung
- Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK 111, TK 5113 DLHH, TK 33311
- Cuối quý, từ số liệu sổ cái TK 5113 DLHH, kế toán ghi sổ tổng hợp TK 5113 doanh thu cung cấp dịch vụ.
- Kế toán định khoản

Nợ TK 111: 4,700,850

Có TK 5113 DLHH: 4,273,500

Có TK 3331: 427,350

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT doanh thu cước vận chuyển



CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN VÀ THƯƠNG MẠI VIKO

Địa chỉ: 2/345 Trần Nguyên Hân - Phường Nghĩa Xá - Quận Lê Chân - TP.Hải Phòng

TEL: 031.3550229

Fax: 031.3552809

Mã số thuế:

0200599197

Mẫu số: 01 GTKT3/001

HOÁ ĐƠN (GTGT)

Ký hiệu (Serial No) : **VK/11P**

INVOICE (VAT)

Số (No): **0000252**

Liên 3: Hạch toán nội bộ

Ngày 05 tháng 12 năm 2011

Tên khách hàng (Customer's Name) Công ty Cổ phần hàng hải MACS

Địa chỉ (Address): Tầng 4 – số 9 – Nguyễn Hồng – Ba Đình – Hà Nội

Mã số thuế (Tax Code): 0302326311003

Hình thức thanh toán (Method of Payment): CK

Số tài khoản (Bank a/c)

STT (Items)	Tên hàng hoá, dịch vụ (Description of goods, service)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
	Cước vận chuyển	cont	6	4,000,000	24,000,000
	(Hải Phòng – Hà Nội)				
Cộng tiền hàng (Total value of goods, service):					24,000,000
Thuế suất GTGT (Vat rate): % Tiền thuế GTGT (VAT amount):					2,400,000
Tổng cộng tiền thanh toán (Grant total):					26,400,000
Số tiền viết bằng chữ (In words): (Sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn)					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Thủ trưởng đơn vị (Director)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp & full name)

In tại công ty CP Tin học và Công nghệ Hàng Hải Tel: 031.3836482
*MST: 0200421485

Biểu số 2.2: Phiếu kế toán (ghi khoản phải thu công ty MACS)

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP		Độc lập – Tự do – Hạnh phúc	
PHIẾU KẾ TOÁN		Số: <i>TKH/012/12</i>	Nợ TK: 131 MACS
Ngày : 5-12-2011		Có TK: 511CUOCVC; 33311	
Họ tên :	CN Công ty cổ phần hàng hải MACS		
Địa chỉ:	Tầng 4 – Số 9 – Nguyễn Hồng – Ba Đình - HN		
Lý do phải thu:	Thu cước vận chuyển hàng (Hải Phòng – Hưng Yên) – HĐ: 0000245 Ngày 15/12		
Số tiền:	26,400,000 VNĐ		
Bằng chữ:	Hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn		
Kèm theo:	HĐ: 0252		
Giám đốc	Kế toán	Thủ Quỹ	

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT doanh thu dịch vụ giao nhận
**CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN VÀ THƯƠNG MẠI
VIKO**

Địa chỉ: 2/345 Trần Nguyên Hãn - Phường Nghĩa Xá - Quận Lê Chân - TP.Hải Phòng

TEL: 031.3550229

Fax: 031.3552809

Mã số thuế:

0200599197

Mẫu số: 01 GTKT3/001

HOÁ ĐƠN (GTGT)

Ký hiệu (Serial No) : VK/11P

INVOICE (VAT)

Số (No): 0000265

Liên 3: Hạch toán nội bộ

Ngày 17 tháng 12 năm 2011

Tên khách hàng (Customer's Name) **Công ty Cổ phần Mai Thành**Địa chỉ (Address): **Số 28 – Mạc Đĩnh Chi – P.Dakao – Quận 1 - HCM**Mã số thuế (Tax Code): **0302481194**Hình thức thanh toán (Method of Payment): **CK**

Số tài khoản (Bank a/c)

STT (Items)	Tên hàng hoá, dịch vụ (Description of goods, service)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cước dịch vụ giao nhận (1 cont 20+1 cont 40)				600,000
2	Phí lưu cont				32,535,534
3	Phí nâng hàng, hạ vò				1,152,500
4	Phí lưu vò cont				718,576
5	Phí vệ sinh cont				190,909
6	Phí THC, DO				2,108,305
	(Lô hàng làm theo TKHQ số 54 NDT-B101- ngày 5/12/2011)				
Cộng tiền hàng (Total value of goods, service):					37,305,824
Thuế suất GTGT (Vat rate): % Tiền thuế GTGT (VAT amount):					3,730,582
Tổng cộng tiền thanh toán (Grant total):					41,036,406
Số tiền viết bằng chữ (In words): (Sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn)					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Thủ trưởng đơn vị (Director)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp & full name)

In tại công ty CP Tín học và Công nghệ Hàng Hải Tel: 031.3836482 *MST: 0200421485

Biểu số 2.4: Phiếu kế toán (phải thu công ty Mai Thành)

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày : 7-12-2011

Số: **TKH/018/12**

Nợ TK: 131 MAITHANH

Có TK: 511 GIAONHAN; 33311

Họ tên : **Công ty cổ phần Mai Thành**

Địa chỉ: Số 28 – Mạc Đĩnh Chi – P. Dakao – Quận 1 - HCM

Lý do phải thu: Thu cước vận chuyển hàng (Hải Phòng – Hưng Yên) – HĐ: 0000259 Ngày 15/12

Số tiền: **41,036,406 VNĐ**

Bằng chữ: **Bốn mươi một triệu không trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng.**

Kèm theo: HĐ: 0265

Giám đốc

Kế toán

Thủ Quỹ

Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT doanh thu dịch vụ đại lý hàng hải



CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN VÀ THƯƠNG MẠI VIKO

Địa chỉ: 2/345 Trần Nguyên Hãn - Phường Nghĩa Xá - Quận Lê Chân - TP.Hải Phòng

TEL: 031.3550229

Fax: 031.3552809

Mã số thuế:

0200599197

Mẫu số: 01 GTKT3/001

HOÁ ĐƠN (GTGT)

Ký hiệu (Serial No) : **VK/11P**

INVOICE (VAT)

Số (No): **0000311**

Liên 3: Hạch toán nội bộ

Ngày 17 tháng 12 năm 2011

Tên khách hàng (Customer's Name) **Công ty TNHH Hanshin**

Địa chỉ (Address): **Số 12 – Ngõ 61/65 Trần Duy Hưng – Trung Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội**

Mã số thuế (Tax Code): **0105160272**

Hình thức thanh toán (Method of Payment): **TM**

Số tài khoản (Bank a/c)

STT (Items)	Tên hàng hoá, dịch vụ (Description of goods, service)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phí vận đơn	Vận đơn	1	630,000	630,000
2	Phí chứng từ	Vận đơn	1	525,000	525,000
3	Phí khai thác hàng lẻ	M3	4,5	378,000	1,701,000
4	Phí xếp dỡ tại cảng	M3	4,5	168,000	756,000
5	Phí phụ trội (CFS)	M3	4,5	147,000	661,500
Cộng tiền hàng (Total value of goods, service):					4,273,500
Thuế suất GTGT (Vat rate): % Tiền thuế GTGT (VAT amount):					427,350
Tổng cộng tiền thanh toán (Grant total):					4,700,850
Số tiền viết bằng chữ (In words): (Sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn)					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & full name)

Thủ trưởng đơn vị (Director)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp & full name)

In tại công ty CP Tín học và Công nghệ Hàng Hải Tel: 031.3836482
*MST: 0200421485

Biểu số 2.6: Phiếu thu tiền mặt (thu công ty Hanshin)

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc	
PHIẾU THU Ngày : 17-12-2011		Số: TTM/015/12 Nợ TK :111 Có TK:5113 ĐLHH; 33311	
Họ tên người nộp:	Công ty TNHH Daewoo STC & Apparel		
Địa chỉ:	Lô 1, KCN Khai Quang, Thị xã Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc		
Lý do nộp:	Thu dịch vụ HH (Phí vận đơn, chứng từ, CFS...) – HĐ: 0000259 – Ngày 17/12/2011		
Số tiền:	4,700,850VNĐ		
Bằng chữ:	Bốn triệu bảy trăm nghìn tám trăm lăm mươi đồng		
Kèm theo:	HĐ: 0311		
Giám đốc	Kế toán	Người nộp tiền	Thủ Quỹ

Biểu số 2.7 Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
						
5/12	HĐ: 0252	5/12	Doanh thu cước vận chuyển cho công ty hàng hải MACS	131 MACS	26,400,000	
				5113 CUOCVC		24,000,000
				33311		2,400,000
5/12	HĐ: 0253	5/12	Doanh thu dịch vụ ĐLHH (thu phí Handling)	111	693,000	
				5113 ĐLHH		630,000
				33311		63,000
						
7/12	HĐ: 0265	7/12	Doanh thu dịch vụ giao nhận cho công ty Mai Thành	131 MAITHANH	41,036,406	
				5113 GIAONHAN		37,305,824
				33311		3,730,582
7/12	HĐ: 0392 141	7/12	Thanh toán phí lưu cont cho MEARSK	331 MAERSK	167,037,450	
				112		167,037,450
7/12	HĐ: 0135 397	7/12	Thanh toán tiền cước nâng hạ cho cảng Hải Phòng	632 PHICANG	1,725,000	
				133	172,500	
				111		1,897,500
						
12/12	HĐ:0 1216 60	12/12	Trả tiền phí nâng cont cho công ty Cảng Hải Phòng	632 GIAONHAN	767,500	
				133	76,750	
				111		844,250
						
17/12	HĐ: 0311	17/12	Doanh thu dịch vụ đại lý hàng hải	111	4,273,500	
				511 ĐLHH		4,700,850
				33311		427,350
						
21/12	HĐ:0 331	21/12	Doanh thu cước vận chuyển cho VIKOTRANS	131 VIKOTRANS	100,000,000	
				5113 CUOCVC		90,909,091
				33311		9,090,909
						
			Công cả năm		160,541,381,125	160,541,381,125

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8: Sổ Cái TK 511 CUOCVC

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân –
HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: Doanh thu cược vận chuyển

Số hiệu: 5113 CUOCVC

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			Số dư đầu năm			
						
2/12	HĐ:0 237	2/1 2	Doanh thu DV vận chuyển cho Mai Thành	131 MAITHANH		46,200,000
2/12	HĐ:0 238	2/1 2	Doanh thu vận chuyển cho Away	111		27,000,000
						
5/12	HĐ:0 252	5/1 2	Doanh thu cược vận chuyển cho MACS	131 MACS		24,000,000
						
6/12	HĐ:0 259	6/1 2	Doanh thu cược vận chuyển cho công ty Nam Việt Hàn Sung	131 HANSUNG		393,500,000
						
18/12	HĐ:0 316	18/ 12	Doanh thu cược vận chuyển cho công ty tàu thủy Nam Triệu	111		2,272,727
						
21/12	HĐ:0 332	21/ 12	Doanh thu cược vè cho VIKO TRANS	131 VIKOTRANS		90,909,091
21/12	HĐ:0 333	21/ 12	DT cược vận chuyển cho Nam Triệu	111		15,961,275
						
22/12	HĐ:0 336	22/ 12	DT cược vận chuyển cho FIGVINA	331 FIGVINA		45,454,545
						
31/12	KC	31/ 12	Kết chuyển doanh thu cược vận chuyển	911	20,396,954,663	
			Cộng cả năm		20,396,954,663	20,396,954,663

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9 Sổ cái Doanh thu dịch vụ giao nhận

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: Doanh thu dịch vụ giao nhận

Số hiệu: 5113 GIAONHAN

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			Số dư đầu năm			
						
4/12	HĐ:0 246	4/12	Doanh thu dịch vụ giao nhận	131 MAITHANH		52,817,201
						
5/12	HĐ:0 254	5/12	Doanh thu dịch vụ giao nhận cho FOSTER	131 FOSTER		31,435,551
						
7/12	HĐ:0265	7/12	Doanh thu dịch vụ giao nhận cho Mai Thành	131 MAITHANH		37,305,824
						
23/12	HĐ:0 339	23/12	Doanh thu dịch vụ giao nhận cho công ty Thiên Đại	111		15,601,520
23/12	HĐ:0 340	23/12	Doanh thu DVGN cho VIKOTRANS	112		21,815,410
						
25/12	HĐ:0 349	25/12	Doanh thu DVGN cho SAMWOO	112		25,670,147
25/12	HĐ:0 350	25/12	Doanh thu DVGN cho Thuận Đạt	111		13,641,532
						
27/12	HĐ:0 360	27/12	Doanh thu DVGN cho FIGVINA	111		17,384,255
27/12	HĐ:0 361	27/12	Doanh thu DVGN cho HANSUNG	131 HANSUNG		30,903,002
						
31/12	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu giao nhận	911	2,238,349,440	
			Cộng cả năm		2,238,349,440	2,238,349,440

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.10 Sổ cái doanh thu đại lý hàng hải

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: Doanh thu dịch vụ đại lý hàng hải

Số hiệu: 5113 ĐLHH

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			Số dư đầu năm			
						
2/12	HĐ:0 239	2/12	Thu phí vận đơn (handling)	111		630,000
2/12	HĐ:0 240	2/12	Thu phí vận đơn (handling)	111		630,000
2/12	HĐ:0 241	2/12	Thu phí vận đơn (handling)	1111		630,000
						
9/12	HĐ:0 270	9/12	Thu phí vận đơn (handling)	111		630,000
9/12	HĐ:0 271	9/12	Doanh thu ĐLHH (phí handling, DO)	111		1,155,000
9/12	HĐ:0 272	9/12	Thu phí handling	111		630,000
9/12	HĐ: 0273	9/12	Doanh thu ĐLHH (phí handling, DO, THC, CFS....)	111		3,234,000
						
17/12	HĐ: 0311	17/12	Doanh thu ĐLHH (phí handling, DO, THC, CFS)	111		4,700,850
						
25/12	HĐ:0 2351	25/12	Doanh thu vận đơn (phí handling, DO)	111		1,155,000
						
31/12	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu đại lý hàng hải	911	1,050,966,000	
			Cộng cả năm		1,050,966,000	1,050,966,000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11 Bảng tổng hợp doanh thu lũy kế năm 2011

Công ty TNHH GN&TM Viko

Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

BẢNG TỔNG HỢP SỔ CÁI DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

Năm 2011

Số hiệu TK	Tên	Số tiền
5113 CUOCVC	Doanh thu dịch vụ vận tải	20,396,954,663
5113 GIAONHAN	Doanh thu dịch vụ giao nhận	2,238,349,440
5113 ĐLHH	Doanh thu dịch vụ đại lý hàng hải	1,050,966,000
5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ	23,686,270,103

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

2.2.3.2 *Kế toán doanh thu dịch vụ tài chính*

Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính của công ty là lãi tiền gửi ngân hàng. Hàng tháng, công ty nhận được Giấy báo có của ngân hàng về lãi tiền gửi được hưởng làm căn cứ để viết Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 515, TK 112...

***Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 112
- Và các tài khoản khác có liên quan ...

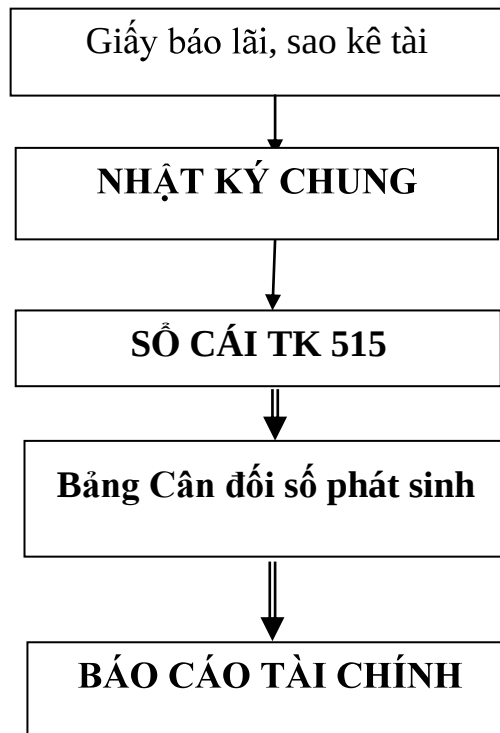
***Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo có
- Sao kê tài khoản chi tiết
- Và các chứng từ khác có liên quan...

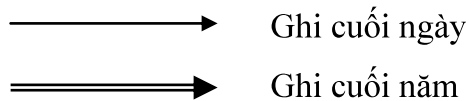
***Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái tài khoản 515, 112
- Bảng tổng hợp TK 112
- Và các sổ kế toán khác có liên quan...

***Quy trình luân chuyển chứng từ**



Ghi chú:



Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ doanh thu hoạt động tài chính

➤ Thực tế kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

Vì TK 515 ở công ty ít phát sinh nghiệp vụ, nên công ty mở sổ cái TK 515 cho cả năm, cứ hết mỗi quý sẽ cộng phát sinh một lần, khi các nghiệp vụ lãi tiền gửi phát sinh, căn cứ vào bảng sao kê tài khoản của ngân hàng, kế toán sẽ ghi sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 515

Ngày 25/12 nhận được thông báo về lãi được hưởng tại ngân hàng VP Bank chi nhánh Ngã Sáu - HP, số tiền :181,880 đồng.

- Căn cứ vào giấy báo có, bảng sao kê tài khoản:
 - +Kế toán ghi sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 515, 112
 - +Kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 181,880

Có TK 515: 181,880

Biểu số 2.12: Giấy báo Có



Mã GDV

Mã KH: 395544

SỐ GD: 71

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25/12/2011

Kính gửi: Công ty TNHH GN&TM Viko

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của quý khách hàng với nội dung:

Số Tài khoản ghi Có: 13922616

Số tiền bằng số: 181,880

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm tám mươi một nghìn tám trăm tám mươi đồng./

Nội dung: #Lãi nhập gốc tháng 12#

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

Biểu 2.13 Sao kê tài khoản

 VPBank Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng		Chi nhánh/Branch: VP Ngô Quyền MST/Tax: 0100233583-040	
SAO KÊ TÀI KHOẢN ACCOUNT STATEMENT Kỳ sao kê/ from 01/10/2011 tới/ to 31/12/2011			
Số tài khoản/acc number: 13922616			
Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO			
Loại TK: Tiền gửi thanh toán			
Địa chỉ: Số 2/345 Trần Nguyên Hãn – Nghĩa Xá – Lê Chân – Hải Phòng			
Loại tiền: VNĐ			
Mã số KH: 395544			
Số dư đầu kỳ <i>(Begin balance)</i>	Tổng phát sinh có <i>(Total credit)</i>	Tổng phát sinh nợ <i>(Total debit)</i>	Số dư cuối kỳ <i>(End balance)</i>
146,352,587	9,442,929,426	9,372,279,120	217,002,894
Chi tiết giao dịch/Transaction			
ST T	Nội dung	Số chứng từ	Phát sinh nợ Phát sinh có Số dư
Ngày giao dịch			
			
Ngày giao dịch 15/12/2011			
			
3	Công ty Nam Việt Hàn Sung tt cước vc		250,000,000 284.150.071
.....			
Ngày giao dịch 25/12/2011			
			
1	Lãi tiền gửi nhập gốc		181,880 151.242.790
Ngày giao dịch			
			

Biểu số 2.14 Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hân – Lê Chân – HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
						
7/12	HĐ:026 5	7/12	Doanh thu dịch vụ giao nhận cho công ty Mai Thành	131 MAITHANH	41,036,406	
				5113 GIAONHAN		37,305,824
				33311		3,730,582
7/12	HĐ:039 2141	7/12	Thanh toán phí lưu cont cho MEARSK	331 MAERSK	167,037,450	
				112		167,037,450
						
9/12	GBC 20	9/12	Vikotrans thanh toán phí lưu cont	112	506,748,000	
				131 FOSTER		506,748,000
						
13/12	GBC 31	13/12	Công ty Nam Việt Hansung thanh toán phí giao nhận hàng	112	20,933,550	
				131 HANSUNG		20,933,550
						
16/12	UNC21	16/12	Trả tiền mua dầu theo HĐ số:015354	331 THCANGHP	40,115,000	
				112		40,115,000
						
25/12	GBC 71	25/12	Lãi tiền gửi nhập gốc	112	181,880	
				515		181,880
						
27/12	HĐ:036 2	27/12	Thu phí chứng từ (Handling)	111	693,000	
				5113 ĐLHH	511 ĐLHH	630,000
				33311	33311	63,000
27/12	GNT03 23	27/12	Nộp tiền vào TK	112	300,000,000	
				111		300,000,000
27/12	UNC63 60		Thanh toán tiền cho công ty Phương Mai	331 PHUONGMAI	300,000,000	
				112		300,000,000
						
			Công cả năm		160,541,381,125	160,541,381,125

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.15 Doanh thu dịch vụ tài chính

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân –
HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: Doanh thu dịch vụ tài chính

Số hiệu: 515

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<i>Số dư đầu năm</i>			
25/10	GBC 11	25/10	Lãi tiền gửi nhập vốn	112		44,845
25/11	GBC 53	25/11	Lãi tiền gửi nhập vốn	112		321,591
25/12	GBC 71	25/12	Lãi tiền gửi nhập vốn	112		181,880
31/12	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu TC	911	2,193,264	
			Cộng cả năm		2,193,264	2,193,264

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng
dấu)

2.2.3.3 *Kế toán thanh toán với khách hàng*

Để thúc đẩy cung cấp các sản phẩm dịch vụ, công ty chấp nhận hình thức trả chậm đối với những khách hàng thuê vận tải với số lượng lớn, vì vậy doanh thu dịch vụ trả chậm thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu cung cấp dịch vụ của công ty.

Các nghiệp vụ phát sinh công nợ và thanh toán với các khách hàng diễn ra liên tục, đòi hỏi kế toán thanh toán cần ghi chép kịp thời, chính xác, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, nắm được tình hình công nợ của khách hàng để có biện pháp đôn đốc trả tiền kịp thời, tránh tình trạng chiếm dụng vốn và thúc đẩy thu hồi, quay vốn nhanh. Chính vì vậy công ty đã rất chú trọng đến việc hạch toán công nợ, đảm bảo cung cấp thông tin chi tiết, tổng hợp về tình hình công nợ của từng khách hàng là đầy đủ và chính xác.

Kế toán theo dõi tình hình công nợ của khách hàng trên các sổ cái chi tiết công nợ được mở riêng cho từng khách hàng thông qua mã khách hàng, tổng hợp tình hình công nợ và thanh toán của từng khách hàng trong kỳ. Khi kế toán nhận được các chứng từ như hoá đơn giá trị gia tăng, phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, báo có của ngân hàng sẽ tiến hành định khoản, vào sổ sách có liên quan.

***Thực tế kế toán thanh toán với khách hàng tại công ty**

- Ngày 17/12, công ty cổ phần hàng hải MACS thanh toán tiền cước vận chuyển theo hóa đơn: 1230 ngày 26/11, tổng số tiền thanh toán: 187,000,000 đồng bằng chuyển khoản
- Ngày 20/12, công ty Mai Thành thanh toán cước vận chuyển theo HĐ: 0266 ngày 7/12, số tiền 139,260,000 bằng chuyển khoản

Biểu số 2.16 Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyễn Hân – Lê Chân – HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
						
2/12	HD:0237	2/12	Doanh thu DV vận chuyển cho Mai Thành	131 MAITHANH	50,820,000	
				5113 CUOCVC		46,200,000
				3331		4,620,000
2/12	HD:0238	2/12	Doanh thu vận chuyển cho Away	111	29,700,000	
				5113 CUOCVC		27,000,000
				3331		2,700,000
						
9/12	GBC321	9/12	Vikotrans thanh toán phí lưu cont	112	506,748,000	
				131 FOSTER		506,748,000
						
17/12	GBC67	17/12	Công ty cổ phần hàng hải MACS thanh toán cước vc	112	187,000,000	
				131 MACS		187,000,000
						
20/12	GBC401	20/12	Công ty Mai Thành thanh toán cước vận chuyển	112	139,260,000	
				131 MAITHANH		139,260,000
						
25/12	HD: 0043518	25/12	Thanh toán tiền phí lưu cont	632 PHICANG	798,418	
				133	42,022	
				111		840,440
						
27/12	HD:0362	27/12	Thu phí chứng từ (Handling)	111	693,000	
				511 ĐLHH		630,000
				33311		63,000
						
			Công cả năm		160,541,381,125	160,541,381,125

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17 Sổ cái phải thu công ty hàng hải MACS

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hân – Lê Chân – HP
Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: Phải thu công ty CP Hàng Hải MACS

Số hiệu: 131 MACS

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			Số dư đầu năm		469,150,630	
5/12	HĐ:0 252	5/12	Doanh thu cước vận chuyển cho công ty hàng hải MACS	5113 CUOCVC	24,000,000	
				33311	2,400,000	
						
9/12	HĐ: 0274	9/12	Doanh thu cước vc cho công ty hàng hải MACS	5113 CUOCVC	274,967,500	
				33311	27,496,750	
						
15/12	HĐ:0 301	15/12	Doanh thu giao nhận cho công ty HH MACS	5113 GIAONHAN	44,502,116	
				33311	4,450,212	
15/12	HĐ:0 302	15/12	Doanh thu cước vc cho công ty HH MACS	5113 CUOCVC	141,025,722	
				3331	14,012,572	
						
17/12	GBC 67	17/12	Công ty cổ phần hàng hải MACS tt cước vc	112		187,000,000
						
25/12	HĐ: 0351	25/12	Doanh thu ĐLHH cho công ty HH MACS	5113 ĐLHH	11,550,000	
				3331	1,155,000	
25/12	HĐ: 0352	25/12	Doanh thu giao nhận cho công ty HH MACS	5113 GIAONHAN	55,479,551	
				3331	5,547,955	
25/12	HĐ: 0353		Doanh thu cước vc cho công ty HH MACS	5113	83,364,200	
					8,336,420	
						
27/12	GBC :518 7	27/12	Công ty cổ phần hàng hải MACS tt cước vc	112		200,000,000
						
			Cộng cả năm		4,353,482,677	2,956,157,712
			Dư cuối năm		1,866,475,595	

Ngày 31 tháng 12.năm2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18 Sổ cái phải thu công ty cổ phần Mai Thành

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hân – Lê Chân –
HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của
Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: Phải thu công ty CP Mai Thành

Số hiệu: 131 MAITHANH

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			Số dư đầu năm		1,010,032,315	
						
1/12	HĐ:0 231	1/12	Doanh thu ĐLHH cho công ty Mai Thành	5113ĐLHH	124,410,000	
				33311	12,441,000	
1/12	HĐ:0 232	1/12	Doanh thu dịch vụ giao nhận cho Mai Thành	5113GIAONHAN	35,591,020	
				33311	3,559,102	
1/12	HĐ:0 233	1/12	Doanh thu cước vận chuyển cho Mai Thành	5113 CUOCVC	70,507,533	
				33311	7,050,753	
						
10/12	HĐ:0 274	10/12	Doanh thu dịch vụ giao nhận cho công ty Mai Thành	5113GIAONHAN	37,305,824	
				33311	3,730,582	
						
14/12	HĐ:0 297	14/12	Doanh thu dịch vụ giao nhận cho Mai Thành	5113 GIAONHAN	37,601,587	
				33311	3,760,159	
14/12	HĐ:0 298	14/12	Doanh thu DV vận chuyển cho Mai Thành	5113 CUOCVC	81,087,806	
				33311	8,108,781	
15/12	GBC 401	20/12	Công ty Mai Thành tt cước vc	112		139,260,000
						
19/12	HĐ:0 321	19/12	Doanh thu dịch vụ giao nhận cho Mai Thành	5113 GIAONHAN	40,250,000	
				33311	402,500	
19/12	HĐ:0 322:	19/12	Doanh thu dịch vụ vận chuyển cho Mai Thành	5113 CUOCVC	60,201,577	
				33311	6,020,158	
						
30/12	GBC :7749	30/12	Mai thành thanh toán tiền hàng	112		300,000,000
						
			Công cả năm		5,317,867,194	5,338,012,960
			Dư cuối năm		989,886,549	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19 Bảng tổng hợp phải thu khách hàng

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO

Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

BẢNG TỔNG HỢP SỔ CÁI THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Năm 2011

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty CP Mai Thành	1,010,032,315		5,317,867,194	5,338,012,960	989,886,549	
2	Công ty CP Hàng Hải MACS	469,150,630		4,353,482,677	2,956,157,712	1,866,475,595	
3	Công ty Thiên Đại	2,475,000		1,755,355,907	1,655,138,444	102,692,463	
4	Công ty Samwoo			1,170,911,484	1,149,622,185	21,289,300	
5	Công ty HANSUNG	308,470,000		3,118,524,589	2,767,781,777	659,212,812	
							
	Cộng	2,969,536,294		10,298,532,393	9,483,660,824	3,784,407,863	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

2.2.4 Kế toán tập hợp chi phí

Trong năm 2011, công ty chỉ phát sinh giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN, không phát sinh chi phí khác.

2.2.4.1 Kế toán giá vốn dịch vụ:

Kế toán giá vốn dịch vụ tại công ty bao gồm

- Giá vốn dịch vụ vận tải;
- Giá vốn dịch vụ giao nhận;
- Giá vốn dịch vụ đại lý hàng hải.

➤ Tài khoản sử dụng:

- 632 DAU – chi phí dầu diesel
- 632 CUOCVCTN – cước vận chuyển thuê ngoài
- 632 SUACHUA – chi phí sửa chữa xe
- 632 LOP – chi phí thay lốp xe
- 632 BAOHIEM – bảo hiểm xe
- 632 VE – vé cầu đường
- 632 PPHT – (các phụ phí hãng tàu liên quan đến dịch vụ giao nhận, hàng hải phải trả cho hãng tàu)
- 632 PHICANG – (các chi phí liên quan đến dịch vụ giao nhận phải trả cho cảng)

➤ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT đầu vào
- Phiếu lĩnh xăng dầu,
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi,
- Và các chứng từ khác có liên quan.....

➤ Sổ sách kế toán sử dụng

Hàng ngày, hàng tháng diễn ra rất nhiều các nghiệp vụ kinh tế, vì vậy thay vì ghi Sổ Cái cho tài khoản 632 và ghi Sổ chi tiết các tài khoản 632....., công ty ghi Sổ Cái cho các TK 632 DAU, TK 632 CUOCVCTN, TK 632 SUACHUA, TK 632 LOP, TK 632 BAOHIEM, TK 632 PPHT, TK 632 PHICANG... và đến cuối mỗi quý, công ty ghi sổ Tổng hợp tài khoản 632.

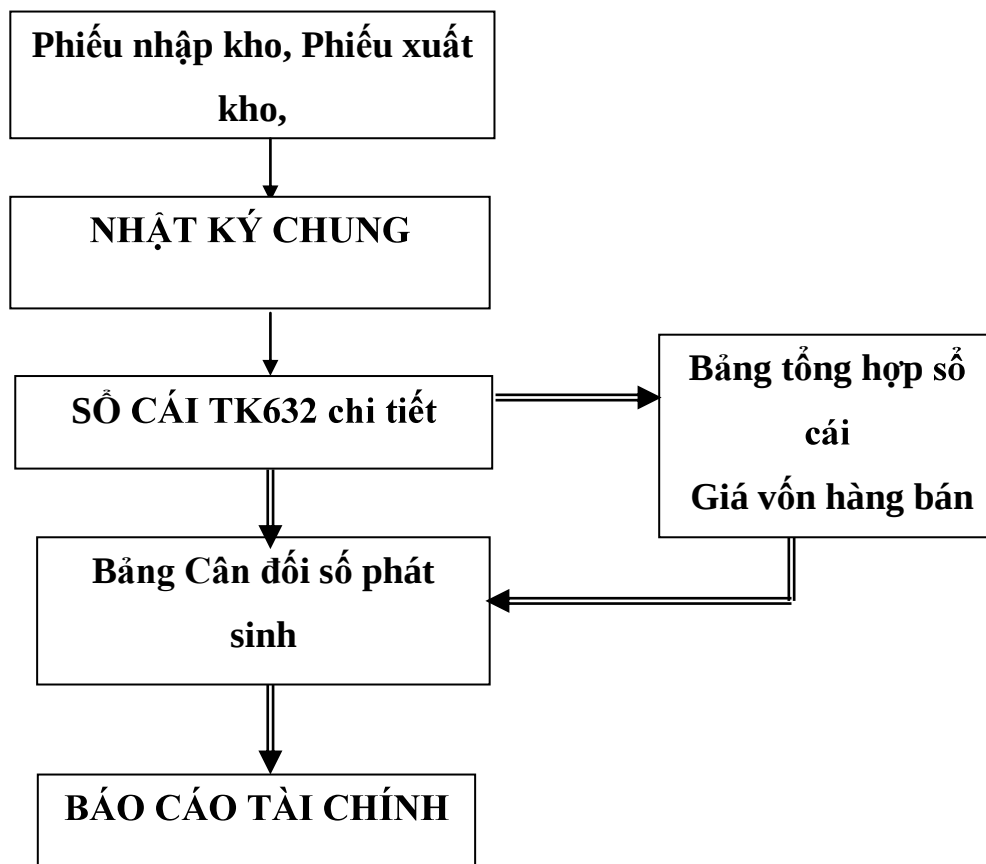
Sổ Nhật ký chung

Sổ cái các TK 632

Bảng tổng hợp TK 632.....

Quy trình luân chuyển chứng từ

Sơ đồ 2.6: Quy trình luân chuyển chứng từ giá vốn cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

—————→ Ghi hàng ngày

=====→ Ghi cuối năm

2.2.4.1.1 *Giá vốn dịch vụ vận tải*

Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ vận tải như chi phí xăng dầu, chi phí sửa chữa xe, phí cầu đường, thay lốp, bảo hiểm xe, cước vận chuyển thuê ngoài..... đều được công ty hạch toán vào giá vốn. Trong đó, tỷ trọng chi phí xăng dầu là chiếm lớn nhất trong giá vốn dịch vụ vận tải.

Đối với các chi phí sửa chữa, vé cầu đường, cước vận chuyển thuê ngoài phát sinh sẽ được kế toán ghi nhận ngay vào giá vốn dịch vụ vận tải.

Đối với xăng dầu: công ty sử dụng phương pháp nhập trước – xuất trước để tính giá xuất. Tuy nhiên, thực tế công ty không mua dự trữ sẵn dầu diesel về và sau đó xuất dầu cho xe chạy, mà cứ khoảng 2 đến 3 chuyến hàng xe phải ra đại lý xăng dầu đổ dầu 1 lần. Khi xe đổ dầu, đại lý xăng dầu sẽ viết phiếu lĩnh xăng dầu gửi lại cho công ty. Công ty sẽ tập hợp các phiếu lĩnh xăng dầu do đại lý gửi lại, thường thì giữa tháng và cuối tháng sẽ lấy hóa đơn 1 lần, sau đó mới ghi nhận giá vốn của dầu diesel.

Khi có hóa đơn của dầu diesel, kế toán ghi nhận vào TK 154, sau đó sẽ xuất hết sang TK 632. Đối với những hóa đơn lấy vào cuối tháng, kế toán xuất dầu sang 154 sau khi đã trừ đi lượng dầu lái xe báo về còn tồn lại trong xe.

- Ngày 15/12, căn cứ vào các phiếu lĩnh xăng dầu tập hợp, công ty lấy hóa đơn cho 17,150 lít dầu diesel xe công ty đã đổ tại đại lý xăng dầu công ty CP TMDV TH Cảng HP. Đơn giá 1 lít dầu : 18,090 lít. Công ty, kết chuyển hết 18,090 lít dầu về giá vốn xăng dầu.

Kế toán hạch toán như sau:

- Tập hợp phiếu lĩnh xăng dầu vào bảng kê phiếu lĩnh xăng dầu
- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số: 0017018, viết phiếu kế toán (TNB/010/12)
- Từ hóa đơn, ghi sổ Nhật ký chung
- Từ sổ Nhật ký chung ghi sổ cái TK 154 DAU, TK 331 THCANGHP, TK 133, TK 632
- Cuối quý, từ số liệu TK 632 DAU để ghi Bảng tổng hợp sổ cái TK 632
- Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 154 DAU: 310,243,500

Nợ TK 133: 31,024,350

Nợ TK 642 LPXD: 8,575,000

Có TK 331 THCANGHP: 349,842,850

2.2.4.1.2 *Giá vốn phụ phí hãng tàu*

Đối với giá vốn của dịch vụ giao nhận và đại lý hàng hải, công ty sử dụng chung tài khoản **632 PPHT** mà không tách riêng giá vốn của từng dịch vụ vì lý do các khoản chi phí phát sinh khi công ty làm 2 dịch vụ này là tương đối giống nhau.

Khi công ty đứng ở vị trí là đại lý hàng hải, công ty sẽ thanh toán các phụ phí tàu biển cho hãng tàu để lấy lệnh giao hàng từ hãng tàu sau đó kẹp cùng lệnh của mình để cấp cho người gửi hàng hoặc người ủy quyền của người chủ hàng.

Khi công ty đứng ở vị trí là người giao nhận hàng hóa thay mặt cho chủ hàng đi lấy lệnh giao hàng ở các đại lý hàng hải khác, công ty sẽ thanh toán các phụ phí này cho đại lý hàng hải

- Ngày 11/12, trả tiền phí destination cho MAERSK LINE, tổng số tiền thanh toán 2,219,268 để cấp lệnh cho công ty TNHH Daewoo STC&Appearl.

Kế toán hạch toán như sau:

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số:0024371 viết phiếu chi CTM/014/12
- Từ hóa đơn GTGT, ghi sổ Nhật ký chung
- Từ sổ Nhật ký chung ghi sổ cái TK 632 PPHT, TK 133, TK 111
- Cuối quý, từ số liệu TK 632 PPHT để ghi Bảng tổng hợp sổ cái TK 632
- Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 632 PPHT: 2,108,305

Nợ TK 133 : 110,936

Có TK 111: 2,219,268

2.2.4.1.3 *Giá vốn chi phí thanh toán với cảng*

Các chi phí thanh toán với cảng thường chỉ phát sinh khi làm dịch vụ giao nhận. Sau khi nhân viên giao nhận đến đại lý lấy lệnh và thanh toán các phí với đại lý, nhân viên đó sẽ xuống cảng để làm thủ tục giải phóng hàng ra khỏi cảng, và thanh toán các chi phí phát sinh như phí nâng cont, hạ vỏ,.....

- Ngày 18/12, thanh toán tiền hạ vỏ cont cho công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, số tiền: 1,595,000 đồng, thuế GTGT 10%, công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán hạch toán như sau:

- Căn cứ vào hóa đơn số 0121661, kế toán viết phiếu chi CTM 019/12.
- Căn cứ vào hóa đơn, kế toán ghi sổ Nhật ký chung
- Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK 632 PHICANG, TK 133, TK 111

- Cuối quý, từ số liệu sổ cái TK 632 PHICANG, kế toán ghi Bảng tổng hợp sổ cái TK 632.
- Kế toán định khoản
 - Nợ TK 632 PHICANG: 1,595,000
 - Nợ TK 133: 159,500
 - Có TK 111: 1,754,500

Biểu 2.20 Phiếu lĩnh xăng dầu

CÔNG TY CP TM DV TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG PHIẾU MUA XĂNG DẦU Tại cửa hàng xăng số 3 Lê Thánh Tông			Số: 143
Họ tên lái xe:	Hoàng Mạnh Hải		
Biển kiểm soát:	16K1308		
Dầu diesel:	350 lít 7,139,650 đồng		
Viết bằng chữ	<i>Bảy triệu một trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm lăm mười đồng</i>		
Xăng:			
Viết bằng chữ			
Dầu mỡ khác			
Viết bằng chữ			
Giờ 8 Ngày 2 Tháng 12 Năm 2012			
Người duyệt mua	Lái xe	Ca bán hàng	

Biểu 2.21 Bảng tổng hợp phiếu lĩnh xăng dầu

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO

Số 2/345 – Trần Nguyên Hân – Lê Chân – HP

BẢNG TỔNG HỢP PHIẾU LĨNH XĂNG DẦU

Từ ngày 1/12 đến ngày 15/12

STT	Ngày, tháng	Số phiếu	Số lít	Số tiền
1	2/12	143	350	7,139,650
2	3/12	146	400	8,159,600
				
16	9/12	024	500	10,199,500
				
	Tổng		17,150	349,842,850

Biểu 2.22 Hóa đơn mua dầu

	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 15 tháng 12 năm 2011	Mẫu số: 01GTTKT3/002 Ký hiệu: AA/11P Số: 0017018			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG Địa chỉ: Số 3, Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng Mã số thuế: 0200408318 Số tài khoản: Điện thoại:					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO Địa chỉ: Số 2/345 Trần Nguyên Hãn – Phường Nghĩa Xá – Quận Lê Chân – Hải Phòng Số tài khoản: 13922616 tại Ngân hàng VP Bank Ngã Sáu – Chi nhánh Hải Phòng Hình thức thanh toán: <i>Chuyển khoản</i> Mã số thuế : 0200599197					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Dầu Diesel	Lít	17,150	18,090	310,243,500
2	Lệ phí xăng dầu				8,575,000
Cộng tiền hàng					310,243,500
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		31,024,350
Tổng cộng tiền thanh toán:					349,842,850
Số tiền viết bằng chữ: <i>(Ba trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm lăm mươi đồng.)</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)</i>					

Biểu số 2.23 Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
						
2/12	HĐ:02 37	2/12	Doanh thu DV vận chuyển cho Mai Thành	131 MAITHANH	50,820,000	
				5113 CUOCVC		46,200,000
				3331		4,620,000
2/12	HĐ:02 38	2/12	Doanh thu vận chuyển cho Away	111	29,700,000	
				5113 CUOCVC		27,000,000
				3331		2,700,000
						
9/12	HĐ:00 43503	9/12	TT phí vệ sinh công nghiệp cont cho Saigon shipping	632 PPHT	190,909	
				133	19,091	
				111		210,000
						
11/12	HĐ: 002437 1	11/12	Thanh toán phí Destination cho công ty MEARSK LINE	632 PPHT	2,108,305	
				133	110,936	
				111		2,291,241
						
15/12	HĐ: 001701 8	15/12	Tiền dầu của các phiếu lĩnh từ 1-14/12	154 DAU	310,243,500	
				133	31,024,350	
				642 LPXD	8,575,000	
				331 THCANGHP		349,842,850
15/12	KC	15/12	Kết chuyển dầu về giá vốn	632 DAU	310,243,500	
				154 DAU		310,243,500
						
18/12	HĐ: 012166 1	18/12	TT phí hạ vỏ cont cho Cảng Hải Phòng	632 PHICANG	1,595,000	
				133	159,500	
				111		1,754,500
						
			Công cả năm		160,541,381,125	160,541,381,125

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24: Sổ cái TK 632DAU

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân –
HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: 632 DAU
Số hiệu: Giá vốn dầu Diesel

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
						
1/12	KC	1/12	Kết chuyển dầu dư đầu tháng về giá vốn	154 DAU	10,721,403	
7/12	KC	7/12	Kết chuyển dầu về giá vốn	154 DAU	2,713,500	
16/12	KC	16/12	Kết chuyển dầu về giá vốn	154 DAU	310,243,500	
17/12	KC	17/12	Kết chuyển dầu về giá vốn	154 DAU	3,618,000	
23/12	KC	23/12	Kết chuyển dầu về giá vốn	154 DAU	5,427,000	
30/12	KC	30/12	Kết chuyển dầu về giá vốn	154 DAU	552,323,785	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển giá vốn dầu	911		7,662,410,988
			Cộng phát sinh năm		7,662,410,988	7,662,410,988

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25 Sổ cái TK 632 PPHT

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hân – Lê Chân –
HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: 632 PPHT

Số hiệu: Phụ phí hãng tàu

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			Số dư đầu năm			
						
1/12	HĐ:77 10494	1/12	Chi phí cước cont của công ty Mai Thành	331 MAERSK	95,000,000	
1/12	HĐ:77 10497	1/12	Phí THC,CFS... thanh toán cho MAERSK	111	4,750,000	
1/12	HĐ:31 29721	1/12	Thanh toán tiền phí vệ sinh cont cho SITC	111	190,909	
						
4/12	HĐ:91 23676	4/12	Thanh toán tiền phí vệ sinh cont cho Saigon Shipping	111	210,000	
4/12	HĐ:91 23680	4/12	Thanh toán tiền lưu vỏ cont cho SG Shipping	111	3,306,650	
4/12	HĐ:00 55983	4/12	Phí sửa chữa container	111	56,940	
						
11/12	HĐ: 002437 1	11/12	Thanh toán phí Destination cho công ty MEARSK LINE	111	2,108,305	
11/12	HĐ:00 03243	11/12	Thanh toán tiền lưu cont	111	8,404,400	
11/12	HĐ:11 20561	11/12	Phí THC, CFS thanh toán cho SITC	111	5,220,000	
						
23/12	HĐ:00 24401	23/12	Phí vệ sinh công nghiệp cont	111	954,545	
23/12	HĐ:00 24405	23/12	Phí cước cont cho Mai Thành	331 MAERSK	40,000,000	
						
31/12	KC	31/12	KC giá vốn PPHT	911		1,086,088,050
			Cộng cả năm		1,086,088,050	1,086,088,050

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.26: Sổ cái TK 632 PHICANG

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hân – Lê Chân –
HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: 632 PHICANG

Số hiệu: Giá vốn chi phí cảng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			Số dư đầu năm			
						
3/12	HĐ:012 1620	3/12	Phí xếp dỡ hàng tại cảng	111	1,512,000	
3/12	HĐ:012 1622	3/12	Phí gom hàng lẻ	111	3,375,000	
						
5/12	HĐ:012 1630	5/12	Phí nâng cont	111	2,070,000	
5/12	HĐ:012 1635	5/12	Phí rút ruột hàng	111	2,496,000	
5/12	HĐ:012 1638	5/12	Phí hạ cont	111	1,320,000	
						
16/12	HĐ:012 1648	16/12	Thanh toán phí nâng cont	111	2,475,000	
						
18/12	HĐ:01 21661	18/12	TT phí hạ vỏ cont cho Cảng Hải Phòng	111	1,595,000	
						
20/12	HĐ:032 4545	20/12	Phí lưu kho	111	13,561,270	
20/12	HĐ:03 24547	20/12	Phí rút ruột hàng	111	2,912,434	
						
31/12	KC	31/12	Kết chuyển giá vốn chi phí cảng	911		709,538,339
			Cộng cả năm		709,538,339	709,538,339

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.27: Bảng tổng hợp giá vốn CCDV năm 2011

Công ty TNHH GN&TM Viko
Số 2/345 – Trần Nguyên Hân – Lê Chân – HP

BẢNG TỔNG HỢP SỔ CÁI GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

Lũy kế năm 2011

	Tên	Số tiền
632 DAU	Giá vốn dầu diesel	7,662,410,988
632 CUOCVCTN	Cước vận chuyển thuê ngoài	6,795,889,606
632 PPHT	Giá vốn phụ phí hãng tàu	1,086,088,050
632 PHICANG	Giá vốn chi phí cảng	709,538,339
		
632	Giá vốn cung cấp dịch vụ	19,476,210,843

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

2.2.4.2 Kế toán chi phí tài chính.

Công ty TNHH GN&TM Viko trong năm 2011 không sử dụng nguồn vốn vay để phục vụ hoạt động kinh doanh. Vì vậy, chi phí tài chính phát sinh tại công ty là không đáng kể, chủ yếu là các chi phí phát sinh trong quá trình chuyển tiền, kiểm đếm, chi phí dịch vụ trong ngân hàng.

➤ Tài khoản sử dụng:

- TK 112
- TK 635

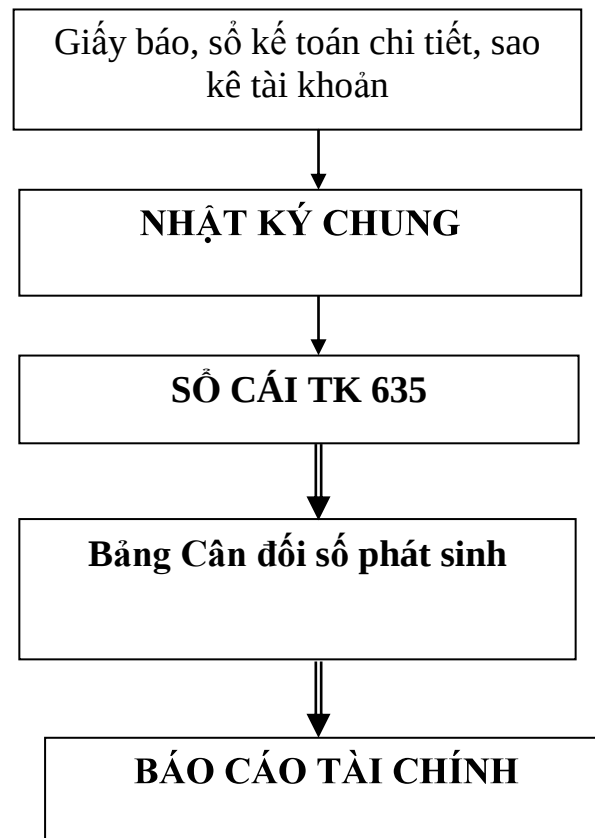
➤ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng sao kê tài khoản
- Giấy báo nợ
- Và các chứng từ khác có liên quan

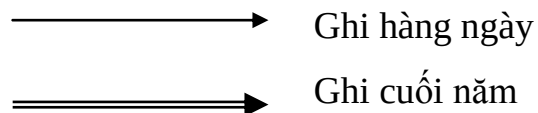
➤ Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái Tk 112, 635

➤ Quy trình luân chuyển chứng từ:



Ghi chú:



Sơ đồ 2.7: Quy trình luân chuyển chứng từ chi phí tài chính

Ngày 2/12, phí kiểm đếm, chuyển tiền món 506,748,000 (trả tiền phí lưu cont cho công ty SITC) số tiền: 222,969 đồng

- Căn cứ vào giấy báo nợ, kế toán ghi sổ Nhật ký chung
- Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK 635.
- Cuối quý, cộng phát sinh TK 635.
- Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 635: 222,969

Có TK 112: 222,969.

Biểu 2.28 Giấy báo Nợ



Mã GDV

Mã KH: 395544

SỐ GD: 11

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 2/12/2011

Kính gửi: Công ty TNHH GN&TM Viko

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của quý khách hàng với nội dung:

Số Tài khoản ghi Nợ: 13922616

Số tiền bằng số: 222,969

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng./

Nội dung: #Phí kiểm đếm, CT món 506748000#

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

Biểu 2.29 Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
						
2/12	UNC 4234	2/12	Trả tiền phí lưu cont cho MAERSK	331 MAERSK	506,478,000	
				112		506,478,000
2/12	GBN 11	2/12	Phí kiểm đếm, chuyển tiền	635	222,969	
				112		222,969
2/12	GBC3 453	2/12	Công ty Nam Viet Han Sung trả tiền thuế NK	112	188,600,381	
				338 HANSUNG		188,600,381
						
7/12	HĐ:0 2266	7/12	Doanh thu dịch vụ giao nhận cho công ty Mai Thành	131 MAITHANH	41,036,406	
				5113 GIAONHAN		37,305,824
				33311		3,730,582
7/12	HĐ:0 39214 1	7/12	Thanh toán phí lưu cont cho MEARSK	331 MAERSK	167,037,450	
				112		167,037,450
7/12	GBC8 543	7/12	Công ty Msi Thành trả tiền phí lưu cont	112	180,000,000	
				331 MAITHANH		180,000,000
						
18/12	GBN 342	18/12	Mua 1 cuốn séc	635	11,000	
				112		11,000
18/12	HĐ: 01216 61	18/12	Thanh toán tiền phí lưu cont cho SITC	632 PPHT	31,737,116	
				133	1,670,375	
				112		33,407,490
						
20/12	GNT	20/12	Nguyễn Thị Lan Anh nộp tiền vào TK	112	300,000,000	
				111		300,000,000
						
			Công cả năm		160,541,381,125	160,541,381,125

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.30 Sổ cái TK 635

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hân – Lê Chân –
HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011
Tên tài khoản: 635
Số hiệu: Chi phí tài chính

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			Số dư đầu năm			
						
2/12	GBN 11	2/12	Phí kiểm đếm, chuyển tiền	112	222,969	
4/12	GBN 654	4/12	Phí chuyển tiền món 40.115 tr	112	12,524	
7/12	GBN 543	7/12	Phí chuyển tiền món 89tr		11,000	
						
18/12	GBN 432	18/12	Mua 1 cuốn séc	112	11,000	
18/12	GBN 434	18/12	Phí rút tiền món 160tr	112	21,291	
						
21/12	GN4 768	21/12	Phí chuyển tiền món 33,407,490	112	38,500	
21/12	GN4 35	21/12	Phí kiểm đếm món 334 tr	112	110,243	
23/12	GN5 76	23/12	Phí chuyển tiền món 57,04545 tr	112	33,000	
25/12	SPN G	25/12	Thu phí SMS hàng tháng	112	19,800	
						
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		9,481,848
			Cộng cả năm		9,481,848	9,481,848

Ngày 31 tháng 12.năm2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4.3 Chi phí quản lý kinh doanh

Công ty TNHH GN&TM Viko không tách riêng chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp ra thành chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp mà hạch toán các khoản chi phí chi tiết theo thực tế phát sinh của từng chi phí bao gồm: chi phí điện thoại, chi phí điện, chi phí thuê văn phòng, chi phí khấu hao xe, chi phí lương nhân viên, chi phí thuê văn phòng, lệ phí xăng dầu.....

➤ **Tài khoản sử dụng**

- TK 642 DIEN, TK 642 KHAUHAO, TK 642 LUONGNV, TK 642 LPXD.....
- Và các tài khoản khác có liên quan như: 111, 112, 331,..

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

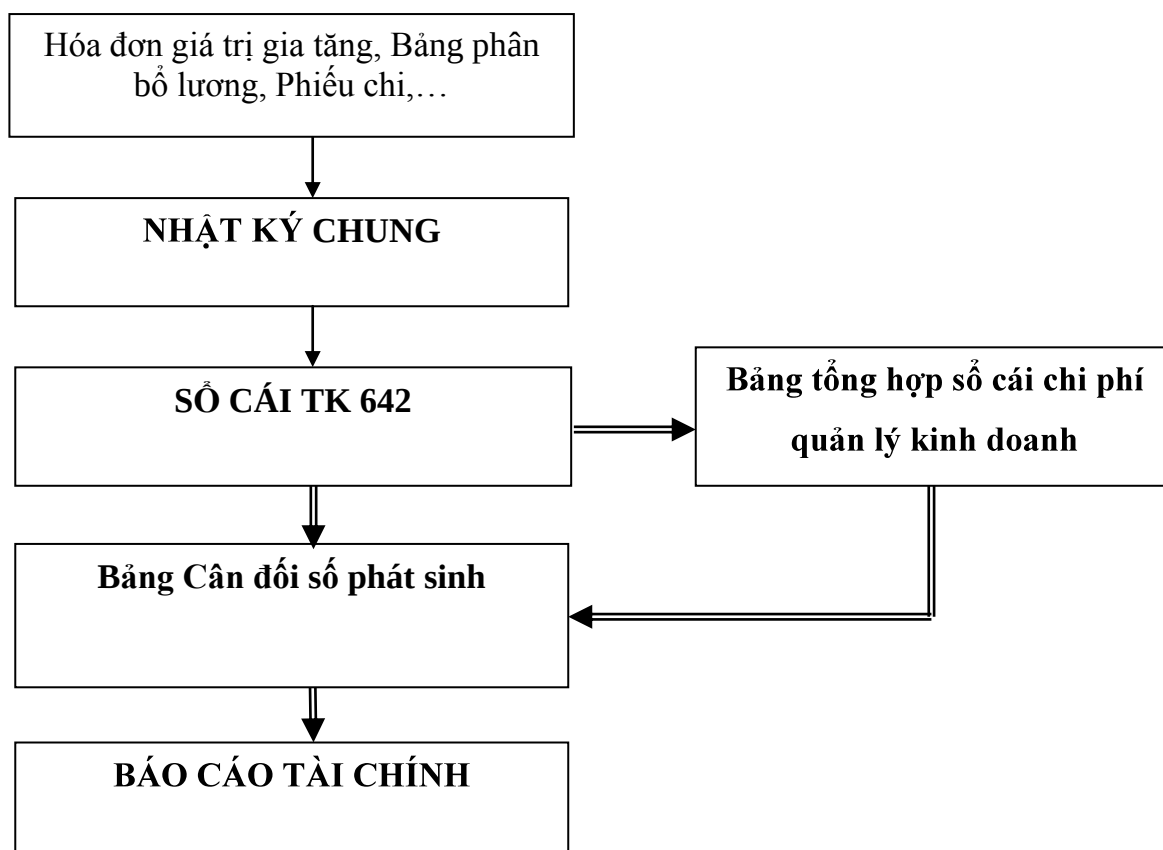
- Hóa đơn GTGT,
- Phiếu chi
- Bảng chấm công
- Bảng trích và phân bổ khấu hao...
- Và các chứng từ khác có liên quan.....

➤ **Sổ sách kế toán sử dụng:**

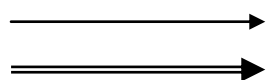
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các TK chi tiết 642
- Bảng tổng hợp sổ cái TK 642

➤ **Quy trình luân chuyển chứng từ:**

Sơ đồ 2.8 Quy trình luân chuyển chứng từ chi phí quản lý kinh doanh



Ghi chú:



Ghi hàng ngày
Ghi cuối năm

Ngày 8/12, thanh toán tiền cước điện thoại tháng 12 năm 2011, số tiền 1,320,187 đồng, VAT 10% đã trả bằng tiền mặt

- Căn cứ nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- Kế toán tập hợp chứng từ bao gồm: hóa đơn GTGT, phiếu chi
- Kế toán định khoản: Nợ TK 642 DIENTHOAI: 1,320,187

Nợ TK 133: 132,019

Có TK 111: 1,452,206

- Kế toán ghi sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 642 DIENTHOAI, TK 133, TK 111, cuối quý tổng hợp số liệu vào bảng tổng hợp sổ cái TK 642

Biểu số 2.31 HĐ Dịch vụ viễn thông

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG			Mẫu số: 01GTKT2/001		
(GTGT)			Ký hiệu: AA/11P		
<i>Liên 2: Khách hàng</i>			N⁰ : 2658518		
MST: 0200287977022					
Viễn thông (telecommunication) : Hải Phòng – TT Dịch vụ Khách Hàng					
Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO					
Địa chỉ: Số 2/345 Trần Nguyên Hãn – Phường Nghĩa Xá – Quận Lê Chân – TP Hải Phòng					
Số ĐT: 3552809			Mã Số HPG-04-217276(T1MT3)		
Mã số thuế KH: 0200599197					
	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
	Cước dịch vụ Viễn Thông				1,320,187
Cộng tiền dịch vụ					1,320,187
Tiền thuế GTGT (10%)					132,019
Tổng cộng tiền thanh toán					1,452,206
<i>Ngày 08 tháng 12 năm 2011</i>					
Người nộp tiền			Nhân viên giao dịch ký		
<i>(Ký tên)</i>			<i>(Ký tên và đóng dấu)</i>		

Biểu số 2.32 Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
						
7/12	HD:03 92141	7/12	Thanh toán phí lưu cont cho MEARSK	331 MAERSK 112	167,037,450	167,037,450
7/12	GBC8 543	7/12	Công ty Mai Thành trả tiền phí lưu cont	112 331 MAITHANH	180,000,000	180,000,000
8/12	PCTM 10/12	8/12	Mua 5 gam giấy in	642 CHIVP 111	350,000	350,000
8/12	HD: 26585 18	8/12	Cước điện thoại máy 552809 tháng 12	642 DIENTHOAI 133 111	1,320,187 132,019	1,452,206
						
15/12	HD: 00170 18	15/12	Tiền dầu của các phiếu lĩnh từ 1-14/12	154 DAU 133 642 LPXD 331 THCANGHP	310,243,500 31,024,350 8,575,000	349,842,850
						
28/12	PCTM /36/12	20/12	Lương phải trả tháng 12	642 LUONGNV 334	192,365,000	192,365,000
						
31/12	PBKH 12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12	642 KHAUHAO 214	72,661,029	72,661,029
31/12	KC	31/12	Phân bổ tiền thuê nhà tháng 12	642 THUENHA 142 THUENHA	5,200,000	5,200,000
						
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí điện thoại	911 642 DIENTHOAI	15,842,244	15,842,244
						
			Công cả năm		160,541,381,125	160,541,381,125

Ngày 30 tháng 11 năm 2011.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.33 Sổ cái TK 642 DIENTHOAI

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân –
HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: 642 DIENTHOAI

Số hiệu: Chi phí điện thoại

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			Số dư đầu năm			
5/10	HĐ: 1472 352	5/10	Cước điện thoại máy 552809 tháng 10	111	1,031,437	
11/10	HĐ: 8648 462	11/10	Cước điện thoại máy 550229 tháng 10	111	110,235	
9/11	HĐ: 7543 500	9/11	Cước điện thoại máy 550229 tháng 11		134,966	
9/11	HĐ: 6548 541	9/11	Cước điện thoại máy 552809 tháng 11		1,229,465	
8/12	HĐ: 2658 518	8/12	Cước điện thoại máy 552809 tháng 12	111	1,320,187	
9/12	HĐ: 5432 576	9/12	Chi cước điện thoại máy 550229	111	134,271	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí điện thoại	911		15,842,244
			Cộng cả năm		15,842,244	15,842,244

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.34 Bảng tổng hợp số cái chi phí QLDK năm 2011

Công ty TNHH GN&TM Viko
Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

BẢNG TỔNG HỢP SỐ CÁI CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH

Năm 2011

	Tên	Số tiền
642 DIENTHOAI	Chi cước điện thoại	15,842,244
642 KHAUHAO	Khấu hao tài sản cố định	747,994,705
642 LPXD	Lệ phí xăng dầu	154,673,359
		
642	Giá vốn cung cấp dịch vụ	2,699,572,040

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

2.2.5 *Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.*

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thu nhập chịu thuế} & & & & & & \\ \text{thu nhập doanh} & = & \text{Tổng doanh thu} & - & \text{Chi phí hợp lý} & + & \text{Thu nhập} \\ \text{nghiệp} & & \text{thuần} & & \text{hợp lệ} & & \text{khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thuế thu nhập} & & & & & & \\ \text{doanh nghiệp phải} & = & \text{Thu nhập chịu thuế thu} & \times & \text{Thuế suất thuế thu} \\ \text{nộp} & & \text{nộp doanh nghiệp} & & \text{nộp doanh nghiệp} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận sau thuế} & & & & & & \\ \text{thu nhập doanh} & = & \text{Lợi nhuận trước thuế} & \times & \text{Thuế thu nhập doanh} \\ \text{nghiệp} & & & & \text{nghiệp} \end{array}$$

➤ **Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, xác định số chênh lệch “ Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí” kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty như sau:

+ Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) > 0 (Bên Nợ < Bên Có)

=> Doanh nghiệp có lãi, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Có của TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

+ Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) = 0 (Bên Nợ = Bên Có)

=> Doanh nghiệp hòa vốn.

+ Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) < 0 (Bên Nợ > Bên Có)

=> Doanh nghiệp bị lỗ, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Nợ của TK 421

➤ **Sổ kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 911, TK 821, TK 421

➤ **Thực tế kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty:**

- Ngày 31/12/2011, doanh nghiệp tập hợp DT, CP và thực hiện các bút toán kết chuyển sang TK 911 như sau:

Tổng phát sinh bên Có TK 911

Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	23,686,270,103
Doanh thu hoạt động tài chính	2,193,264
Tổng	23,688,463,367

Tổng phát sinh bên Nợ TK 911

Tổng giá vốn dịch vụ	19,476,210,844
Tổng chi phí tài chính	9,481,848
Tổng chi phí quản lý kinh doanh	2,699,572,040
Tổng	22,185,264,731

Thu nhập chịu thuế = 23,688,463,367 – 22,185,264,731 = 1,503,198,636

Thuế TNDN phải nộp = 1,503,198,635 x 25% = 375,799,659

Lợi nhuận sau thuế = 1,503,198,635 - 375,799,659 = 1,127,398,977

Sau khi bù trừ 2 bên nợ có TK 911, kế toán xác định thuế TNDN phải nộp quý 4, kế toán định khoản

Thuế TNDN phải năm :

Nợ TK 821: 375,799,659

Có TK 3334: 375,799,659

Kết chuyển thuế TNDN :

Nợ TK 911: 375,799,659

Có TK 821: 375,799,659

Xác định và kết chuyển lãi:

Nợ TK 911: 1,127,398,977

Có TK 421: 1,127,398,977

Kế toán ghi sổ Nhật ký chung

Kế toán ghi sổ cái TK 421, 911, và các sổ có liên quan.,.....

Biểu số 2.38 Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hân – Lê Chân – HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
						
31/12	KC	31/12	Kết chuyển giá vốn đầu	911	7,662,410,988	
				632 DAU		7,662,410,988
31/12	KC	31/12	Kết chuyển giá vốn PPHT	911	1,086,088,050	
				632 PPHT		1,086,088,050
31/12	KC	31/12	Kết chuyển giá vốn chi phí cảng	911	709,538,339	
				632 PHICANG		709,538,339
31/12	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu vận tải	5113 CUOCVC	20,396,954,663	
				911		20,396,954,663
31/12	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu đại lý hàng hải	5113 ĐLHH	1,050,966,000	
				911		1,050,966,000
31/12	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu giao nhận	5113 GIAONHAN	2,238,349,440	
				911		2,238,349,440
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí tiền lương	911	1,705,980,000	
				642 LUONGNV		1,705,980,000
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí khấu hao	911	747,994,705	
				642 KHAUHAO		747,994,705
31/12	KC	31/12	Kết chuyển lệ phí xăng dầu	911	154,673,359	
				642 LPXD		154,673,359
						
31/12	KC	31/12	Thuế TNDN phải nộp	821	375,799,659	
				3334		375,799,659
31/12	KC	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911	375,799,659	
				812		375,799,659
31/12	KC	31/12	KC lãi	911	1,127,398,977	
				421		1,127,398,977
			Cộng lũy kế cả năm		160,541,381,125	160,541,381,125

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.39: Sổ cái TK 911

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân –
HP

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỞ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: 911

Số hiệu: Xác định kết quả kinh doanh

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			Số dư đầu năm			
						
31/12	KC	31/12	Kết chuyển giá vốn dầu	632 DAU	7,662,410,988	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển giá vốn PPTB	632 PPHT	1,086,088,050	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển giá vốn chi phí cảng	632 PHICANG	709,538,339	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển cước VC TN	632 CUOCVCTN	6,795,889,606	
						
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí khấu hao	642 KHAUHAO	747,994,705	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển tiền điện thoại	642 DIENTHOAI	15,842,244	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển chi phí lương	642 LUONGNV	1,705,980,000	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển lệ phí xăng dầu	642 LPXD	154,673,359	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển tiền điện tháng	642 DIEN	12,681,732	
31/12	KC	31/12	Kết chuyển tiền thuế nhà	642 THUENHA	62,400,000	
						
31/12	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu vận tải	5113 CUOCVC		20,396,954,663
31/12	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu đại lý hàng hải	5113 ĐLHH		1,050,966,000
31/12	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu giao nhận	5113 GIAONHAN		2,238,349,440
						
31/12	KC	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	812	375,799,659	
31/12	KC	31/12	KC lãi	421	1,127,398,977	
						
			Cộng lũy kế cả năm		23,688,463,367	23,688,463,367

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.40 Sổ cái TK 821

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hân – Lê Chân –
HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: 821

Số hiệu: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			Số dư đầu năm			
31/12	KC		Thuế TNDN phải nộp năm 2011	3334	375,799,659	
31/12	KC		Kết chuyển thuế TNDN	911		375,799,659
			Cộng phát sinh năm		375,799,659	375,799,659

Ngày 31 tháng 12.năm2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.41 Sổ cái TK 3334

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hân – Lê Chân –
HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: 3334

Số hiệu: Thuế TNDN

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<i>Số dư đầu năm</i>			103,591,748
						
31/12	KC		Thuế TNDN phải nộp năm 2011	821		375,799,659
			<i>Cộng phát sinh năm</i>		354,510,301	375,799,659
			<i>Dư cuối năm</i>			124,881,106

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.42 Sổ cái TK 421

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hân – Lê Chân
– HP

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: 421

Số hiệu: Lợi nhuận chưa phân phối

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<i>Số dư đầu năm</i>			2,020,073,550
						
31/12	KC		Kết chuyển lãi	911		1,127,398,977
						
			<i>Cộng phát sinh năm</i>		942,719,230	1,127,398,977
			<i>Dư cuối năm</i>			2,204,753,297

Ngày 31 tháng 12.năm2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.43 Bảng BCKQKD**CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO**

Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

Mẫu số B 02-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		23,686,270,103	22,489,478,580
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		23,686,270,103	22,489,478,580
4. Giá vốn hàng bán	11		19,476,210,843	19,690,161,185
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10 - 11)	20		4,210,059,260	2,799,317,400
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2,193,264	1,644,948
7. Chi phí tài chính	22		9,481,848	7,111,386
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		2,699,572,040	1,095,551,478
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		1,503,198,635	1,698,299,479
10. Thu nhập khác	31		-	
11. Chi phí khác	32		-	
12. Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		-	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1,503,198,635	1,698,299,479
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		375,799,659	424,574,870
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1,127,398,976	1,273,724,609

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHẦN 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO

3.1 Ý nghĩa của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các doanh nghiệp quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa, cung cấp dịch vụ, sử dụng các khoản chi phí. Từ đó, doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa, cung cấp dịch vụ, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành hàng hóa, dịch vụ, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ chính xác cao giúp cho nhà quản lý đánh giá đúng và chính xác về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.2 Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán làm việc vào quy định, hiệu quả. Với các doanh nghiệp, việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa vào các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước, nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho không vi phạm chế độ.
- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với

đặc điểm ngành nghề kinh doanh.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.
- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.3 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, công tác quản lý tài chính tại công ty TNHH GN&TM Viko

Công ty TNHH GN&TM Viko là công ty vận tải có kinh nghiệm lâu năm trên thị trường. Trong quá trình phát triển, lãnh đạo công ty TNHH GN&TM Viko đã tự tìm cho mình hướng đi phù hợp với khả năng để đa dạng loại hình dịch vụ, mở rộng quy mô kinh doanh.

Công ty có đội ngũ nhân viên trẻ, năng động, nhiệt huyết trong công việc, trình độ năng lực tốt. Hàng năm, công ty thường xuyên tuyển mới, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp nhân viên, đồng thời cũng có những chế độ khen thưởng phù hợp, chính xác, khuyến khích tinh thần làm việc của nhân viên.

Kinh doanh trong lĩnh vực vận tải, lĩnh vực phụ thuộc rất lớn đến chất lượng tay nghề của đội ngũ lái xe nên hàng năm công ty luôn tổ chức các đợt khám sức khỏe cũng như kiểm tra, đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ lái xe, có chế độ khen thưởng, đảm bảo cho mỗi chuyến xe hàng luôn được an toàn, nhanh chóng.

Công tác kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý cũng như giúp chủ doanh nghiệp kiểm soát tình hình thực tế đồng thời đưa ra được những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp.

Việc quản lý tài chính của công ty chưa thật sự sát sao, nguồn vốn bị ứ đọng, chiếm dụng trong nợ phải thu khách hàng còn nhiều, trong khi các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp thì không được nợ lại lâu gây ảnh hưởng đến việc quay vòng vốn.

Để có cái nhìn rõ hơn, ta phân tích một số con số cụ thể.

3.3.1 So sánh kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH GN&TM Viko năm 2011 so với năm 2010

Biểu 3.1

So sánh kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010, năm 2011

CHỈ TIÊU	Năm 2011	Năm 2010	Chênh lệch năm 2011/năm 2010	
			+/-	%
1. Doanh thu BH và CCDV	23,686,270,103	22,489,478,580	1,196,791,523	5.32
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-		
3. Doanh thu thuần về BH và CCDV	23,686,270,103	22,489,478,580	1,196,791,523	5.32
4. Giá vốn hàng bán	19,476,210,843	19,690,161,185	-213,950,342	-1.09
5. Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	4,210,059,260	2,799,317,400	1,410,741,865	50.04
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2,193,264	1,644,948	548,316	33.33
7. Chi phí tài chính	9,481,848	7,111,386	2,370,462	33.33
- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-		
8. Chi phí quản lý kinh doanh	2,699,572,040	1,095,551,478	1,604,020,562	146.41
9. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1,503,198,635	1,698,299,479	-195,100,843	-11.49
10. Thu nhập khác				
11. Chi phí khác				
12. Lợi nhuận khác				
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,503,198,635	1,698,299,479	-195,100,843	-11.49
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	375,799,659	424,574,870	-48,775,211	-11.49
15. Lợi nhuận sau thuế TN DN	1,127,398,976	1,273,724,609	-146,325,632	-11.49

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một bản báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh theo từng hoạt động của doanh nghiệp. Số liệu trên báo cáo này cung cấp những thông tin tổng hợp về phương thức kinh doanh, về việc sử dụng các tiềm năng vốn, lao động, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý của doanh nghiệp và chỉ ra rằng các hoạt động kinh doanh đó đem lại lợi nhuận hay gây ra tình trạng lỗ vốn. Đây là một bản báo cáo tài chính được các nhà lập kế hoạch rất quan tâm, vì nó cung cấp các số liệu về hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp đã thực hiện được trong kỳ. Nó được xem là một bản hướng dẫn để dự báo xem doanh nghiệp sẽ hoạt động ra sao trong tương lai.

Qua bảng so sánh kết quả hoạt động kinh doanh ta thấy

Doanh thu thuần năm 2011 so với năm 2010 tăng 1,196,791,523 tương đương với 5.32%, đồng thời giá vốn cung cấp dịch vụ năm 2011 so với năm 2010 giảm 213,950,342 tương đương với 1.09%. Đã làm cho lợi nhuận gộp của doanh nghiệp tăng 1,410,741,865 tương đương với 50.04%.

Tuy nhiên, chi phí quản lý kinh doanh năm 2011 lại tăng mạnh so với năm 2010 : 1,604,020,562, tương đương với 146,41%, doanh thu tài chính tăng 548,316 tương đương với 33.33%, chi phí tài chính tăng 2,370,462 tương đương 33.33 % nên đã làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm xuống -195,100,843 tương đương với 11.49%.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng lên nhưng lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh lại giảm dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm: 195,100,843% tương ứng với 11.49%

Qua bảng so sánh kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm ta thấy doanh thu năm 2011 là lớn nhất do nhu cầu vận chuyển hàng hóa ngày càng tăng. Song tỷ lệ tăng lên là không đáng kể.

Năm 2011, giá vốn cung cấp dịch vụ có giảm đi so với năm 2010 là 1.09%, mặc dù tỷ lệ này nhỏ nhưng đây vẫn là thành tích lớn của doanh nghiệp trong việc tích kiệm giá vốn vì đã làm cho lợi nhuận gộp tăng lên 50,04% so với năm trước đó. Sở dĩ giá vốn năm 2011 giảm đi là do công ty đã đầu tư thêm xe ô tô đầu kéo, và sơ mi romooc nên giảm được tình trạng phải thuê xe ngoài để vận chuyển hàng trong những quý cao điểm như quý 4.

Trong khi giá vốn hàng bán có xu hướng giảm xuống thì chi phí quản lý kinh

doanh lại tăng lên đáng kể 1,604,020,562 tương ứng với 146.41% và chủ yếu nằm ở chi lương nhân viên, khấu hao tài sản cũng tăng lên nhiều. Việc tăng chi phí quản lý kinh doanh của công ty là do công ty đã tuyển thêm nhân viên để phục vụ cho hoạt động giao nhận và chuẩn bị mở thêm một số tuyến đường vận chuyển đường dài. Đồng thời phải bỏ chi phí ra để đào tạo số nhân viên này.

Mặt khác, doanh thu của doanh nghiệp năm 2011 đã tăng lên nhưng lợi nhuận trước thuế của công ty lại có xu hướng giảm xuống so với 2 năm trước. Cụ thể là giảm 48,775,211 đồng, tương ứng với 11.49%. Chứng tỏ hiệu quả kinh doanh của năm 2011 là kém hơn năm 2010.

Vì vậy, công ty cần hoàn thiện hơn công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh hơn nữa góp phần tăng cường quản lý tài chính ở công ty, xây dựng kế hoạch tài chính vững vàng hơn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3.3.2 Đánh giá khái quát tình hình tài chính của công ty TNHH GN&TM Viko

Để đánh giá được khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp, ta xem xét một số chỉ tiêu sau:

***Nhóm hệ số về khả năng thanh toán**

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng Tài Sản}}{\text{Tổng Nợ Phải Trả}}$$

$$\text{Cuối Năm} = \frac{9,035,493,816}{2,651,975,179} = 3.407$$

$$\text{Đầu Năm} = \frac{7,516,430,748}{1,317,591,857} = 5.705$$

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán hiện thời} = \frac{\text{Tài sản lưu động}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

$$\text{Cuối năm} = \frac{5,278,114,174}{2,651,975,179} = 1.99$$

$$\text{Đầu năm} = \frac{4,774,174,106}{1,317,591,857} = 3.623$$

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tài Sản Ngắn Hạn} - \text{Hàng Tồn Kho}}{\text{Tổng Nợ Ngắn Hạn}}$$

$$\text{Cuối năm} = \frac{5,266,031,806}{2,651,975,179} = 1.986$$

$$\text{Đầu năm} = \frac{4,774,174,106}{1,317,591,857} = 3.623$$

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán tức thời} = \frac{\text{Tiền và các khoản tương đương tiền}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

$$\text{Cuối năm} = \frac{384,648,870}{2,651,975,179} = 0.145$$

$$\text{Đầu năm} = \frac{947,448,790}{1,317,591,857} = 0.719$$

***Nhóm hệ số về cơ cấu nguồn vốn:**

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Nợ Phải Trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$$

$$\text{Cuối năm} = \frac{2,651,975,179}{9,035,493,816} = 0.294$$

$$\text{Đầu năm} = \frac{1,317,591,857}{7,516,430,748} = 0.175$$

$$\text{Hệ số vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$$

$$\text{Cuối năm} = \frac{6,383,518,638}{9,035,493,816} = 0.706$$

$$\text{Đầu năm} = \frac{6,198,838,891}{7,516,430,748} = 0.825$$

*** Hệ số về hiệu suất hoạt động**

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{\text{Số dư bình quân các khoản phải thu}}{\text{Doanh thu bình quân 1 ngày kỳ kế hoạch}}$$

$$\text{Cuối năm} = \frac{3,784,407,863}{62,470,774} = 61 \text{ ngày}$$

$$\text{Đầu năm} = \frac{2,969,536,294}{62,470,774} = 48 \text{ ngày}$$

***Hệ số sinh lời**

$$\text{Tỷ suất LNST/DT} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

$$\text{Cuối năm} = \frac{1,127,398,976}{23,686,270,103} = 0.048$$

$$\text{Đầu năm} = \frac{1,273,724,609}{22,489,478,590} = 0.057$$

***Nhận xét:**

Qua số liệu tính toán được, có thể thấy một số vấn đề sau:

- Về khả năng thanh toán các khoản nợ của công ty Viko

Xét ở khía cạnh khả năng thanh toán tổng quát, cả đầu năm và cuối năm công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ, song con số chỉ ra là khả năng thanh toán tổng quát của cả cuối năm và đầu năm đều lớn hơn 1 rất nhiều (đầu năm :5.705, cuối năm: 3.407), chứng tỏ công ty chưa tận dụng được cơ hội chiếm dụng vốn.

Hệ số thanh toán hiện thời thể hiện mức độ đảm bảo của TSLĐ với nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn là các khoản nợ phải thanh toán trong kỳ, do đó doanh nghiệp phải dùng tài sản thực có của mình để thanh toán bằng cách chuyển đổi một bộ phận tài sản thành tiền.

Đầu năm hệ số thanh toán hiện thời của công ty Viko là 3,623>2 rất nhiều, cho thấy đầu năm vốn lưu động của doanh nghiệp bị ứ đọng, trong khi đó cuối năm hệ số này lại tụt xuống nhỏ hơn mức hợp lý 0.01 lần (1.99<2) cho thấy về cuối năm công ty

gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ. Việc khó khăn trong thanh toán của công ty còn được chỉ rõ trong hệ số thanh toán nhanh và thanh toán tức thời.

Hệ số thanh toán nhanh phản ánh năng lực thanh toán của doanh nghiệp mà không dựa vào việc buôn bán, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ.

Hệ số này bằng 1 được coi là hợp lý nhất vì như vậy doanh nghiệp vừa duy trì được khả năng thanh toán nhanh vừa không bị mất đi cơ hội do khả năng thanh toán nợ mang lại. Tại công ty Viko, ở cả đầu năm và cuối năm hệ số này đều >1 (đầu năm:1,986, cuối năm:3,623), có nghĩa tình hình thanh toán nợ của công ty không tốt vì tiền và các khoản tương đương tiền bị ứ đọng, vòng quay vốn chậm là giảm hiệu quả sử dụng vốn. Thực tế khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng tiền của công ty chỉ ở mức 0.179 vào đầu năm, cuối năm còn giảm đi chỉ còn 0.145

- Về cơ cấu nguồn vốn:

Khả năng tự tài trợ vốn tại công ty TNHH GN&TM Viko là rất cao đầu năm là 0.706 cuối năm lên tới 0.825 chứng tỏ công ty có nhiều vốn tự có, tính độc lập cao so với các chủ nợ. Như vậy cũng đồng nghĩa với việc công ty chưa tận dụng hết cơ hội chiếm dụng vốn. Hệ số nợ đầu năm chỉ có 0.294, cuối năm là 0.715. Các khoản chiếm dụng vốn của công ty chủ yếu là chiếm dụng vốn của chủ hàng, công ty chưa tận dụng được các nguồn vốn vay ngân hàng.

- Về kỳ thu tiền bình quân:

Mặc dù khả năng độc lập về tài chính của công ty cao, nhưng khả năng thanh toán các khoản nợ của công ty lại gặp khó khăn. Đây được cho là khuyết điểm của công ty, mà chủ yếu là do công tác thu hồi công nợ của công ty chưa được sát sao, còn nhiều yếu kém dẫn đến nguồn vốn bị các khách hàng chiếm dụng nhiều. Ta có thể thấy kỳ thu tiền bình quân cuối năm của công ty là 61 ngày, còn đầu năm là 48 ngày. Kỳ thu tiền bình quân cao đồng nghĩa với việc vốn quay vòng chậm. Làm giảm hiệu quả kinh doanh và cơ hội đầu tư mở rộng hoạt động của công ty.

Cụ thể, ở đầu năm một đồng doanh thu bỏ ra công ty chỉ thu về được 0.057 đồng lợi nhuận. Ở cuối năm con số này giảm xuống chỉ còn 0.048 đồng.

3.3.3 Một số ưu điểm và tồn tại của công ty trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3.3.3.1 Ưu điểm

**Về tổ chức bộ máy kế toán*

Là một công ty có qui mô nhỏ, chủ yếu hoạt động kinh doanh dịch vụ, vì vậy việc áp dụng mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung là khá phù hợp. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hoá của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

Về nhân sự, bộ phận kế toán có ba người gồm một kế toán trưởng và ba kế toán viên rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại Chi nhánh. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có bề dày kinh nghiệm, vững vàng kiến thức chuyên môn (trình độ đều từ đại học trở lên) giúp cho công tác kế toán tại Chi nhánh đạt hiệu quả cao.

**Về hình thức kế toán*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời.

Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

**Về chứng từ kế toán sử dụng*

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác theo nội dung quy định trên mẫu.

Chứng từ kế toán của công ty được lập theo đúng nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định, được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của Nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho các cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

**Về sổ sách kế toán sử dụng:*

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của

Nhà nước.

Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra nhưng sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

3.3.3.2 *Tồn tại*

**Về sổ sách kế toán sử dụng:*

Theo nguyên tắc kế toán, Sổ Cái được mở cho tài khoản tổng hợp cấp một, Sổ chi tiết tài khoản được mở cho tài khoản chi tiết cấp hai, cuối kỳ sẽ tổng hợp số liệu ở các sổ chi tiết vào sổ tổng hợp để đối chiếu với sổ cái. Tuy nhiên, hiện nay công ty không mở Sổ Cái cấp 1 cho nhiều tài khoản mà mở sổ cái chi tiết cho tài khoản cấp 2 như: 5113 CUOCVC, 5113 GIAONHAN, 5113 ĐLHH, 632 DAU.....Cuối quý, công ty sẽ tổng hợp số liệu ở các sổ cái chi tiết vào bảng tổng hợp cho tài khoản cấp 1 mà không mở sổ chi tiết cho các tài khoản cấp 2. Như vậy, việc đối chiếu số liệu sẽ rất khó khăn, dễ dẫn đến sai sót, nhầm lẫn.

**Về chứng từ kế toán sử dụng*

Đối với các nghiệp vụ kết chuyển, xác định kết quả kinh doanh cuối tháng, cuối quý, công ty không sử dụng chứng từ mà chỉ kết chuyển sổ sách, như vậy, các nhà quản trị rất khó khăn trong việc tìm kiếm, rà soát thông tin vì không biết thông tin được kết chuyển từ đâu kéo theo việc quản lý chi phí cũng không được nhanh nhạy.

**Về thời điểm ghi chép sổ sách kế toán*

Hiện nay, đa số các nghiệp vụ kinh tế về doanh thu, chi phí phát sinh được ghi vào cuối quý, cùng vào thời điểm lập Báo cáo tài chính nên công việc kế toán tại phòng kế toán bị dồn vào cuối quý rất nhiều, điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc và dễ gây ra nhầm lẫn sai sót, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

**Về việc phân loại chi phí.*

Công ty kinh doanh 3 dịch vụ là vận tải, giao nhận và đại lý hàng hải. Tuy nhiên giá vốn của công ty không được phân loại, tập hợp theo chi phí phát sinh tương ứng với từng loại doanh thu mà được tập hợp như sau:

Giá vốn của dịch vụ vận tải được công ty tách ra để hạch toán ở các sổ cái chi tiết 632 DAU, 632 CUOCVCTN, 632 SUACHUA....., nhưng riêng với lệ phí xăng dầu

(khoản chi phí này phát sinh là do hoạt động vận tải của công ty) nhưng công ty lại phản ánh vào chi phí quản lý kinh doanh TK 642 LPXD, việc phản ánh này là không hợp lý. Đối với dịch vụ vận tải, dù công ty hạch toán tách riêng từng chi phí giá vốn phát sinh liên quan đến dịch nhưng kế toán có thể dễ dàng tổng hợp các giá vốn của dịch vụ vận tải và tính toán ra tỷ lệ từng chi phí giá vốn phát sinh trên doanh thu dịch vụ vận tải để biết được chi phí nào chiếm tỷ trọng nhiều trong giá vốn vận tải, và chiếm bao nhiêu phần trăm doanh thu vận tải.

Nhưng đối với dịch vụ giao nhận và đại lý hàng hải, do hai dịch vụ này đều có giá vốn phát sinh liên quan đến phụ phí hãng tàu nên công ty đã hạch toán chung vào TK 632 PPHT. Mặc dù việc tập hợp chi phí vẫn được phản ánh đầy đủ nhưng do công ty hạch toán chung giá vốn của 2 loại dịch vụ này nên sẽ khó để biết được tỷ lệ giá vốn phụ phí hãng tàu là chiếm bao nhiêu % trong doanh thu dịch vụ giao nhận và dịch vụ đại lý hàng hải. Như vậy, nhà quản trị công ty sẽ gặp nhiều khó khăn để biết được dịch vụ nào mang lại tỷ lệ lợi nhuận nhiều hơn, có hiệu quả hơn dẫn đến đưa ra được các quyết định kinh doanh dễ bị sai lệch và không chính xác.

**Về việc quản lý công nợ*

Việc quản lý công nợ đang là một hạn chế đối với công ty bởi là một doanh nghiệp dịch vụ, quy mô các khoản phải thu khách hàng của công ty là rất lớn mà việc thanh toán của khách hàng còn chậm, dễ bị chiếm dụng vốn. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần lớn tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán. Mặt khác, thời hạn mà doanh nghiệp phải thanh toán với người bán lại ngắn, thường là công ty phải thanh toán ngay với các nhà cung cấp khoảng 70% giá trị của hóa đơn, 30% sẽ phải hoàn trả trong tháng kế tiếp. Như vậy, vốn chiếm dụng của nhà cung cấp là ít mà vốn công ty bị chiếm dụng trong các khoản phải thu là nhiều, làm cho vốn kinh doanh của công ty quay vòng chậm và bị ứ đọng vốn. Mà cụ thể:

Đầu năm 2011, tổng các khoản phải thu khách hàng là 2,969,536,294 đồng chiếm 39.51% trong tổng tài sản (7,516,430,748 đồng) và chiếm tới 62,2 % trong tổng tài sản ngắn hạn (4,774,174,106 đồng). Cuối năm 2011, tổng các khoản phải thu khách hàng là 3,784,407,863 đồng chiếm 41,8% trong tổng tài sản (9,035,493,816 đồng) và chiếm tới 71,7% tổng tài sản ngắn hạn (5,278,114,174 đồng). Cuối năm các khoản phải thu tăng lên 27.44% so với đầu năm.

Đồng thời, kỳ thu tiền bình quân của công ty lại dài, đầu năm là 48 ngày, cuối năm là 61 ngày, vòng quay vốn bị chậm lại.

Qua đây ta thấy, công ty đang bị chiếm dụng vốn rất nhiều, tổng tài sản của doanh nghiệp cuối năm 2011 là 9,035,493,816 đồng, chủ yếu được bù đắp bằng nguồn vốn tự có của công ty (vì công ty không sử dụng vốn vay để kinh doanh), mà tài sản của doanh nghiệp đã bị chiếm dụng tới 41,8% tổng tài sản. Mặt khác, các khoản phải thu cuối năm 2011 còn tăng lên 814,871,569 đồng, tốc độ tăng các khoản phải thu là 27.44%.

3.4 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại công ty TNHH GN&TM Viko.

Qua việc tìm hiểu về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH GN&TM Viko, cá nhân em đã thấy được quá trình hoạt động kinh doanh tại công ty có rất nhiều điểm tích cực nhưng bên cạnh đó cũng có nhiều mặt hạn chế. Trước yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại công ty TNHH GN&TM Viko cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, đồng thời thuận lợi cho quá trình làm việc của cán bộ kế toán công ty và quá trình ra quyết định của các nhà quản trị, trên cơ sở những kiến thức được học và thực tế, em xin đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại công ty.

3.4.1 Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán

Hiện nay, công ty không lập Sổ cái cho “Tài khoản tổng hợp 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, “Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán”, “Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh” và các sổ chi tiết chó 5113 CUOCVC, 5113 GIAONHAN, 5113 ĐLHH, 632 DAU, 632 CUOCVCTN, 632 PPHT, 632 PHICANG, 642 LUONGNV,..... mà lập sổ cái cho các tài khoản chi tiết, cuối tháng, quý, từ sổ liệu của sổ cái các tài khoản chi tiết, kế toán sẽ lập bảng tổng hợp cho TK cấp 1. Như vậy, sổ liệu khó để đối chiếu, so sánh.

Công ty nên mở Sổ Cái cho các tài khoản tổng hợp 511, 632, 642 và các sổ chi tiết cho các TK cấp 2 của 511, 632, 642 kết hợp với Sổ tổng hợp doanh thu bán hàng, sổ

tổng hợp giá vốn hàng bán, sổ tổng hợp chi phí quản lý kinh doanh hàng quý, hàng năm để công việc đối chiếu, kiểm tra được dễ dàng, số liệu được chính xác và tránh sai sót

Vì tài khoản loại 5, loại 6 không có số dư nên công ty có thể mở sổ chi tiết theo mẫu sau:

Biểu 3.2 Sổ chi tiết tài khoản

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO

Mẫu số S38-DNN

Số 2/345 – Trần Nguyên Hân – Lê Chân – HP (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản:

Đối tượng:

Loại tiền: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2		
			Cộng					

Ngày...tháng...năm...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ví dụ: Ngày 18/12, vận chuyển 2 container 40' cho công ty Thiên Đại (quãng đường Hải Phòng – Hà Nội), tổng số tiền phải thanh toán là 9,240,000 đồng theo HĐ:0000317. Từ HĐ: 000317, kế toán sẽ ghi sổ Nhật ký chung, vào sổ cái TK 511 (Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ).

Đồng thời từ HĐ: 0000286, kế toán ghi sổ chi tiết TK 5113 CUOCVC

Hàng quý, kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ chi tiết của TK 511 vào sổ tổng hợp chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đối chiếu với Sổ Cái để kiểm tra sự chính xác, phát hiện sai sót nếu có

Biểu 3.5 Sổ Cái TK 511

Mẫu số S03b-DNN

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			Số dư đầu năm			
						
2/12	HĐ:0 237	2/12	Doanh thu DV vận chuyển cho Mai Thành	131 MAITHANH		46,200,000
2/12	HĐ:0 238	2/12	Doanh thu vận chuyển cho Away	111		27,000,000
2/12	HĐ:0 239	2/12	Thu phí vận đơn (handling)	111		630,000
2/12	HĐ:0 240	2/12	Thu phí vận đơn (handling)	111		630,000
						
18/12	HĐ:0 316	18/12	Doanh thu cước vận chuyển cho công ty tàu thủy Nam Triệu	111		2,272,727
18/12	HĐ:0 317	12/12	Doanh thu cước vận chuyển cho Thiên Đại	131 THIENDAI		8,400,000
						
21/12	HĐ:0 332	21/12	Doanh thu cước vc cho VIKO TRANS	131 VIKOTRANS		90,909,091
21/12	HĐ:0 333	21/12	DT cước vận chuyển cho Nam Triệu	111		15,961,275
						
22/12	HĐ:0 336	22/12	DT cước vận chuyển cho FIGVINA	331 FIGVINA		45,454,545
						
23/12	HĐ:0 339	23/12	Doanh thu dịch vụ giao nhận cho công ty Thiên Đại	111		15,601,520
23/12	HĐ:0 340	23/12	Doanh thu DVGN cho VIKOTRANS	112		21,815,410
31/12	KC	31/12	Kết chuyển doanh thu cước vận chuyển năm	911	23,686,270,103	
			Cộng cả năm		23,686,270,103	23,686,270,103

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.4 Sổ chi tiết tài khoản 511

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

Mẫu số S38-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 5113CUOCVC
Đối tượng: Doanh thu cước vận chuyển

Năm 2011								
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2		
								
2/12	HD:0237	2/12	Doanh thu DV vận chuyển cho Mai Thành	131 MAITHANH		46,200,000		
2/12	HD:0238	2/12	Doanh thu vận chuyển cho Away	111		27,000,000		
								
18/12	HD:0316	18/12	Doanh thu cước vận chuyển cho công ty tàu thủy Nam Triệu	111		2,272,727		
18/12	HD:0317	12/12	Doanh thu cước vận chuyển cho Thiên Đại	131 THIENDAI		8,400,000		
								
21/12	HD:0332	21/12	Doanh thu cước vc cho VIKO TRANS	131 VIKOTRANS		90,909,091		
21/12	HD:0333	21/12	DT cước vận chuyển cho Nam Triệu	111		15,961,275		
								
22/12	HD:0336	22/12	DT cước vận chuyển cho FIGVINA	331 FIGVINA		45,454,545		
			Cộng		23,686,270,103	22,489,478,580		

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.5 Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu cung cấp dịch vụ

Công ty TNHH GN&TM Viko

Số 2/345 – Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – HP

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

Năm 2011

Số hiệu TK	Tên	Số tiền
5113 CUOCVC	Doanh thu dịch vụ vận tải	20,396,954,663
5113 GIAONHAN	Doanh thu dịch vụ giao nhận	2,238,349,440
5113 ĐLHH	Doanh thu dịch vụ đại lý hàng hải	1,050,966,000
5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ	23,686,270,103

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

3.4.2 Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán.

Đối với các nghiệp vụ kết chuyển doanh thu, giá vốn, xác định thuế TNDN và kết quả kinh doanh, công ty không nên chỉ kết chuyển số liệu trên sổ sách. Việc kết chuyển sổ sách tuy thuận lợi cho kế toán vì giảm bớt khâu quản lý chứng từ. Tuy nhiên, khi cần đối chiếu số liệu, các nhà quản trị sẽ gặp khó khăn trong việc rà soát, kiểm tra, mất thời gian kéo theo việc quản lý chi phí không được nhanh nhạy.

Vì vậy, để thực hiện các nghiệp vụ kết chuyển, công ty nên sử dụng mẫu phiếu kế toán như sau:

Biểu 3.6: Phiếu Kế Toán

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hân – Lê Chân – HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày.....tháng.....năm

Số

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số Tiền
		Nợ	Có	
	Tổng cộng			

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ví dụ: Ngày 31/12/2011, kết chuyển tổng doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2011 để xác định kết quả kinh doanh, số tiền 23,686,270,103 đồng.

Biểu 3.7: Phiếu Kế Toán

CÔNG TY TNHH GN&TM VIKO
Số 2/345 – Trần Nguyên Hân – Lê Chân – HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31/12/2011

Số: KC/01

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số Tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	5113	911	23,686,270,103
	Tổng cộng			23,686,270,103

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

3.4.3 Hoàn thiện việc phân loại chi phí

Để dễ dàng cho việc quản lý chi phí, cung cấp thông tin cho lãnh đạo công ty. Công ty nên phân loại các chi phí lệ phí xăng dầu theo đúng bản chất phát sinh của nó là phục vụ cho dịch vụ vận tải, không phải phục vụ cho hoạt động quản lý, kinh doanh như công ty đang hạch toán.

Ví dụ: Ngày 15/12, mua 17,150 lít dầu diesel, lệ phí xăng dầu hết 8,575,000 đồng.

Công ty nên hạch toán khoản lệ phí xăng dầu này vào TK 632, thay vì hạch toán vào TK 642 LPXD như hiện nay. Vì khoản lệ phí này phát sinh để phục vụ cho dịch vụ vận tải của công ty

Nợ TK 632: 8,575,000

Có TK 111: 8,575,000

3.4.4 Hoàn thiện công tác quản lý công nợ

Qua phân tích ta thấy, khả năng thanh toán của công ty đang gặp khó khăn trong khi đó vốn bị chiếm dụng trong các khoản nợ phải thu của công ty là lớn, kỳ thu tiền bình quân cao làm cho việc quay vòng vốn chậm. Do vậy công ty cần có những biện pháp thiết thực để quản lý công nợ, thu hồi nợ một cách nhanh chóng.

Để thực hiện việc thu hồi nợ, có thể áp dụng một số biện pháp sau:

- Mở sổ theo dõi chặt chẽ và chi tiết các khoản phải thu của khách hàng, phải phân biệt rõ ràng các khoản nợ, theo dõi chi tiết các khoản nợ, phân tích tình hình trả nợ của từng đối tượng khách hàng.
- Có các biện pháp pháp ngăn ngừa rủi ro đối với các khoản nợ không thể thanh toán: trích lập dự phòng, chiết khấu thanh toán...
- Có chính sách bán chịu đúng đắn đối với từng khách hàng, xem xét khả năng thanh toán trên cơ sở hợp đồng kinh tế đến kì hạn và khả năng tài chính của doanh nghiệp. sổ theo dõi chi tiết tình hình công nợ của các bạn hàng, phân loại các khoản nợ để có chính sách cho phù hợp.
- Có những ràng buộc chặt chẽ trong hợp đồng kinh tế về các điều kiện thanh toán, nhất là thời gian thanh toán

Cụ thể như sau:

3.4.4.1 Thiết lập các điều kiện về thanh toán chặt chẽ trong các hợp đồng kinh tế.

Như đã phân tích, công ty TNHH GN&TM Viko hiện nay đang bị các đối tác chiếm dụng vốn nhiều. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do trong hợp đồng ký kết với khách hàng, công ty không quy định chặt chẽ về thời gian thanh toán, mức khách hàng được nợ lại nên việc thu hồi nợ sẽ trở lên khó khăn. Do vậy, công ty nên quy định những điều kiện ràng buộc thanh toán với khách hàng cụ thể:

- Khách hàng phải thanh toán 70% giá trị lô hàng trong vòng 15 đến 20 ngày, 30% được nợ lại đến tháng kế tiếp.

- Từ 20 đến 30 ngày phạt 10% giá trị lô hàng do thanh toán chậm.
- Quá 30 ngày phạt 15% giá trị lô hàng do thanh toán chậm.

Ví dụ: ngày 21/12, thực hiện hợp đồng vận chuyển cho công ty VIKOTRANS với tổng số tiền là 90,909,091 đồng.

Như vậy:

- Từ ngày 5/1/2011 đến ngày 10/1/2012, Vikotrans phải thanh toán 63,636,364 đồng (70% trên tổng số tiền 90,909,091 đồng.)
- Từ 11/1/2012 đến ngày 11/2/2012, Vikotrans phải thanh toán hết số tiền còn nợ lại 27,272,727 đồng

3.4.4.2 Đối với việc sử dụng chiết khấu thanh toán

Ngoài việc thiết lập các điều kiện thanh toán, công ty cũng nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán. Chiết khấu thanh toán cho người mua hàng hoá dịch vụ là khoản tiền mà khách hàng được hưởng do thanh toán trước hạn theo thoả thuận khi mua hoặc bán để thúc đẩy khách hàng thanh toán tiền hàng sớm, tránh bị chiếm dụng vốn kinh doanh. Trong thời hạn thanh toán của công ty là 30 ngày có thể đưa ra các tỉ lệ phần trăm (%) chiết khấu như: nếu thanh toán toàn bộ tiền hàng trong 10 ngày sẽ được hưởng 4% giá trị phải trả, trả trong khoản 10 đến 20 ngày được hưởng chiết khấu 2% giá trị phải trả, còn trả đúng thì không được hưởng chiết khấu.

- Chiết khấu thanh toán được phản ánh vào TK 635 - Chi phí tài chính như sau:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính (chiết khấu thanh toán cho khách hàng hưởng)

Có TK 131, 111, 112,...

- Cuối kỳ, kết chuyển tổng các khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính (chiết khấu thanh toán cho khách hàng)

- **Ví dụ:** Ngày 15/12, vận chuyển 6 container 40 feet cho công ty Vikotrans theo HĐ: 0000306 với tổng giá thanh toán là 27,720,000. Thời hạn thanh toán trên hợp đồng là 30 ngày kể từ ngày 6 container này được vận chuyển đến kho của Vikotrans. Ngày 24/12, Vikotrans đã chuyển trả toàn bộ số tiền vận chuyển của lô hàng này. Trong trường hợp này, công ty nên cho Vikotrans hưởng khoản chiết khấu thanh toán 0,3% trên tổng giá thanh toán ($27,720,000 \times 4\% = 1,108,800$)

- Kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 635: 1,108,800

Có TK 131: 1,108,800

3.4.5 Áp dụng kế toán quản trị để tiến hành lập các dự toán ngân sách, nguồn vốn hoạt động kinh doanh

Dự toán là những tính toán dự kiến một cách toàn diện và phối hợp, chỉ rõ các thức huy động nguồn lực cho các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, được xác định bằng một hệ thống các chỉ tiêu về số lượng và giá trị cho một khoảng thời gian xác định trong tương lai.

Dự toán là một công cụ quan trọng của nhà quản lý, được sử dụng trong việc lập kế hoạch, kiểm soát và đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Dự toán ngân sách rất cần thiết để quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh. Dự toán cung cấp cho doanh nghiệp thông tin về toàn bộ kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp 1 cách có hệ thống và đảm bảo việc thực hiện các mục tiêu đề ra.

Ngoài ra việc lập dự toán có những tác dụng khác như:

- Xác định rõ mục tiêu cụ thể để làm căn cứ đánh giá việc thực hiện sau này;
- Lường trước những khó khăn tiềm ẩn để có phương án xử lý kịp thời và đúng đắn
- Liên kết toàn bộ các hoạt động của doanh nghiệp bằng cách hợp nhất các kế hoạch và mục tiêu của các bộ phận khác nhau. Chính nhờ vậy dự toán đảm bảo các kế hoạch và mục tiêu của các bộ phận phù hợp với mục tiêu chung của toàn doanh nghiệp
- Đánh giá hiệu quả quản lý và thúc đẩy hiệu quả công việc

Tại công ty TNHH GN&TM Viko, việc tiến hành lập các bảng dự toán hiện nay vẫn chưa được thực hiện. Đây là một thiếu sót của công ty trong việc quản lý nguồn vốn, ngân sách hoạt động, trong khi tác dụng của việc lập dự toán là vô cùng to lớn.

Chính vì vậy, công ty nên lập một sổ bảng dự toán ngân sách như dự toán tiêu thụ, dự toán các khoản phải thu, các khoản phải trả....để đề ra xác định mục tiêu ngân sách trong từng kỳ.

Biểu 3.8: Dự toán tình hình cung cấp dịch vụ năm 2012

STT	Chỉ tiêu	Quý				Cả năm
		I	II	III	IV	
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ					
2	Giá vốn cung cấp dịch vụ					
3	Lợi nhuận gộp					

3.9 Dự toán chi tiết tình hình cung cấp dịch vụ của từng loại hình dịch vụ

STT	Chỉ tiêu	Quý								Cả năm
		I		II		III		IV		
			%DT		%DT		%DT		%DT	
1	Doanh thu dịch vụ vận tải									
2	Giá vốn dịch vụ vận tải									
	Giá vốn dầu									
	Giá vốn cước thuê ngoài									
	Giá vốn sửa chữa									
	Giá vốn vé cầu đường									
	Giá vốn vé cầu lóp.....									

Biểu 3.10: Dự toán tổng hợp tình hình cung cấp dịch vụ từng quý

STT	Chỉ tiêu	Dịch vụ			Tổng
		Vận tải	Giao Nhận	Đại lý hàng hải	
1	Doanh thu				
2	Giá vốn				
3	Lợi nhuận gộp				

Biểu 3.11: Dự toán chi phí quản lý kinh doanh

Chỉ tiêu	Quý								Cả năm
	I		II		III		IV		
		%DT		%DT		%DT		%DT	
Doanh thu cung cấp dịch vụ									
Tổng chi phí quản lý kinh doanh KB									
Tổng chi phí quản lý kinh doanh BB									
Tổng chi phí quản lý kinh doanh									

Biểu 3.12: Dự Toán Các Khoản Phải Thu

Chỉ Tiêu	Quý				Cả Năm
	I	II	III	IV	
Dư Đầu Năm					
DT Dịch Vụ Quý I					
DT Dịch Vụ Quý II					
DT Dịch Vụ Quý III					
DT Dịch Vụ Quý IV					
Tổng					

Biểu 3.13: Dự Toán Các Khoản Phải Trả

Chỉ Tiêu	Quý				Cả Năm
	I	II	III	IV	
Dư Đầu Năm					
Phải Trả Quý I					
Phải Trả Quý II					
Phải Trả Quý III					
Phải Trả Quý IV					

3.3.5 Thực hiện phân tích các chỉ tiêu tài chính để đánh giá tình hình tài chính của công ty.

Hàng năm công ty nên tiến hành việc phân tích các chỉ tiêu tài chính để thấy được rõ nét tình hình tài chính của mình trong từng kỳ. Để thực hiện được việc phân tích tài chính, công ty cần sử dụng các công cụ là báo cáo kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, các bảng báo cáo, dự toán trong kế toán quản trị để phân tích tình hình thực hiện hoạt động kinh doanh của năm nay so với năm trước, của năm nay so với kế hoạch đề ra, làm rõ xu hướng, tốc độ tăng trưởng, thực trạng tài chính của doanh nghiệp, chỉ ra những thế mạnh và cả tình trạng bất ổn nhằm đề xuất những biện pháp quản trị tài chính đúng đắn và kịp thời để phát huy cao nhất hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Từ số liệu của bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả tính toán các hệ số về khả năng thanh toán, cơ cấu nguồn vốn, tài sản, nhóm các hệ số sinh lời để thấy được tình hình biến động tài sản, nguồn vốn của công ty trong kỳ kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn, khả năng sinh lời của tài sản, khả năng thanh toán của công ty trong kỳ là tốt hay đang gặp khó khăn để đề ra các mục tiêu phù hợp trong kỳ tiếp theo.

Ví dụ:

**Nhóm hệ số khả năng thanh toán*

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát} \quad (H1) = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$$

Nếu $H1 > 1$: Chứng tỏ khả năng thanh toán của doanh nghiệp là tốt, song nếu $H1 > 1$ quá nhiều thì cũng không tốt vì điều đó chứng tỏ doanh nghiệp chưa tận dụng được cơ hội chiếm dụng vốn

Nếu $H1 < 1$ và tiến đến 0 báo hiệu sự phá sản của doanh nghiệp, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp giảm và mất dần, tổng tài sản hiện có của doanh nghiệp không đủ trả số nợ mà doanh nghiệp phải thanh toán.

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán} \quad \text{hiện thời} = \frac{\text{Tài sản lưu động}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số khả năng thanh toán hiện thời thể hiện mức độ đảm bảo của TSLĐ với nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn là các khoản nợ phải thanh toán trong kỳ, do đó doanh nghiệp phải dùng tài sản thực có của mình để thanh toán bằng cách chuyển đổi một bộ phận tài sản thành tiền.

$H2=2$ là hợp lý nhất vì như thế doanh nghiệp sẽ duy trì được khả năng thanh toán ngắn hạn đồng thời duy trì được khả năng kinh doanh.

Nếu $H2>2$: thể hiện khả năng thanh toán hiện hành của doanh nghiệp dư thừa. Nếu $H2>2$ quá nhiều chứng tỏ vốn lưu động của doanh nghiệp đã bị ứ đọng, trong khi hiệu quả kinh doanh chưa tốt.

Nếu $H2<2$: Cho thấy khả năng thanh toán hiện hành chưa cao. Nếu $H2<2$ quá nhiều thì doanh nghiệp không thể thanh toán được hết các khoản nợ ngắn hạn đến hạn trả, đồng thời uy tín đối với các chủ nợ giảm, tài sản để dự trữ kinh doanh không đủ.

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh (H3)} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số này phản ánh năng lực thanh toán của doanh nghiệp mà không dựa vào việc buôn bán các loại hàng hóa, vật tư của doanh nghiệp

$H3=1$ được coi là hợp lý nhất vì như vậy doanh nghiệp vừa duy trì được khả năng thanh toán nhanh vừa không bị mất cơ hội do khả năng thanh toán nợ mang lại.

$H3<1$ Cho thấy doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ

$H3>1$ Phản ánh tình hình thanh toán nợ không tốt vì tiền và các khoản tương đương tiền bị ứ đọng, vòng quay vốn chậm lại làm giảm hiệu quả sử dụng vốn

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng trở nên quan trọng đối với công tác kế toán của các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp dịch vụ nói riêng. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho ban quản trị doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý tài chính, điều hành và phát triển công ty.

Sự hình thành và phát triển của Công ty TNHH GN&TM Viko đã trải qua nhiều khó khăn, thử thách cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường trong nước. Công ty đã không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh. Hàng năm công ty luôn đóng góp đầy đủ các khoản phải nộp cho ngân sách nhà nước, đảm bảo việc làm và mức lương tương đối cho người lao động...Đối với công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng và việc hạch toán kế toán, việc thực hiện công tác quản lý tài chính nói chung tại công ty, có thể nói là tương đối hoàn thiện song bên cạnh đó không tránh khỏi những thiếu sót. Cụ thể như sau:

Về ưu điểm:

- Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, gọn nhẹ, làm việc có hiệu quả.
- Chứng từ kế toán được lập rõ ràng, chính xác, sử dụng đúng mẫu chứng từ theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Sổ sách kế toán được lập rõ ràng, chính xác theo mẫu hướng dẫn

Hạn chế:

- Về sổ sách kế toán sử dụng: công ty chỉ phản ánh số liệu vào sổ cái cho các tài khoản chi tiết và cuối quý tổng hợp số liệu từ các sổ cái chi tiết này vào bảng tổng hợp sổ cái chi tiết. Việc phản ánh số liệu như vậy là sai quy trình theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung mà công ty đang áp dụng. Theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung, số liệu phải đồng thời được chạy vào sổ cái và sổ chi tiết tài khoản. Đến cuối tháng, kế toán sẽ tổng hợp số liệu ở sổ chi tiết vào sổ tổng hợp chi tiết để đối chiếu với số liệu ở trên sổ cái..
- Về chứng từ kế toán: Công ty không sử dụng mẫu phiếu kế toán cho các dịch vụ kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh. Đây là một sai sót của công ty, vì không dùng phiếu kế toán, công ty sẽ không có chứng từ để chứng minh

các nghiệp vụ kết chuyển doanh thu, chi phí ở công ty thực tế đã diễn ra.

- Về việc phân loại giá vốn: công ty chưa phân loại giá vốn theo đúng loại hình dịch vụ cung cấp, phân loại chi phí còn sai sót. Ví dụ khoản lệ phí xăng dầu phát sinh phục vụ cho dịch vụ vận tải tại công ty đã bị kế toán hạch toán sang chi phí quản lý kinh doanh. Như vậy, việc phản ánh lệ phí xăng dầu đã bị sai bản chất

- Về quản lý công nợ: Việc quản lý công nợ của công ty chưa được chặt chẽ, vốn của công ty hiện nay đang bị khách hàng chiếm dụng nhiều dẫn đến vòng quay vốn chậm, làm giảm hiệu quả kinh doanh.

Từ những hạn chế trên đây, em xin đưa ra một số kiến nghị để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính tại công ty TNHH GN&TM Viko

- Về sổ sách kế toán sử dụng: Công ty nên mở hệ thống sổ chi tiết và bảng tổng hợp chi tiết để tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết. Số liệu phải được chạy song song trên sổ chi tiết và sổ cái tài khoản. Đến cuối tháng, kế toán có thể đối chiếu được số liệu để kiểm tra sự chính xác trong ghi chép, phát hiện được sai sót một cách dễ dàng hơn, tránh mất thời gian.

- Về chứng từ kế toán sử dụng: Công ty nên sử dụng mẫu phiếu kế toán trong các nghiệp vụ kết chuyển doanh thu, chi phí. Vì theo nguyên tắc, chứng từ gốc là căn cứ để ghi sổ kế toán, là căn cứ để biết nghiệp vụ thực tế phát sinh là có thật và là căn cứ để kiểm tra lại các ghi chép của kế toán. Cho nên, việc sử dụng mẫu phiếu kế toán trong các nghiệp vụ kết chuyển doanh thu, chi phí là rất cần thiết; phiếu kế toán là cơ sở để chứng minh cho các nghiệp vụ kết chuyển thực tế đã phát sinh.

- Về phân loại chi phí: công ty nên phản ánh khoản lệ phí xăng dầu vào khoản chi phí giá vốn, thay vì phản ánh vào khoản chi phí quản lý kinh doanh như hiện nay. Có như vậy, việc xác định tỷ lệ giá vốn trên doanh thu mới cho được kết quả chính xác. Mà việc xác định tỷ lệ này là quan trọng để đánh giá quá trình thực hiện giá vốn có hiệu quả, tiết kiệm hay không.

- Về công tác quản lý công nợ: Công ty nên đưa ra các điều khoản thanh toán chặt chẽ trên hợp đồng để ràng buộc khách hàng, đồng thời thúc đẩy việc thanh toán của khách hàng thông qua các chính sách chiết khấu thương mại.

- Ngoài ra, công ty nên sử dụng các phương pháp, bảng biểu trong kế toán quản trị để phục vụ việc lập kế hoạch về nguồn vốn kinh doanh, thực hiện phân tích các chỉ

tiêu tài chính để đánh giá được tình hình tài chính của công ty mình trong từng kỳ.

Trên đây là toàn bộ nội dung của đề tài nghiên cứu khoa học “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH GN&TM Viko”.

Do thời gian tìm hiểu có hạn nên đề tài khoa học của em còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của hội đồng khoa học để đề tài của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

